



**QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG TRONG BỐI  
CẢNH THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TẠI VIỆT NAM**

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN  
DÀNH CHO TẬP HUẤN VIÊN CẤP HUYỆN**

**QUYỂN 1  
NỘI DUNG VỀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI  
DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG**

**Vĩnh Long, tháng 6 năm 2017**

## LỜI NÓI ĐẦU

Với vị trí địa lý và điều kiện địa hình phức tạp, Việt Nam bị ảnh hưởng của rất nhiều loại hình hiểm họa như bão, lũ lụt, sạt lở đất, hạn hán, nhiễm mặn ... gây tổn hại nghiêm trọng về người, vật chất và phá hủy môi trường. Đặc biệt dưới tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) trên phạm vi toàn cầu đã làm cho hiểm họa ở Việt Nam ngày càng gia tăng về số lượng, cường độ và mức độ ảnh hưởng, gây tác động tiêu cực đến các hoạt động sản xuất, phát triển kinh tế xã hội.

Trong nhiều năm qua, Chính phủ Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng ghi nhận trong công tác phòng tránh và giảm nhẹ rủi ro thảm họa. Việt Nam đã tích cực hợp tác có hiệu quả với cộng đồng quốc tế trong lĩnh vực giảm nhẹ rủi ro thảm họa và thích ứng với biến đổi khí hậu. Việt Nam đã tham gia ký kết và tổ chức thực hiện Nghị định như Kyoto và Công ước khung của Liên Hợp quốc về biến đổi khí hậu, Khung hành động Hyogo về giảm nhẹ rủi ro thảm họa, Hiệp định ASEAN về quản lý thảm họa và ứng phó khẩn cấp.

Ngày 16/11/2007, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt **Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai<sup>1</sup> đến năm 2020**. Một trong những quan điểm của chiến lược là “Công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai thực hiện theo phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, sử dụng hiệu quả nguồn lực của nhà nước, đồng thời huy động mọi nguồn lực của cộng đồng, của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước”.

Nhận thấy tầm quan trọng của sự huy động toàn dân đảm bảo sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ vào công tác phòng tránh và giảm nhẹ rủi ro thảm họa, với phương châm “lấy phòng ngừa là chính”, năm 2009, Chính phủ tiếp tục phê duyệt đề án “**Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng**” theo quyết định số 1002/QĐ-TTg với mục tiêu “Nâng cao nhận thức cộng đồng và tổ chức có hiệu quả mô hình quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cho các cấp, các ngành, đặc biệt là chính quyền và người dân ở các làng, xã” (Đề án 1002).

Để đảm bảo có được một hệ thống hoàn chỉnh các hoạt động về nâng cao nhận thức và quản lý rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng và để có được bộ tài liệu thống nhất cho các tỉnh tham gia thực hiện Đề án, Trung tâm Phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai (DMC) được giao nhiệm vụ xây dựng Bộ tài liệu dành cho tập huấn viên cấp tỉnh gồm: Tài liệu về Quản lý rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng (QLRRTH-DVCD) và Tài liệu về phương pháp tập huấn và kế hoạch bài giảng gợi ý. Bộ tài liệu này được xây dựng trên cơ sở tham khảo các tài liệu đã được sử dụng trong quá trình thực hiện thí điểm mô hình Quản lý rủi ro thảm họa (QLRRTH) có sự tham gia, hướng tới bình đẳng giới do các tổ chức trong và ngoài nước thực hiện. Với sự hỗ trợ về mặt tài chính và kỹ thuật của tổ chức Oxfam tại Việt Nam, Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai là cơ quan đầu mối trong việc tổ chức và huy động sự tham gia của các tổ chức Phi chính phủ trong và ngoài nước, các cơ quan tham gia công tác phòng tránh và giảm nhẹ rủi ro thảm họa tại Việt Nam để xây dựng bộ tài liệu tập huấn này.

<sup>1</sup> Đề thống nhất với nội dung của tài liệu tập huấn “Giảm nhẹ thiên tai” ở đây cần được hiểu là “Giảm nhẹ rủi ro thảm họa”

Mặc dù đã hết sức cố gắng trong quá trình biên soạn tài liệu, tuy nhiên cũng sẽ khó tránh khỏi những sai sót, đặc biệt là đối với những thuật ngữ mới trong QLRRTH và BDKH trong bộ tài liệu tập huấn. Nhóm biên soạn rất mong nhận được những góp ý, bổ sung của bạn đọc, đặc biệt là các tập huấn viên về phòng ngừa rủi ro thảm họa để bộ tài liệu ngày càng hoàn thiện hơn.

## MỤC LỤC

|  |    |
|--|----|
| DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT .....   | 5  |
| PHẦN I: THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ TÀI LIỆU.....  | 6  |
| PHẦN 2: NỘI DUNG BÀI GIẢNG .....   | 8  |
| Bài 1: HIỂM HỌA, RỦI RO THẨM HỌA VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU.....  | 8  |
| I. Các khái niệm cơ bản.....   | 8  |
| II. Các loại hình hiểm họa chính ở Việt Nam .....  | 12 |
| III. Biến đổi khí hậu.....   | 18 |
| Bảng: Tóm tắt tác động tiềm năng của BĐKH tới các vùng/lĩnh vực.....   | 23 |
| Bài 2: QUẢN LÝ RỦI RO DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU.....   | 25 |
| I. Tầm quan trọng của Quản lý rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng .....  | 25 |
| II. Khái niệm và nguyên tắc cơ bản trong Quản lý rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng .....   | 27 |
| III. Các bước thực hiện chương trình QLRRTH-DVCD.....  | 31 |
| IV. Ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam .....   | 40 |
| V. Giới thiệu Đề án “Nâng cao năng lực cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” (Quyết định số 1002/QĐ-TTg)..... | 42 |
| Bài 3: ĐÁNH GIÁ RỦI RO THẨM HỌA .....  | 44 |
| I. Rủi ro thảm họa.....  | 44 |
| II. Đánh giá Rủi ro thảm họa (RRTH) dựa vào cộng đồng.....   | 45 |
| III. Nội dung đánh giá RRTH .....  | 47 |
| IV. Các bước tiến hành và công cụ đánh giá rủi ro thảm họa .....   | 53 |
| Bài 4: CÁC HOẠT ĐỘNG GIẢM NHẸ RỦI RO THẨM HỌA VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU .....  | 64 |
| I. Khái niệm về giảm nhẹ rủi ro (GNRR): .....  | 65 |
| II. Các biện pháp GNRR thảm họa.....   | 65 |
| III. Xác định các biện pháp GNRR.....  | 68 |
| IV. Truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về GNRRTH: .....   | 69 |
| Bài 5: LẬP KẾ HOẠCH GIẢM NHẸ RỦI RO THẨM HỌA VÀ THÍCH ỨNG VỚI BĐKH.....  | 72 |
| I. Giải thích khái niệm lập kế hoạch GNRRTH và TUBĐKH có sự tham gia.....  | 72 |
| Tổng kết bài học .....   | 81 |
| BẢNG CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ .....  | 81 |

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

|                 |   |
|-----------------|---|
| BĐKH            | Biến đổi khí hậu                                      |
| CECI            | Trung tâm Nghiên cứu và Hợp tác Quốc tế               |
| KH              | Kế hoạch  |
| KT-XH           | Kinh tế - Xã hội                                      |
| Bộ<br>NN&PTNT   | Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn                |
| Bộ TN&MT        | Bộ Tài nguyên và Môi trường                           |
| Bộ KH&ĐT        | Bộ Kế hoạch và Đầu tư                                 |
| QLRRTH-<br>DVCD | Quản lý rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng             |
| QLRRTH          | Quản lý rủi ro thảm họa                               |
| UNISDR          | Chiến lược quốc tế Liên Hợp Quốc về giảm nhẹ thảm họa |
| Hội CTĐ VN      | Hội Chữ thập đỏ Việt Nam                              |

# PHẦN I: THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ TÀI LIỆU

## MỤC ĐÍCH

Tài liệu tập huấn dành cho tập huấn viên cấp tỉnh về QLRRTH-DVCD nhằm hỗ trợ cho các tập huấn viên trong việc triển khai hoạt động tập huấn về QLRRTH-DVCD tại cộng đồng.

Thông qua quá trình tham vấn, nhóm biên soạn đã tổng hợp và hệ thống hóa các tài liệu hướng dẫn và phương pháp luận sẵn có về QLRRTH-DVCD tại Việt Nam, nhằm cung cấp cho các tập huấn viên những kiến thức cơ bản về QLRRTH-DVCD.

Thông qua từng phần, các tập huấn viên sẽ được hướng dẫn có hệ thống, và hướng dẫn chi tiết cách chuẩn bị bài giảng và tổ chức các khóa tập huấn theo *Phương pháp tập huấn chủ động* hay *Phương pháp tập huấn có sự tham gia*.

Tuy nhiên, cuốn tài liệu tập huấn này chỉ được xem như là một tài liệu định hướng phục vụ công tác tập huấn. Vì vậy, sử dụng mềm dẻo, linh hoạt các kế hoạch bài giảng gợi ý là rất cần thiết. Thành công của các phương pháp và công cụ được trình bày trong tài liệu phụ thuộc vào chính khả năng của người sử dụng trong việc vận dụng phù hợp trong các hoàn cảnh và đối tượng học viên cụ thể. Tập huấn viên có thể làm phong phú thêm nội dung bài giảng bằng những bài học rút ra từ quá trình phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thảm họa ngay tại địa phương của mình.

## ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG

Tài liệu này chủ yếu dành cho các tập huấn viên cấp tỉnh, phục vụ công tác đào tạo về QLRRTH-DVCD. Tuy nhiên, các cán bộ và tổ chức ở cấp trung ương và cấp tỉnh có hoạt động liên quan đến lĩnh vực quản lý rủi ro thảm họa (QLRRTH) và những cá nhân, tổ chức quan tâm đến phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng cũng có thể sử dụng tài liệu này với mục đích tham khảo.

### **Đối tượng sử dụng tài liệu bao gồm:**

- Cán bộ chính quyền địa phương các cấp chịu trách nhiệm thực hiện Đề án 1002.
- Các cơ quan, ban ngành và các tổ chức đoàn thể liên quan đến công tác phòng ngừa và giảm nhẹ rủi ro thảm họa.
- Các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế
- Hội Chữ thập đỏ Việt Nam
- Hội Liên Hiệp Phụ nữ Việt Nam
- Các tổ chức tài trợ
- Các cá nhân, tổ chức có liên quan đến lĩnh vực QLRRTH và phát triển cộng đồng

## NỘI DUNG VÀ CẤU TRÚC TÀI LIỆU

Tài liệu tập huấn này bao gồm 2 quyển:

**Quyển 1:** Nội dung về Quản lý rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng

## **Quyển 2:** Phương pháp tập huấn và Kế hoạch bài giảng gợi ý

Trong đó, Quyển 1 bao gồm 3 phần

**Phần I – THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ TÀI LIỆU:** Cung cấp cho người sử dụng những thông tin cơ bản về tài liệu cũng như cách sử dụng tài liệu.

Phần một bao gồm các nội dung sau:

- Giới thiệu chung về tài liệu tập huấn
- Mục đích và cách sử dụng tài liệu tập huấn
- Nội dung của tài liệu tập huấn

**Phần II - NỘI DUNG BÀI GIẢNG** được chia thành năm bài giảng với nội dung như sau:

### ***Bài 1: Hiểm họa, rủi ro thảm họa và biến đổi khí hậu***

Giới thiệu các khái niệm về hiểm họa, thảm họa, tình trạng dễ bị tổn thương và những kiến thức tổng quát về các loại hình hiểm họa ở Việt Nam tương ứng với từng vùng địa lý nhất định. Đồng thời, trình bày các thuật ngữ về BĐKH và tác động của hiện tượng biến đổi khí hậu liên quan đến sự gia tăng về số lượng cũng như tần suất của các hiểm họa tự nhiên tại Việt Nam.

### ***Bài 2: Quản lý rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng và thích ứng với biến đổi khí hậu***

Giới thiệu những kiến thức cơ bản về QLRRTH-DVCD. Bài giảng này bao gồm các chủ đề như: Nguyên tắc và phương pháp tiếp cận quản lý rủi ro thảm họa, các bước thực hiện các hoạt động giảm thiểu rủi ro thảm họa, thích ứng với BĐKH tại Việt Nam và thông tin cơ bản về Đề án 1002.

### ***Bài 3: Đánh giá rủi ro thảm họa***

Giới thiệu phương pháp đánh giá rủi ro thảm họa là quá trình thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin có sự tham gia của người dân tại cộng đồng đó về các loại hiểm họa và tác động của các hiểm họa và biến đổi khí hậu tới các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương như người cao tuổi, trẻ em; người tàn tật, phụ nữ nghèo, đặc biệt là phụ nữ làm chủ hộ; và các nhóm dễ bị tổn thương khác trong cộng đồng (đánh giá hiểm họa; xác định các nhóm dễ bị tổn thương dưới tác động của thảm họa (đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương); Những nguồn lực, kỹ năng, kinh nghiệm sẵn có và chiến lược ứng phó của cộng đồng (đánh giá khả năng) có tính đến yếu tố giới.

### ***Bài 4: Các hoạt động giảm nhẹ rủi ro thảm họa và thích ứng với biến đổi khí hậu***

Giới thiệu các hoạt động giảm thiểu rủi ro đang được áp dụng hiện nay (biện pháp công trình, biện pháp phi công trình). Phân tích lợi ích và phạm vi sử dụng của mỗi biện pháp.

### ***Bài 5: Lập kế hoạch và thực hiện quản lý rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng***

Sẽ giới thiệu các công cụ nhằm cải tiến kế hoạch phòng chống lụt bão hàng năm, tiến tới việc xây dựng kế hoạch giảm thiểu rủi ro thảm họa chi tiết ứng với từng khu vực và từng loại hình thiên tai, thảm họa. Cũng như giới thiệu phương pháp lồng ghép kế hoạch giảm thiểu rủi ro thảm họa và thích ứng biến đổi khí hậu vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội địa phương.

**Phần III – TÀI LIỆU THAM KHẢO:** Bao gồm các phụ lục phục vụ thiết thực cho tập huấn viên

- Bảng chú giải thuật ngữ
- Danh sách tài liệu dùng cho tập huấn viên tham khảo

## **PHẦN 2: NỘI DUNG BÀI GIẢNG**

### **NỘI DUNG BÀI GIẢNG**

**Bài 1:**Hiểm họa, rủi ro thảm họa và biến đổi khí hậu

**Bài 2:**Quản lý rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng và thích ứng với biến đổi khí hậu

**Bài 3:**Đánh giá rủi ro thảm họa

**Bài 4:**Các hoạt động giảm nhẹ rủi ro thảm họa và thích ứng với biến đổi khí hậu

**Bài 5:** Lập kế hoạch và thực hiện quản lý rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng

### **Bài 1: HIỂM HỌA, RỦI RO THẢM HỌA VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

**Mục đích:** Sau bài học này nhằm giới thiệu cho học viên kiến thức về:

- Các khái niệm cơ bản liên quan đến hiểm họa, rủi ro thảm họa và biến đổi khí hậu;
- Các loại hình hiểm họa chính ở Việt Nam;
- Tình hình biến đổi khí hậu trên thế giới, khu vực và Việt Nam
- Tác động của BĐKH đối với cộng đồng.

#### **Nội dung bài học:**

- I. Khái niệm cơ bản
- II. Các loại hình hiểm họa chính tại Việt Nam
- III. Biến đổi khí hậu

#### **I. Các khái niệm cơ bản**

##### **1. Các khái niệm cơ bản liên quan đến hiểm họa và rủi ro thảm họa**



Phần này giới thiệu các khái niệm và thuật ngữ thường dùng trong QLRTH-DVCD. Để thống nhất cách hiểu chung, tài liệu sử dụng nhiều khái niệm và thuật ngữ theo Chiến lược Quốc tế Liên Hợp Quốc về Giảm nhẹ Thảm họa năm 2009 (*The United Nations International Strategy for Disaster Reduction - UNISDR*)

Các khái niệm và thuật ngữ bao gồm:

- **Hiểm họa, Thảm họa**
- **Khả năng, Tình trạng dễ bị tổn thương, Rủi ro thảm họa**
- **Quản lý rủi ro thảm họa, Giảm nhẹ, Phòng ngừa, Ứng phó, Phục hồi, Cứu trợ**
- **Biến đổi khí hậu, Thích ứng với Biến đổi khí hậu, Năng lực thích ứng**

**Hiểm họa:** Sự kiện, các chất, hoạt động của con người hay điều kiện nguy hiểm có thể gây các tổn thất về tính mạng, gây thương tích, ảnh hưởng khác về sức khỏe, thiệt hại tài sản, gây tổn thất về sinh kế và dịch vụ, gián đoạn các hoạt động xã hội và kinh tế hoặc tàn phá môi trường

**Thảm họa:** Khi hiểm họa xảy ra làm gián đoạn nghiêm trọng các hoạt động của cộng đồng dân cư hoặc xã hội, gây ra những tổn thất và mất mát về tính mạng, tài sản, kinh tế và môi trường mà cộng đồng và xã hội đó không có đủ khả năng chống đỡ.



Hình 1a: Hiểm họa

Hình 1b: Thảm họa

Nguồn: Hội CTĐ Việt Nam. “Giới Thiệu về Phòng Ngừa Thảm Họa cho Học Sinh Tiểu Học”

## Tình trạng dễ bị tổn thương

Những đặc điểm và hoàn cảnh của một cộng đồng, hệ thống hoặc tài sản làm cho nó dễ bị ảnh hưởng của các tác động bất lợi từ hiểm họa.

Có ba lĩnh vực dễ bị tổn thương như sau:

- **Tình trạng dễ bị tổn thương về vật chất, phương tiện:**

Ví dụ người nghèo, những người có nguồn lực vật chất hạn chế sẽ chịu tổn thất do thảm họa gây ra nhiều hơn so với người giàu. Nhà cửa của người nghèo có thể ở các vị trí dễ bị chịu tác động của các hiểm họa, họ không có tiền tiết kiệm, sức khỏe kém, không có bảo hiểm hay các nguồn sinh kế của họ không an toàn và phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên. Những yếu tố này làm cho người nghèo dễ bị tổn thương do thảm họa tức là người nghèo có khoảng thời gian sống sót và phục hồi sau thiên tai vất vả hơn so với những người có điều kiện kinh tế hơn.

- **Tình trạng dễ bị tổn thương về tổ chức, xã hội:**

Cộng đồng thiếu nhận thức về các loại hình hiểm họa và các kỹ năng, nền tảng giáo dục của họ không được đầy đủ và mối quan hệ trong gia đình và cộng đồng lỏng lẻo khiến họ dễ bị tác động cả thảm họa. Cộng đồng được tổ chức tốt, có sự cam kết với nhau cao hơn khi thảm họa xảy ra sẽ chịu tác động ít hơn.

- **Tình trạng dễ bị tổn thương về thái độ, động cơ:**

Cộng đồng có tư tưởng thụ động, tiêu cực, chấp nhận số phận và thiếu sự hợp tác thông nhất sẽ chịu tác động lớn hơn khi thảm họa xảy ra so với những cộng đồng tự tin vào khả năng của mình có thể tạo ra những thay đổi như mong muốn.

## Khả năng

Là tổng hợp các nguồn lực, điểm mạnh, đặc tính sẵn có trong cộng đồng, tổ chức, xã hội có thể được sử dụng nhằm đạt được các mục tiêu chung.

Khả năng có thể được phân loại giống tình trạng dễ bị tổn thương:

- **Khả năng về vật chất**

Cộng đồng bị thiệt hại trong thảm họa nhưng họ có thể tận dụng được một số nguồn lực sẵn có trong cộng đồng mình để khôi phục lại cuộc sống, hoặc họ có thể dự trữ sẵn lương thực, các nhu yếu phẩm để giúp vượt qua khó khăn.

- **Khả năng về tổ chức/ xã hội**

Khi xảy ra thảm họa, dù cho mọi thứ bị phá huỷ người dân trong cộng đồng vẫn còn kiến thức, kỹ năng; họ có gia đình, có tổ chức cộng đồng, có lãnh đạo và các cơ chế đưa ra quyết định để ứng phó mọi rủi ro trong thảm họa.

- **Khả năng về thái độ/ động cơ**

Thái độ, động cơ tích cực mạnh mẽ (như yêu thương, quan tâm, sẵn lòng giúp đỡ nhau) là những khả năng để hình thành sự phát triển. Thái độ, động cơ cũng quan trọng như những nguồn lực về vật chất hay tổ chức.

## Rủi ro thảm họa

Những tổn thất tiềm ẩn về tính mạng, tình trạng sức khỏe, các hoạt động sinh kế, tài sản và các dịch vụ<sup>2</sup> do thảm họa gây ra cho một cộng đồng hoặc một xã hội cụ thể trong một khoảng thời gian nhất định.

### **Quản lý Rủi ro Thảm họa**

Là quá trình mang tính hệ thống trong việc sử dụng các hướng dẫn hành chính, các tổ chức, năng lực và các kỹ năng điều hành nhằm thực hiện các chiến lược, chính sách và khả năng đối phó đã được nâng cao để giảm thiểu các tác động bất lợi của hiểm họa và khả năng xảy ra thảm họa.

### **Giảm thiểu rủi ro thảm họa**

Là quan điểm và biện pháp giảm thiểu các rủi ro thảm họa thông qua những nỗ lực mang tính hệ thống để phân tích và quản lý các nguyên nhân của thảm họa bao gồm việc giảm mức độ nguy hiểm trước hiểm họa, giảm tình trạng dễ bị tổn thương của con người và tài sản, quản lý hiệu quả đất và môi trường, và cải thiện khả năng phòng ngừa các sự kiện bất lợi.

## **2. Các khái niệm cơ bản liên quan đến biến đổi khí hậu ở Việt Nam**

### **Biến đổi khí hậu**

Biến đổi khí hậu (BĐKH) là sự biến đổi trạng thái của khí hậu so với trung bình và/hoặc dao động của khí hậu duy trì trong một khoảng thời gian dài, thường là vài thập kỷ hoặc dài hơn. Biến đổi khí hậu có thể là do các quá trình tự nhiên bên trong hoặc các tác động bên ngoài, hoặc do hoạt động của con người làm thay đổi thành phần của khí quyển hay trong khai thác sử dụng đất.<sup>3</sup>

Nói một cách ngắn gọn, “*Biến đổi khí hậu là sự thay đổi của khí hậu diễn ra trong một khoảng thời gian dài, do nguyên nhân tự nhiên hoặc hoạt động của con người gây ra*”. BĐKH trở thành vấn đề nóng bỏng trong hai thập kỷ gần đây. BĐKH đang là mối đe dọa có thể gây đảo ngược tiến trình phát triển con người và kinh tế ở Việt Nam và các nước trên thế giới.

### **Thích ứng với biến đổi khí hậu**

Là sự điều chỉnh hệ thống tự nhiên hoặc con người đối với hoàn cảnh hoặc môi trường thay đổi, nhằm mục đích giảm khả năng bị tổn thương do dao động và biến đổi khí hậu hiện hữu hoặc tiềm tàng và tận dụng các cơ hội do nó mang lại.<sup>4</sup>

### **Năng lực thích ứng**

Khả năng của một hệ thống để điều chỉnh đối với biến đổi khí hậu, nhằm giảm nhẹ các thiệt hại tiềm tàng, nhằm tận dụng các cơ hội hoặc nhằm đối phó với những hậu quả. (*Theo Ban Liên Chính phủ về Biến đổi khí hậu của Liên Hợp Quốc – The United Nation International Panel on Climate Change/ UN IPCC 2007*)

<sup>2</sup> Dịch vụ nghĩa là các hoạt động phục vụ cho con người

<sup>3</sup> Theo Chương trình mục tiêu quốc gia Ứng phó với biến đổi khí hậu, Bộ TN&MT, 2007

<sup>4</sup> Theo Chương trình mục tiêu quốc gia Ứng phó với biến đổi khí hậu, Bộ TN&MT, 2007

## II. Các loại hình hiểm họa chính ở Việt Nam

### 1. Đặc điểm về địa hình của Việt Nam<sup>5</sup>

- Địa hình Việt Nam tương đối đa dạng: núi, sông, cao nguyên, đồng bằng, bờ biển, bán đảo, đảo;
- Đồi núi và cao nguyên chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ. Đồng bằng chỉ chiếm 1/4 diện tích lãnh thổ;
- Các dãy núi thường có hướng Tây Bắc - Đông Nam gần vuông góc với hướng gió mùa Đông Bắc - Tây Nam;
- Nhiều dãy núi song song chia cắt lãnh thổ tạo thành những sông có hướng Tây Bắc - Đông Nam. Phần lớn các sông đều đổ ra biển Đông;
- Địa hình núi cao, sườn dốc lớn, độ chia cắt mạnh, phân bố rải rác khắp lãnh thổ với mạng lưới sông dày đặc;
- Với đặc điểm như trên, Việt Nam thường xuyên chịu tác động của bão, lũ và các loại hiểm họa khác.

### 2. Các loại hình hiểm họa chính ở Việt Nam

Việt Nam thường xuyên phải đối mặt với nhiều loại hiểm họa. Việt Nam cũng nằm trong số 10 quốc gia hàng đầu về tần suất bị ảnh hưởng bởi các hiểm họa trên thế giới với những loại hình hiểm họa chính là bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán... Trong đó, loại hình hiểm họa xảy ra thường xuyên và gây tàn phá nhiều nhất là bão, áp thấp nhiệt đới và lũ lụt.

### Phân bố các loại hình hiểm họa chính thuộc các vùng địa lý khác nhau ở Việt Nam

| CÁC VÙNG            | HIỂM HỌA CHÍNH                                       |
|---------------------|--|
| Miền núi phía Bắc   | Lũ quét, sạt lở đất, động đất                        |
| Đồng bằng sông Hồng | Lũ lụt, bão, hạn hán                                 |
| Bắc Trung Bộ        | Bão, lụt, sạt lở đất, lũ quét, hạn hán, xâm nhập mặn |
| Nam Trung Bộ        | Bão, lụt, sạt lở đất, lũ quét, hạn hán, xâm nhập mặn |

<sup>5</sup> Theo Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020

|                         |  |
|-------------------------|--|
| Tây Nguyên              | Lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, động đất |
| Đông Nam Bộ             | Bão, lũ                                |
| Đồng bằng sông Cửu Long | Lũ lụt, bão, sạt lở đất                |

**Ghi chú:** Các vùng địa lý trên theo Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020.

### **Áp thấp nhiệt đới và bão**

#### **a) Khái niệm:**

Áp thấp nhiệt đới và bão được hình thành từ Biển Đông hoặc Tây Thái Bình Dương.

- **Bão:** Là xoáy thuận nhiệt đới có sức gió mạnh nhất từ cấp 8 trở lên (tức là từ 62-74km/giờ) và có thể có gió giật. Bão từ cấp 10-cấp 11 được gọi là bão mạnh; từ cấp 12 trở lên gọi là bão rất mạnh.
- **Áp thấp nhiệt đới:** Là xoáy thuận nhiệt đới có sức gió mạnh từ cấp 6 đến cấp 7 (39-61km/h) và có thể có gió giật.
- **Áp thấp nhiệt đới và bão** có thể di chuyển vào đất liền và nhanh chóng bị suy yếu đi. Áp thấp nhiệt đới thường có gió xoáy kèm mưa lớn (Mưa lớn là một trong những nguyên nhân làm mực nước biển dâng cao). Đối với áp thấp nhiệt đới và bão thì hệ thống dự báo thời tiết (vệ tinh, ra đa) có thể cảnh báo trước từ 6 đến 12 giờ.

#### **b) Nguyên nhân:**

Ở khu vực đại dương thuộc vĩ độ 5-20 hai bên xích đạo, khi nhiệt độ mặt biển đạt từ 26 – 27<sup>0</sup>C, nước bốc hơi mạnh tạo thành vùng khí áp thấp. Do đó không khí sẽ tràn vào vùng thấp này, tạo ra một vùng xoáy ngược chiều kim đồng hồ. Vùng xoáy này có phạm vi hàng trăm km được gọi là vùng xoáy thuận nhiệt đới. Vùng xoáy này mạnh dần khi tốc độ gió đạt cấp 6 cấp 7 gọi là áp thấp nhiệt đới. Từ cấp 8 trở nên gọi là bão.

#### **c) Những thiệt hại chính do áp thấp nhiệt đới và bão gây ra**

- Thiệt hại về người và ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng (chết người, bị thương, gây dịch bệnh);
- Thiệt hại về vật chất: mất mát tài sản, hư hỏng công trình, ngưng trệ giao thông, gián đoạn thông tin liên lạc;
- Cây trồng, vật nuôi và nguồn cung cấp lương thực bị ảnh hưởng và thiệt hại (mất mùa, làm chết gia súc và dịch bệnh ở gia súc);
- Thiếu lương thực và nước sạch cho sinh hoạt;

- Năng lượng và thông tin bị ảnh hưởng (gió bão làm đổ gãy, đổ cột điện, đường dây điện, đường dây thông tin liên lạc. Giao thông có thể bị gián đoạn, một số vùng bị ảnh hưởng có thể bị cô lập);
- Ô nhiễm môi trường;
- Có thể gây ra lũ quét và sạt lở đất do mưa lớn.

#### **d) Các yếu tố làm tăng thiệt hại đối với cộng đồng:**

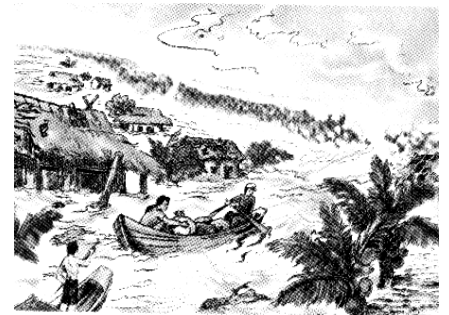
- Dân cư nằm ở vùng ven biển, vùng đất thấp, sườn đồi trồng trọt không có cây phòng hộ;
- Yếu kém trong hệ thống thông tin liên lạc và cảnh báo sớm;
- Cơ sở hạ tầng và nhà ở yếu kém;
- Tàu thuyền không được trang bị phao cứu sinh/vật nổi;
- Nhận thức về rủi ro, hiểm họa còn hạn chế;
- Thiếu sự chuẩn bị cho việc phòng chống áp thấp nhiệt đới/bão.

### **Lũ lụt**

#### **a) Khái niệm:**

- Lũ là mực nước và tốc độ của dòng chảy trên sông, suối vượt quá mức bình thường;
- Lụt xảy ra khi nước lũ dâng cao tràn qua sông, suối, hồ và đê, đập; vào các vùng trũng, làm ngập nhà cửa, cây cối, ruộng đồng.

#### **Các loại lũ**



#### ***Lũ quét:***

Diễn ra nhanh trong thời gian rất ngắn, dòng nước chảy với tốc độ lớn làm bật gốc cây trồng và quét đi tất cả những gì nằm trong dòng chảy của lũ quét.

#### ***Lũ sông:***

Nước dâng lên từ từ, thường xảy ra theo mùa ở các hệ thống sông ngòi.

#### ***Lũ ven biển:***

Xuất hiện khi sóng biển dâng cao đột ngột kết hợp với triều cường, phá vỡ đê hoặc tràn qua đê biển vào đất liền làm nước sông chảy thoát ra biển chậm gây ngập lụt.

Các yếu tố chi phối mức độ ảnh hưởng của lũ bao gồm: độ sâu ngập lũ, thời gian ngập lũ, tốc độ dòng chảy, cường suất lũ lên và tần suất xuất hiện của lũ.

**b) Nguyên nhân:**

- Mưa lớn và mưa kéo dài; (bao gồm cả ảnh hưởng của bão hoặc tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu - *xem thêm phần khái niệm và nguyên nhân của BĐKH*)
- Các công trình xây dựng ngăn cản dòng chảy tự nhiên (đường giao thông, hệ thống thủy lợi);
- Đô thị hóa nhanh làm giảm sức hút nước của đất và hệ thống thoát nước không được qui hoạch tốt;
- Vỡ đê, kè hay vỡ đập;
- Rừng bị chặt phá và bị huỷ hoại (đặc biệt là rừng đầu nguồn);
- Bão hoặc gió mạnh kết hợp với triều cường.

**c) Những thiệt hại chính do lũ lụt gây ra**

- Thiệt hại về người (gây thương tích và ảnh hưởng sức khỏe tới cộng đồng do dịch bệnh);
- Thiệt hại về vật chất – Nhà cửa, cơ sở hạ tầng có thể bị lũ cuốn trôi, làm sập, đổ do bị ngâm nước hoặc bị hư hỏng do các vật trôi nổi trong nước lũ va đập vào;
- Ô nhiễm nước mặt hoặc ô nhiễm các giếng khơi và tầng nước ngầm. Thiếu nước sạch;
- Lương thực, thực phẩm bị ảnh hưởng do thu hoạch mùa vụ, không dự trữ lương thực, thực phẩm dự trữ có thể bị thiệt hại do bị ngập nước. Vật nuôi, các công cụ sản xuất và hạt giống có thể bị cuốn trôi;
- Dịch bệnh lan truyền theo nguồn nước, gây sạt lở đất.

**d) Các yếu tố làm tăng thiệt hại đối với cộng đồng**

- Vị trí khu dân cư ở những vùng dễ chịu tác động của lũ;
- Khả năng thấm của mặt đất bị suy giảm (do xói mòn hoặc bê tông hóa);
- Nhà cửa, cơ sở hạ tầng không có khả năng chống chịu lũ;
- Kho chứa lương thực, thực phẩm, cây trồng, vật nuôi không được bảo vệ;
- Tàu thuyền không được trang bị áo phao, vật nổi thích hợp;
- Thiếu nguồn lực, kỹ năng cần thiết để ứng phó với lũ (ví dụ như trang thiết bị cứu hộ trên sông, kỹ năng cứu nạn trong lũ, khả năng bơi lội).

**Sạt lở**

**a) Khái niệm:**

Sạt lở là loại hình hiểm họa thường xảy ra ở Việt Nam, bao gồm: sạt lở bờ sông, bờ biển, các sườn núi dốc và lún, nứt đất.

**Sạt lở bờ sông** là hiện tượng phổ biến xảy ra hàng năm ở nước ta tại các sông, suối trong cả nước, làm mất đi số lượng đáng kể diện tích đất ở, đất canh tác; phá huỷ nhiều làng mạc ven sông.

**Sạt lở bờ biển** do sóng, thủy triều, nước biển dâng và dòng hải lưu gây ra. Sạt lở bờ biển dẫn đến hậu quả biển xâm thực vào đất liền, mất nhà ở, phá huỷ môi trường...

**Trượt lở đồi núi, sườn dốc** thường do mưa lớn tập trung, kết hợp với nơi có cấu tạo địa chất yếu, tác động của con người như: bạt núi mở đường, chặt phá rừng... Trượt lở đồi núi thường kèm theo lũ bùn đá, gây tổn thất nghiêm trọng đối với tính mạng và tài sản của người dân trong vùng.

#### **b) Nguyên nhân:**

Sạt lở thường do các nguyên nhân: ngoại sinh (do nước), nội sinh (do biến động địa chất) và dân sinh (do khai thác khoáng sản bừa bãi hoặc thi công các công trình)...

- Kết quả của những chấn động tự nhiên làm mất sự liên kết của đất, đá trên sườn đồi và núi ở vùng có địa hình dốc lớn, địa chất yếu có độ rỗng lớn, vùng đất pha cát/đá và vùng rừng thưa;
- Rừng bị chặt phá nhiều;
- Địa hình đồi núi cao, dốc lớn, xây dựng công trình thiếu nghiên cứu các yếu tố địa chất.
- Do quá trình sản xuất lúa nước một vụ ở ruộng bậc thang nước ngấm sâu vào lòng đất làm đấtơi xốp. Khi trở nước vào ruộng làm cho đất mềm, gặp mưa to gây ra sạt lở;
- Nắng nóng kéo dài gây ra nứt đất, khi có mưa to sẽ tạo thành đường trượt gây sụt đất hay sạt lở đất, đá trượt nhanh từ sườn dốc, mái dốc xuống gây ra sạt cả mảng đồi trượt xa hàng km.
- Do mưa lớn, kéo dài.
- Do khai thác khoáng sản bừa bãi.
- Do tác động của dòng xoáy.

#### **c) Những thiệt hại chính do sạt lở gây ra:**

- Sạt lở có thể làm chết người, gây thương tật cho con người và làm ảnh hưởng đến môi trường do bị đất đá vùi;
- Làm hư hỏng nhà cửa, tài sản và các công trình khác;
- Lấp đường, trôi cầu bắc qua suối làm ách tắc giao thông;
- Đất sản xuất bị đất đá vùi lấp không còn trồng trọt được;
- Làm hư hại mùa vụ, cây trồng, chết gia súc;
- Sạt lở đồi núi, sườn dốc tạo thành các vật cản giữ nước tạm thời, khi có mưa to, vật cản bị phá vỡ gây ra lũ quét

#### **d) Các yếu tố làm tăng thiệt hại đối với cộng đồng:**



- Rừng bị chặt phá mà không được trồng lại;
- Nhà ở nằm sát bờ suối, sát chân núi dốc cao;
- Thiếu hiểu biết về nguyên nhân và cách phòng chống sạt lở;
- Không có kế hoạch phòng ngừa (dự trữ lương thực nước uống, nơi sơ tán)
- Xây dựng và thiết kế các công trình không đúng kỹ thuật.

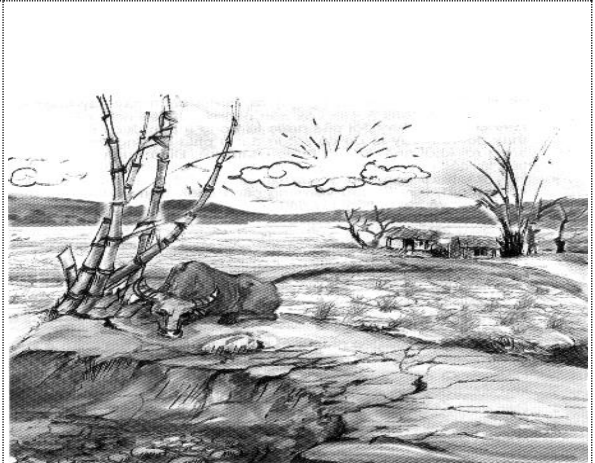
## **Hạn hán**

### **a) Khái niệm:**

Hạn hán là hiện tượng thiếu nước trong một thời gian dài, trên diện rộng.

### **b) Nguyên nhân:**

- Do tác động của biến đổi khí hậu (nóng lên trên toàn cầu);
- Do lâu ngày không có mưa và nắng nóng kéo dài;
- Do chặt phá rừng,
- Nguồn nước ngầm được khai thác và sử dụng không hợp lý;
- Không có phương tiện hay các công trình dự trữ nước;
- Hệ thống các công trình thủy lợi thiếu và không hoàn chỉnh.



### **c) Những thiệt hại chính do hạn hán gây ra:**

- Thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất;
- Gia tăng dịch bệnh ở người (đặc biệt đối với trẻ em và người già);
- Giảm sản lượng cây trồng, vật nuôi;
- Làm cho gia súc, gia cầm (trâu bò, lợn gà) bị chết hoặc bị dịch bệnh;
- Giảm thu nhập của người nông dân, giảm chi phí dành cho các hoạt động nông nghiệp, làm tăng giá lương thực nguyên liệu (thóc, gạo), tăng lạm phát, tăng dịch bệnh do suy dinh dưỡng hoặc bệnh tật do vệ sinh.
- Khi lưu lượng nước trong sông bị suy giảm, những vùng đất gần biển có thể bị ảnh hưởng của xâm nhập mặn và nhiễm mặn;
- Ô nhiễm môi trường.

### **d) Các yếu tố làm tăng thiệt hại đối với cộng đồng**

- Cộng đồng sống trong vùng đất khô hạn, nơi có các điều kiện khô hạn gia tăng do hạn hán;

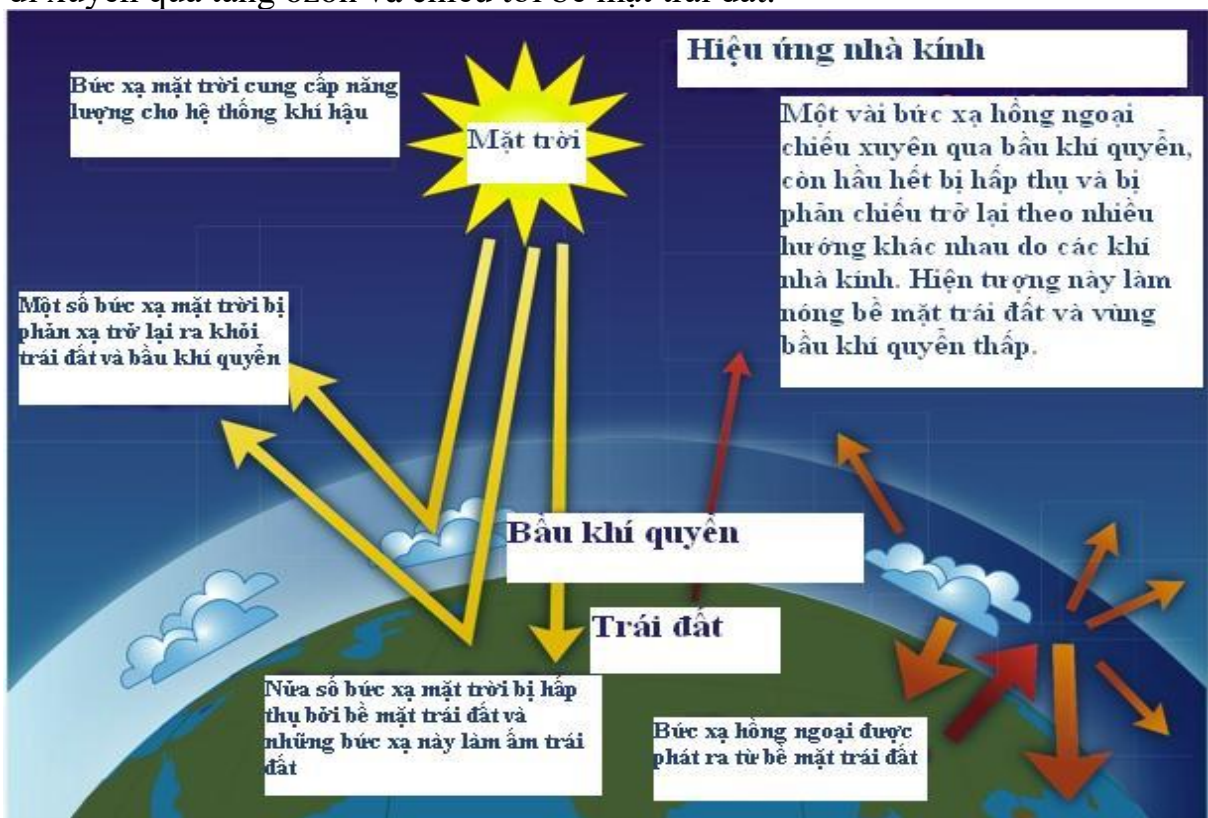
- Cộng đồng canh tác trên các vùng đất có chất lượng thấp hoặc đất canh tác bạc màu;
- Thiếu các đầu vào cho canh tác để cải thiện sản lượng;
- Thiếu hệ thống quản lý nguồn nước;
- Thiếu nguồn giống và dự trữ lương thực;
- Các vùng đất phụ thuộc vào các hệ thống thời tiết khác đối với nguồn nước;
- Các vùng đất có lượng giữ ẩm trong đất thấp;
- Thiếu sự phân phối tài nguyên để giảm nhẹ hiểm họa hạn hán.

### III. Biến đổi khí hậu

#### a) Các nguyên nhân gây ra biến đổi khí hậu

##### Hiệu ứng nhà kính

Năng lượng đến từ mặt trời dưới dạng tia hoặc sóng, có các năng lượng khác nhau. Trong tổng số năng lượng mặt trời chiếu đến bầu khí quyển của trái đất, khoảng một phần ba phản xạ trở lại vào không gian bởi băng tuyết, nước hoặc bề mặt sáng bóng khác, hai phần ba được hấp thụ bởi trái đất – khiến cho đất, đại dương và khí quyển ấm lên. Một lớp khí ôzôn dày bao quanh bầu khí quyển của trái đất, được gọi là "tầng ôzôn". Các sóng mặt trời khi gặp phải tầng ôzôn, phần lớn<sup>6</sup> phản xạ trở lại vào không gian, một số bị hấp thụ bởi tầng ôzôn. Phần còn lại đi xuyên qua tầng ôzôn và chiếu tới bề mặt trái đất.



<sup>6</sup> Chỉ có các bước sóng rất ngắn mới chiếu xuyên qua được tầng ôzôn; các bước sóng khác bị hấp thụ bởi tầng ôzôn, còn các bước sóng rất lớn không thể chiếu xuyên qua và bị phản chiếu trở lại.

Vào ban đêm, năng lượng bức xạ, chủ yếu dưới dạng các sóng dài, phát ra từ bề mặt của trái đất, các tòa nhà, các đại dương... Phần lớn bức xạ nhiệt này bị hấp thụ bởi các phân tử khí ở bầu khí quyển bao quanh trái đất (bao gồm cả những đám mây) và bức xạ trở lại trái đất. Hiện tượng này được gọi là "hiệu ứng nhà kính".

Nhiều loại khí trong bầu khí quyển của trái đất được gọi là "khí nhà kính". Những khí này hấp thụ hầu hết năng lượng xung quanh trái đất. Năng lượng này dưới dạng nhiệt - là các sóng dài - và làm trái đất nóng lên. Hiện tượng này được gọi là "hiệu ứng nhà kính" - là một trong những nguyên nhân gây nên hiện tượng nóng lên toàn cầu.

### **Hiện tượng nóng lên toàn cầu**

Các quan sát và dự đoán về xu hướng nóng lên toàn cầu đã gây ra những lo ngại hiện nay về BĐKH. Việc nóng lên toàn cầu diễn ra được xác định là do sự khuếch đại của "hiệu ứng nhà kính". Hiệu ứng nhà kính là một hiện tượng tự nhiên, xảy ra do sự tập trung các khí nhà kính (KNK) trong khí quyển. Các khí nhà kính chủ yếu là các loại khí quyển hấp thụ bức xạ sóng dài (được phát ra từ bề mặt Trái đất), làm cho bề mặt hành tinh ấm hơn. Các chất khí này bao gồm hơi nước, CO<sub>2</sub>, CH<sub>4</sub>, N<sub>2</sub>O, và các khí CFC. Ôzôn (O<sub>3</sub>) cũng là một loại khí hấp thụ sóng ngắn (trong phạm vi bước sóng cực tím) cũng có hiệu ứng nhà kính sóng ngắn và sóng dài. Các thành phần khác của khí quyển cũng hấp thụ các sóng dài (đặc biệt là các vi hạt trong không khí và mây) và do đó góp phần gây nên hiện tượng hiệu ứng nhà kính. Khi nồng độ các khí nhà kính tăng, nhiệt bị giữ lại nhiều hơn trong bầu khí quyển và ít thoát ra vũ trụ. Điều này làm thay đổi khí hậu và các hình thái thời tiết.

Mặc dù khí nhà kính chỉ chiếm 1% trong khí quyển, ảnh hưởng của chúng đến BĐKH là rất lớn (West n.d.). Trong số các khí nhà kính, khí cacbonic do có nồng độ cao hơn trong khí quyển nên góp phần lớn vào quá trình nóng lên toàn cầu.

Có nhiều nơi tích trữ tự nhiên hay được gọi là bể chứa các khí nhà kính trên trái đất. Các bể chứa tự nhiên chính là (1) các đại dương và (2) thực vật và các sinh vật khác sử dụng quang hợp do đó giảm bớt lượng khí cacbonic từ khí quyển bằng cách tích hợp khí này vào sinh khối.

Hấp thụ khí cacbonic là một thuật ngữ mô tả quá trình loại bỏ khí cacbonic ra khỏi khí quyển. Để làm giảm bớt sự nóng lên toàn cầu, một loạt các phương tiện nhân tạo thu giữ khí cacbonic - cũng như việc tăng cường quá trình hấp thụ tự nhiên đang được khám phá.

Nguyên nhân gây ra BĐKH là đề tài đã được tranh luận từ lâu. Nhìn chung, có thể chia ra làm hai nguyên nhân: Nguyên nhân do con người và nguyên nhân tự nhiên (Borade 2007).

#### **• Nguyên nhân do con người**

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, các yếu tố nhân sinh và phát triển cũng ảnh hưởng đến khí hậu. Quan điểm khoa học về biến đổi khí hậu được nhiều người đồng ý là "khí hậu đang thay đổi và những thay đổi này một phần lớn do tác động của con người." Do đó, các cuộc thảo luận đang hướng vào hai cách, một là giảm

tác động của con người và tìm cách thích nghi với sự biến đổi đã từng xảy ra trong quá khứ và được dự kiến xảy ra trong tương lai.

Vấn đề được quan tâm nhất trong yếu tố nhân sinh là việc tăng lượng khí CO<sub>2</sub> do đốt nhiên liệu hóa thạch, tạo thành các sol khí tồn tại trong khí quyển và sản xuất xi măng. Các yếu tố khác như sử dụng đất, sự suy giảm ôzôn và phá rừng, cũng góp phần quan trọng làm ảnh hưởng đến khí hậu, vi khí hậu.

Một số hoạt động của con người được coi là nguyên nhân làm trầm trọng thêm hiện tượng BĐKH. Trong đó đặc biệt là việc đốt cháy các nhiên liệu hóa thạch, thay đổi mục đích sử dụng đất và phá rừng làm tăng thêm lượng khí cacbonic.

*Cần có hình ảnh minh họa một số hoạt động của con người làm tăng phát thải khí nhà kính*

**Đốt cháy các nhiên liệu hóa thạch:** như dầu mỏ, khí gas và than đá sản sinh ra nhiều khí cacbonic. Việc sử dụng các nhiên liệu hóa thạch đóng góp 80 đến 85% lượng khí cacbonic tăng thêm vào bầu khí quyển (Trenberth 1997). Người ta cho rằng hạn chế việc sử dụng các nhiên liệu hóa thạch là cần thiết nếu về lâu dài muốn giảm sự nóng lên toàn cầu.

**Thay đổi mục đích sử dụng đất và phá rừng** có thể dẫn đến việc gia tăng phát thải khí cacbonic. Cây cối hấp thụ khí cacbonic và thải ra khí ôxy. Khi càng nhiều rừng bị phá, lượng khí cacbonic sẽ gia tăng. Hơn nữa, khi thực vật bị phân hủy hoặc bị đốt cháy cho mục đích nông nghiệp, nó giải phóng cacbonic. Hiện nay, việc thay đổi mục đích sử dụng đất đóng góp 15 đến 20% lượng khí thải cacbonic (Trenberth 1997).

#### • Nguyên nhân tự nhiên

Để đánh giá được mức độ phát thải thực của con người đối với sự nóng lên toàn cầu, các nhà khí hậu học cũng phải xem xét các nguyên nhân tự nhiên của BĐKH, xảy ra trong khoảng thời gian ngắn hạn và dài hạn, bao gồm:

**Sự biến động năng lượng mặt trời:** mặt trời cung cấp năng lượng nhiệt cho trái đất, do đó sự biến động của hoạt động mặt trời có thể gây ra việc toàn cầu nóng lên hoặc lạnh đi.

**Sự biến động quỹ đạo trái đất:** Trái đất quay xung quanh mặt trời theo quỹ đạo hình elip, đóng vai trò quan trọng trong việc phân bố lượng ánh sáng mặt trời đến bề mặt trái đất, gây tác động trực tiếp đến hoạt động băng tuyết và tạo ra thay đổi theo mùa.

**Kiến tạo địa tầng:** Các lục địa trên hành tinh được cấu tạo bởi các mảng kiến tạo địa tầng dịch chuyển về gần nhau hoặc trôi dạt ra xa nhau. Điều này dẫn đến việc thay đổi vị trí của các châu lục, nâng lên hoặc hạ xuống của những ngọn núi, lưu trữ cacbon với quy mô lớn và gia tăng đóng băng.

**Hoạt động của núi lửa:** Trong quá trình núi lửa hoạt động, do hơi nóng và áp lực được tạo ra bên trong dẫn đến vật liệu từ lõi trái đất và lớp vỏ được đưa lên bề mặt. Hiện tượng giống như phun trào núi lửa và các mạch nước nóng phun các hạt nước vào bầu khí quyển của trái đất có thể ảnh hưởng đến khí hậu.

## - **Hiện tượng El Niño - dao động phương nam (ENSO)**

Tương tác phức tạp của vùng nhiệt đới Thái Bình Dương và khí quyển toàn cầu đã gây ra sự thay đổi bất thường của đại dương và hình thái thời tiết ở nhiều nơi trên thế giới, thường có ảnh hưởng đáng kể kéo dài trong nhiều tháng, chẳng hạn như thay đổi về môi trường sống của biển, thay đổi lượng mưa, lũ lụt, hạn hán, và những thay đổi trong các hình thái bão.

Cứ khoảng hai đến mười năm lại xảy ra hiện tượng El Niño trong vòng ít nhất là năm thế kỷ qua. Kể từ đầu thế kỷ 20, đã có 23 hiện tượng El Niño, nhưng bốn hiện tượng El Niño mạnh nhất đều xảy ra từ năm 1980.

El Niño là hiện tượng thay đổi bất thường về phân bố nhiệt độ mặt nước biển và áp suất không khí trên các vùng nhiệt đới Thái Bình Dương, gây ảnh hưởng đến các hình thái thời tiết trong khu vực trên phạm vi toàn thế giới. Không ai biết chính xác lý do tại sao El Niño xảy ra, nhưng có thể là sự nóng lên toàn cầu làm thay đổi về tần số xuất hiện và cường độ của cả El Niño và người chị em của nó - hiện tượng La Niña.

### **b) Biểu hiện chính của BĐKH**

- Nhiệt độ trung bình, tính biến động và dị thường của thời tiết và khí hậu tăng lên;
- Lượng mưa thay đổi;
- Mực nước biển dâng lên do sự tan băng ở các Cực và các đỉnh núi cao;
- Các thiên tai và hiện tượng thời tiết cực đoan (nắng nóng, giá rét, bão, lũ lụt, hạn hán...) xảy ra với độ bất thường và có thể cả cường độ, tần suất tăng lên.

### **c) Tình hình biến đổi khí hậu ở Việt Nam**

Theo Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, tình hình biến đổi khí hậu ở Việt Nam có những điểm đáng lưu ý sau:

- *Nhiệt độ*: Trong khoảng 50 năm qua (1951 - 2000), nhiệt độ trung bình năm ở Việt Nam đã tăng lên 0,7°C. Nhiệt độ trung bình năm của 4 thập kỷ gần đây (1961 - 2000) cao hơn trung bình năm của 3 thập kỷ trước đó (1931- 1960). Nhiệt độ trung bình năm của thập kỷ 1991 - 2000 ở Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh đều cao hơn trung bình của thập kỷ 1931 - 1940 lần lượt là 0,8; 0,4 và 0,6°C. Năm 2007, nhiệt độ trung bình năm ở cả 3 nơi trên đều cao hơn trung bình của thập kỷ 1931 - 1940 là 0,8 - 1,3°C và cao hơn thập kỷ 1991 - 2000: 0,4 - 0,5°C.
- *Lượng mưa*: Trên từng địa điểm, xu thế biến đổi của lượng mưa trung bình năm trong 9 thập kỷ vừa qua (1911- 2000) không rõ rệt theo các thời kỳ và trên các vùng khác nhau: có giai đoạn tăng lên và có giai đoạn giảm xuống.
- *Mực nước biển*: Theo số liệu quan trắc trong khoảng 50 năm qua ở các trạm Cửa Ông và Hòn Dấu, mực nước biển trung bình đã tăng lên khoảng 20 cm, phù hợp với xu thế chung của toàn cầu.
- *Số đợt không khí lạnh*: Ảnh hưởng tới Việt Nam giảm đi rõ rệt trong hai thập kỷ gần đây (cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI). Năm 1994 và năm 2007 chỉ có

15-16 đợt không khí lạnh bằng 56% trung bình nhiều năm. 6/7 trường hợp có số đợt không khí lạnh trong mỗi tháng mùa đông (XI - III) thấp dị thường (0-1 đợt) cũng rơi vào 2 thập kỷ gần đây (3/1990, 1/1993, 2/1994, 12/1994, 2/1997, 11/1997). Một biểu hiện dị thường gần đây nhất về khí hậu trong bối cảnh BĐKH toàn cầu là đợt không khí lạnh gây rét đậm, rét hại kéo dài 38 ngày trong tháng 1 và tháng 2 năm 2008 gây thiệt hại lớn cho sản xuất nông nghiệp.

- *Bão*: Vào những năm gần đây, số cơn bão có cường độ mạnh nhiều hơn, quỹ đạo bão dịch chuyển dần về các vĩ độ phía nam và mùa bão kết thúc muộn hơn, nhiều cơn bão có quỹ đạo di chuyển dị thường hơn.
- *Số ngày mưa phùn* trung bình năm ở Hà Nội giảm dần trong thập kỷ 1981 - 1990 và chỉ còn gần một nửa (15 ngày/năm) trong 10 năm gần đây. Tác động tiềm tàng BĐKH ở Việt Nam thể hiện trong tất cả các lĩnh vực chủ yếu: tài nguyên nước, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, năng lượng, giao thông vận tải, sức khỏe. Nhìn chung, tác động của biến đổi khí hậu là nghiêm trọng nhất đối với nông nghiệp và tài nguyên nước.

Việt Nam đang đối mặt với nhiều tác động của BĐKH bao gồm tác động đến cuộc sống, sinh kế, tài nguyên thiên nhiên, cấu trúc xã hội, hạ tầng kỹ thuật và nền kinh tế. Ở Việt Nam, những lĩnh vực được đánh giá dễ bị ảnh hưởng do BĐKH bao gồm: nông nghiệp và an ninh lương thực, tài nguyên nước, sức khỏe, nơi cư trú, nhất là khu vực ven biển và miền núi.

Trong đó, BĐKH ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến nguồn tài nguyên nước. Nguồn nước mặt khan hiếm trong mùa khô gây hạn hán và quá dư thừa trong mùa mưa gây lũ lụt. Nguồn nước ngầm bị suy giảm dẫn đến cạn kiệt do khai thác quá mức và thiếu nguồn bổ sung.

Ngành nông nghiệp cũng sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp của BĐKH. Do nhiệt độ tăng cao, vùng trồng cây nhiệt đới có xu hướng di chuyển về phía Bắc. Vùng trồng cây ôn đới có xu hướng giảm về diện tích. Hạn hán và lũ lụt góp phần gây ảnh hưởng đến diện tích canh tác.

Ngành lâm nghiệp bị ảnh hưởng do diện tích rừng ngập mặn bị thu hẹp bởi nước biển dâng. Đa dạng sinh học giảm do các loài kém chịu hạn hán, ngập lụt có xu hướng bị tuyệt chủng, các loài có khả năng chống chịu hạn hán, lũ lụt sẽ phát triển. Bên cạnh đó cháy rừng và sâu bệnh sẽ ảnh hưởng đến ngành lâm nghiệp.

Đối với nước ta, mực nước biển dâng sẽ làm mất đi một vùng đất thấp rộng lớn - các hệ sinh thái đất ngập nước của các đồng bằng lớn nhất cả nước – nơi ở của các cộng đồng dân cư lâu đời, cái nôi của nền văn minh lúa nước, vùng có tiềm năng sản xuất nông nghiệp lớn nhất và các sinh cảnh tự nhiên của nhiều loài bản địa bao gồm cả các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển.

Nếu nhiệt độ tăng 20C, mực nước biển dâng 1m, có thể làm mất 12,2% diện tích đất là nơi cư trú của 23 % dân số (khoảng 17 triệu người).

Ở đồng bằng sông Cửu Long, nếu mực nước biển dâng như dự báo vào năm 2030 sẽ khiến khoảng 45% diện tích đất của khu vực này có nguy cơ bị nhiễm mặn nặng, mùa màng bị thiệt hại nghiêm trọng do lũ lụt và úng. Nếu mực nước biển dâng 1m, mà không có các hoạt động ứng phó, phần lớn diện tích ĐBSCL sẽ hoàn

toàn bị ngập nhiều thời gian dài trong năm, và thiệt hại tài sản ước tính lên tới 17 tỷ USD (Van Urk and Misdorp, 1996; Pilgrim, 2007).

Bảng: Tóm tắt tác động tiềm năng của BĐKH tới các vùng/lĩnh vực

| <b>Tác động của BĐKH</b>              | <b>Vùng dễ bị tổn thương/ ảnh hưởng</b>  | <b>Ngành, lĩnh vực dễ bị tổn thương</b>  |
|---------------------------------------|--|--|
| Sự gia tăng nhiệt độ                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Vùng núi: Đông Bắc, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ</li> <li>• Đồng bằng Bắc Bộ</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và nghề cá)</li> <li>• Các hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học</li> <li>• Năng lượng (sản xuất và tiêu thụ)</li> <li>• Tài nguyên nước</li> <li>• Sức khỏe cộng đồng, tăng nguy cơ phát tán các bệnh dịch</li> <li>• Nguy cơ cháy/ cháy rừng</li> </ul> |
| Nước biển dâng và xâm nhập mặn        | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dải ven biển (bao gồm cả đồng bằng châu thổ và các vùng đất ngập nước: đồng bằng và duyên hải Bắc Bộ, ĐB sông Cửu Long, duyên hải Trung Bộ)</li> <li>• Hải đảo</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và nghề cá)</li> <li>• Các hệ sinh thái biển và ven biển</li> <li>• Tài nguyên nước (nước mặt, nước ngầm)</li> <li>• Nơi cư trú</li> <li>• Năng lượng</li> <li>• Cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp</li> <li>• Sức khỏe cộng đồng</li> </ul>                    |
| Lũ lụt, tiêu thoát nước và sạt lở đất | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dải ven biển (bao gồm cả đồng bằng châu thổ và các vùng đất ngập nước: đồng bằng và duyên hải Bắc Bộ, ĐB sông Cửu Long, duyên hải Trung Bộ)</li> <li>• Vùng núi: Tây Bắc, Đông Bắc, Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và nghề cá)</li> <li>• Tài nguyên nước (nước sinh hoạt và phục vụ công nghiệp)</li> <li>• Cơ sở hạ tầng</li> <li>• Nơi cư trú</li> <li>• Giao thông vận tải</li> <li>• Sức khỏe và đời sống</li> </ul>  |
| Bão và áp thấp nhiệt đới              | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dải ven biển (bao gồm cả đồng bằng châu thổ và các vùng đất ngập</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và nghề cá)</li> </ul>   |

|         |  |  |
|---------|--|--|
|         | <p>nước: đồng bằng và duyên hải Bắc Bộ, ĐB sông Cửu Long, duyên hải Trung Bộ)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Hải đảo</li> </ul>                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Các hoạt động trên biển và ven biển</li> <li>• Cơ sở hạ tầng</li> <li>• Nơi cư trú</li> <li>• Năng lượng (dầu khí)</li> <li>• Giao thông</li> <li>• Sức khỏe và đời sống</li> </ul> |
| Hạn hán | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trung Bộ, đặc biệt là Nam Trung Bộ</li> <li>• Đồng bằng và trung du Bắc Bộ</li> <li>• ĐB sông Cửu Long</li> <li>• Tây Nguyên</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi)</li> <li>• Năng lượng (thủy điện)</li> <li>• Giao thông thủy</li> <li>• Tài nguyên nước</li> </ul>                                     |

*Nguồn: Bộ TN&MT, 2008*

**Bảng ví dụ Các yếu tố tác động tiềm tàng của BĐKH**

| <b>Yếu tố BĐKH</b>    | <b>Tác động</b>  |
|-----------------------|--|
| Nước biển dâng        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gây ngập lụt ở các vùng thấp</li> <li>- Thay đổi dòng chảy của sông ngòi và hệ thống thủy lợi</li> <li>- xâm nhập mặn</li> </ul>  |
| Áp thấp, Bão gia tăng | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng thiệt hại về người và của; tài sản, nhà cửa, cơ sở hạ tầng các loại, sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản các hệ sinh thái bị ảnh hưởng;</li> <li>- Gia tăng lũ lụt.</li> </ul>  |
| Lượng mưa thay đổi    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời lượng và cường độ mưa tăng gây nguy cơ ngập lụt; giảm gây hạn hán;</li> <li>- Ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, các hệ sinh thái tự nhiên</li> </ul>   |
| Nhiệt độ              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ảnh hưởng tới sức khỏe, dịch bệnh;</li> <li>- Ảnh hưởng tới tài nguyên nước;</li> <li>- Ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp;</li> <li>- Tăng nguy cơ cháy/ cháy rừng</li> <li>- Ảnh hưởng tới các HST nhạy cảm (san hô chết...)</li> </ul> |

**Tổng kết bài học:**



Trong bài học này người học sẽ ghi nhớ về:

- Các khái niệm cơ bản liên quan đến hiểm họa, rủi ro thảm họa và biến đổi khí hậu;
- Các loại hình hiểm họa chính ở Việt Nam, nguyên nhân và tác động của nó;
- Tình hình biến đổi khí hậu, nguyên nhân và các tác động của biến đổi khí hậu;

### **Tài liệu tham khảo**

- Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, Bộ TN&MT (tháng 7/2008).
- Chiến lược quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 (tháng 9/2009).
- Thuật ngữ về giảm nhẹ rủi ro thảm họa của Chiến lược quốc tế về Giảm nhẹ Thảm họa năm 2009 của Liên Hợp Quốc (UNISDR).

## **Bài 2: QUẢN LÝ RỦI RO DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

**Mục đích:** Bài này giới thiệu:

- Các khái niệm cơ bản và các nguyên tắc của QLRRTH-DVCD trong quản lý rủi ro thảm họa và thích ứng với BĐKH;
- Kiến thức về quy trình của QLRRTH-DVCD và các bước thực hiện;
- Nội dung Đề án “Nâng cao năng lực cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” (Quyết định số 1002/QĐ-TTg)

**Nội dung chính của bài này gồm các phần sau đây:**

I. Tầm quan trọng của QLRRTH-DVCD

II. Khái niệm và nguyên tắc cơ bản về QLRRTH-DVCD

a. Giải thích khái niệm

b. Nguyên tắc của QLRRTH-DVCD

III. Các bước thực hiện QLRRTH-DVCD

IV. Thích ứng với biến đổi khí hậu ở VN

V. Giới thiệu Đề án “Nâng cao năng lực cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” (Quyết định số 1002/QĐ-TTg)

### **I. Tầm quan trọng của Quản lý rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng**

Sáng kiến về QLRRTH-DVCD đã được thực hiện ở nhiều nơi trên thế giới và đã đem lại kết quả rõ ràng. Tuy nhiên, thực hiện QLRRTH-DVCD trong nhiều dự án vẫn phải dựa vào nguồn hỗ trợ tài chính từ bên ngoài và thường khi kết thúc tài trợ cũng có nghĩa kết thúc các hoạt động này. Vì vậy, khi nào cộng đồng còn chưa phải là những người chủ dự án, thì dự án không thể thực hiện được một cách bền vững.

Vì vậy, những bài học quý giá từ các tổ chức với các hoàn cảnh kinh tế - xã hội khác nhau là rất quan trọng. Để áp dụng những bài học này một cách hiệu quả, cần phải có cơ chế thực hiện QLRTH-DVCD bền vững được phổ biến rộng rãi cho cộng đồng và các bên có liên quan.

QLRTH-DVCD bắt nguồn từ cơ sở lý luận của 3 vấn đề thực tiễn sau:

- Người dân địa phương hiểu cơ hội cũng như hạn chế của mình hơn những người bên ngoài
- Trong việc hiểu biết về các vấn đề địa phương, không ai bằng người dân sống trong cộng đồng khi cuộc sống và lợi ích của họ bị đe dọa
- Nhân dân là nguồn lực phát triển dồi dào và quý giá nhất của đất nước, nguồn lực này cần được khai thác và phát triển

Vì vậy, trong quản lý rủi ro thảm họa và thích ứng với BĐKH, cộng đồng không chỉ là đối tượng hưởng lợi mà còn đóng vai trò chính trong tất cả các quá trình quản lý rủi ro thảm họa. Người dân có khả năng hiểu rõ nhất về các rủi ro thảm họa mà họ phải đối mặt. Người dân có thể chủ động tham gia vào việc lập kế hoạch QLRTH cho chính họ thông qua việc sử dụng tối đa các nguồn lực địa phương và các kiến thức bản địa.

Sự tham gia của cộng đồng rất quan trọng và có những lợi thế sau:

#### **Thông tin tốt hơn**

Người dân địa phương là nguồn thông tin tốt nhất về môi trường sống của họ. Thông tin được thu thập đầy đủ và chính xác hơn, phản ánh được tâm tư, nguyện vọng và tình trạng thực tế của các thành viên nam, nữ trong cộng đồng, đặc biệt là đối tượng dễ bị tổn thương.

#### **Nâng cao năng lực cho cộng đồng**

Quá trình tham gia của người dân làm tăng niềm tin, phát triển kỹ năng, năng lực và hợp tác của người dân địa phương. Điều này giúp họ tăng khả năng ứng phó với các thách thức của các cá nhân và nhóm cư dân trong cộng đồng.

#### **Ứng phó thích hợp hơn**

Các giải pháp ứng phó thích hợp hơn đối với nhu cầu và mong muốn của người dân. Các đề xuất, dự án được cộng đồng chuẩn bị cho chính bản thân họ, nên có thể sửa đổi, bổ sung cho đúng và phù hợp trước khi được phê duyệt. Kết quả là các nguồn lực được sử dụng thích hợp và huy động đầy đủ hơn.

#### **Học hỏi chuyên môn**

Các chuyên gia bên ngoài (các chuyên gia, tư vấn, cán bộ cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội ...) sẽ có hiểu biết toàn diện hơn về cộng đồng khi họ giúp đỡ cộng đồng và do đó họ đạt được hiệu quả cao hơn trong công việc của họ.

#### **Hướng tới phát triển**

Người dân có sự hiểu biết rõ ràng về các giải pháp thực tế đối với cộng đồng và họ sẽ có thái độ tích cực đối với phát triển, điều này có thể giúp tránh được

những mâu thuẫn, tranh chấp.

### **Chi phí thấp hơn**

Người dân tận tâm với môi trường của họ, họ có thể quản lý và bảo vệ môi trường tốt hơn trong việc giảm khả năng sử dụng không đúng các nguồn lực.

### **Các giải pháp mang tính nhân văn và bền vững hơn**

Cuộc sống của cộng đồng địa phương ổn định và bền vững hơn. Đây là kết quả của các hành động trên

Theo nhận định trong Chương trình mục tiêu quốc gia Ứng phó với biến đổi khí hậu, Việt Nam đang đối mặt với nhiều tác động của BĐKH bao gồm tác động đến cuộc sống, sinh kế, tài nguyên thiên nhiên, cấu trúc xã hội, hạ tầng kỹ thuật và nền kinh tế. Việt Nam được đánh giá là một trong những nước chịu ảnh hưởng nặng nề của BĐKH và mực nước biển dâng. Đây là một trong những thách thức lâu dài và để ứng phó với BĐKH cần phải có những đầu tư thích đáng và nỗ lực của toàn xã hội.

## **II. Khái niệm và nguyên tắc cơ bản trong Quản lý rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng**

### **a. Giải thích khái niệm**

#### **Cộng đồng**

Một cộng đồng có thể được xem là một nhóm người cùng có một hoặc nhiều điểm chung, như cùng môi trường sống, nơi sống, cùng chịu rủi ro thảm họa hoặc cùng chịu ảnh hưởng do rủi ro thảm họa gây ra. Họ có thể cùng chia sẻ những vấn đề, mối quan tâm, hy vọng hoặc cách ứng xử. Tuy nhiên, cộng đồng không phải lúc nào cũng đồng nhất do các thành viên trong cộng đồng có thể có các mối quan tâm khác nhau.

Trong tài liệu này, chúng ta sẽ sử dụng thuật ngữ cộng đồng để mô tả những người cùng sống trong thôn, xã thuộc địa phương cụ thể.

#### **Quản lý rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng**

QLRRTH-DVCD là một quá trình giảm tình trạng dễ bị tổn thương của người dân và tăng cường năng lực của họ để phòng ngừa, giảm nhẹ và chuẩn bị ứng phó với hiểm họa. Đánh giá toàn diện về mức độ rủi ro của người dân đối với hiểm họa và phân tích tình trạng dễ bị tổn thương cũng như năng lực của họ là cơ sở của chương trình giảm nhẹ rủi ro thảm họa. Sự tham gia trực tiếp về người dân trong cộng đồng vào quá trình thực hiện các hoạt động giảm nhẹ rủi ro thảm họa (GNNRTH) ở cấp địa phương là rất cần thiết.

Khi người dân trong cộng đồng tham gia vào toàn bộ quá trình QLRRTH, tình trạng dễ bị tổn thương, nhu cầu cũng như nguồn lực và năng lực riêng của họ được xem xét. Do đó, nhiều khả năng các vấn đề của họ sẽ được giải quyết hợp lý hơn và hiệu quả hơn.

Mục tiêu của QLRRTH-DVCD là tạo ra cộng đồng an toàn hơn, có năng lực thích ứng cao hơn. Ví dụ là người dân và chính quyền địa phương có đủ kiến thức

và kỹ năng ứng phó và khôi phục trong tình huống khẩn cấp hoặc thảm họa xảy ra rất nhanh bằng cách sử dụng nguồn lực do họ tự huy động. Phương pháp QLRRTH-DVCD động viên người dân trong cộng đồng chịu rủi ro chủ động tham gia vào việc xác định, phân tích, xử lý, giám sát và đánh giá rủi ro thảm họa nhằm giảm tình trạng dễ bị tổn thương và nâng cao năng lực của họ. Điều này có nghĩa là người dân đóng vai trò trung tâm trong việc ra quyết định và thực hiện các hoạt động QLRRTH. Sự tham gia của những người dễ bị tổn thương nhất bao gồm trẻ em, người già, người khuyết tật, phụ nữ đơn thân làm chủ hộ, người có HIV trong QLRRTH là hết sức quan trọng.

Để hiểu rõ hơn chu trình quản lý rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng, có thể tham khảo mô hình sau (Hình 1)

**Hình 1: Mô hình quản lý rủi ro thảm họa (Mô hình Co - Dãn)**



*Nguồn: Hội chữ thập đỏ Việt Nam – Tài liệu phòng ngừa thảm họa (Tháng 9/2000)*

Đây là một trong những mô hình QLRRTH-DVCD. Mô hình này cho thấy các biện pháp nhằm hạn chế rủi ro thảm họa như phòng, chống, giảm nhẹ, ứng phó và phục hồi được thực hiện ở mọi thời điểm tại một khu vực trọng điểm của thảm họa. Tuy nhiên, tỷ lệ tương đối của mỗi phần "dãn ra" hoặc "co lại" phụ thuộc vào mối quan hệ giữa hiểm họa và tình trạng dễ bị tổn thương của con người.

*QLRRTH-DVCD nhằm xây dựng những cộng đồng an toàn mà tại đó người dân hiểu và có ý thức về rủi ro thảm họa, biết cách và có khả năng để bảo vệ bản thân, gia đình, tài sản và đảm bảo sản xuất, sinh hoạt khôi tác động tiêu cực của hiểm họa và thích ứng với biến đổi khí hậu. Khi đó, các rủi ro sẽ được giảm thiểu và sẽ tránh được nguy cơ một thảm họa xảy ra với những tổn thất mất mát nghiêm trọng.*

Phương pháp tiếp cận QLRRTH-DVCD nhấn mạnh vào sự tham gia tích cực của các thành viên nam, nữ trong cộng đồng ở tất cả các giai đoạn quản lý rủi ro thảm họa. Trong đó, sự tham gia của nhóm người dễ bị tổn thương nhất được ưu tiên hàng đầu và để thực hiện QLRRTH thành công cần có sự hỗ trợ của những

người ít bị tổn thương cho nhóm này. Đồng thời chính quyền, các tổ chức xã hội, phi chính phủ tại địa phương và trung ương có trách nhiệm tham gia và hỗ trợ người dân trong suốt quá trình thực hiện.

## **b. Nguyên tắc của QLRRTH-DVCD**

Tùy theo mỗi địa điểm, loại hình hiểm họa hay đối tượng mà có các cách thực hiện QLRRTH-DVCD khác nhau. Tuy nhiên, các kinh nghiệm thực hiện đa dạng QLRRTH-DVCD này đều dựa trên các nguyên tắc cơ bản sau (Bảng 1).

Những nguyên tắc này là định hướng cho bất cứ hoạt động hoặc giai đoạn nào trong quá trình quản lý rủi ro thảm họa:

**Bảng 1: Các nguyên tắc cơ bản trong QLRRTH-DVCD**

1. Cộng đồng đóng vai trò trung tâm
2. Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong quản lý rủi ro thảm họa
3. Ưu tiên cho nhóm người dễ bị tổn thương nhất
4. Ghi nhận sự khác nhau trong cách nhận thức về rủi ro; tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng của các thành viên nam, nữ trong cộng đồng
5. Cộng đồng tham gia quản lý, thực hiện và duy trì các hoạt động QLRRTH-DVCD trên cơ sở chia sẻ thông tin và phối hợp với nhau.
6. Áp dụng các phương pháp tiếp cận đa ngành, đa lĩnh vực
7. Lồng ghép các hoạt động giảm thiểu rủi ro thảm họa vào các chương trình phát triển kinh tế xã hội địa phương
8. QLRRTH-DVCD là phương pháp tiếp cận linh hoạt và cập nhật thường xuyên
9. Giảm thiểu rủi ro thảm họa là mục đích cao nhất của QLRRTH-DVCD
10. Quản lý RRRTH-DVCD là cách tiếp cận hiệu quả và trực tiếp nhất để giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu.

### **1) Cộng đồng đóng vai trò trung tâm và tham gia tích cực vào các hoạt động quản lý rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng**

- Cộng đồng không chỉ là đối tượng hưởng lợi trực tiếp mà còn đóng vai trò chính trong quản lý RRRTH và thích ứng với BĐKH (là người lập kế hoạch, thực hiện, quản lý, theo dõi và đánh giá các hoạt động dựa trên nhu cầu của cộng đồng). Dựa trên quyền lợi và nghĩa vụ của mình, cộng đồng thực sự tham gia vào toàn bộ quy trình quản lý RRRTH và thích ứng với BĐKH: đánh giá rủi ro, xây dựng kế hoạch, lựa chọn và thực hiện các biện pháp giảm nhẹ rủi ro thảm họa, theo dõi và đánh giá các hoạt động quản lý RRRTH và thích ứng với BĐKH.

### **2) Ưu tiên cho nhóm người dễ bị tổn thương nhất**

- Bất cứ một hoạt động hay giai đoạn QLRRTH-DVCD nào cũng cần được xây dựng dựa trên lợi ích của những nhóm người dễ bị tổn thương nhất trong cộng đồng, bao gồm phụ nữ mang thai, người già, người khuyết tật, người nghèo,

người bị bệnh hiểm nghèo, một số nhóm người dân tộc thiểu số, hộ gia đình đơn thân và trẻ em. Đồng thời quan tâm đến các nhu cầu của các bên liên quan khác.

- Các nhóm dễ bị tổn thương nhất có cơ hội tham gia vào các hoạt động quản lý rủi ro thảm họa tại địa phương. Họ được hỗ trợ nhằm giảm bớt tình trạng dễ bị tổn thương và nâng cao khả năng phòng ngừa, ứng phó, phục hồi và thích nghi.
- QLRRTH-DVCD có tính nhạy cảm giới và cần đảm bảo cơ hội tham gia bình đẳng của phụ nữ trong tất cả các giai đoạn thực hiện nhằm đảm bảo vai trò và nhu cầu khác biệt giữa nam giới và phụ nữ được ghi nhận và đáp ứng.

### **3) Ghi nhận sự khác nhau trong cách nhận thức về rủi ro, tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng của cộng đồng**

- Về nhận thức rủi ro: Tất cả mọi người đều thấy được rủi ro trong cộng đồng mình. Tuy nhiên, mỗi người có cách nhận thức và kinh nghiệm khác nhau về rủi ro. Vì vậy, chúng ta cần tôn trọng và ghi nhận sự đa dạng đó.
- Về tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng: Các cá nhân, gia đình và các nhóm khác nhau trong cộng đồng có những tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng khác nhau. Sự khác nhau đó là do: tuổi, giới, tầng lớp xã hội, nghề nghiệp (sinh kế), sắc tộc, ngôn ngữ, tôn giáo và hoàn cảnh tự nhiên nơi sinh sống của họ.

### **4) Áp dụng các phương pháp tiếp cận đa ngành, đa lĩnh vực**

- Phương pháp QLRRTH-DVCD tập hợp người dân nam, nữ cộng đồng và các bên liên quan ở địa phương và cả cấp trung ương để huy động nguồn lực cho quản lý RRTH và thích ứng với BĐKH. Bên cạnh đó, các tổ chức, cá nhân bên ngoài cộng đồng có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ và hướng dẫn người dân địa phương quản lý rủi ro thảm họa nếu cần thiết. Quy trình QLRRTH-DVCD nên xây dựng sự liên kết, đẩy mạnh sự hợp tác và chia sẻ giữa cộng đồng, các cơ quan nhà nước và tổ chức xã hội ở tất cả các cấp.
- Một loạt các phương pháp quản lý RRTH và thích ứng với BĐKH được áp dụng, có thể bao gồm cả biện pháp công trình và phi công trình. Các biện pháp phi công trình ví dụ như các hoạt động về giáo dục, y tế, nước sạch, nông – lâm nghiệp, bảo vệ môi trường, công nghệ, kỹ thuật hiện đại và kiến thức bản địa, kinh nghiệm của người dân địa phương.

### **5) Lồng ghép các hoạt động giảm thiểu rủi ro thảm họa vào các chương trình phát triển kinh tế xã hội địa phương.**

- Thảm họa được coi là các vấn đề và rủi ro của quá trình phát triển. QLRRTH-DVCD cần hướng tới sự cải thiện đời sống, đặc biệt của người nghèo và nâng cao chất lượng môi trường. Các hoạt động quản lý rủi ro thảm họa nên được coi là một phần không thể tách rời của quá trình phát triển dài hạn, để hướng tới mục đích xóa đói giảm nghèo, giảm sự bất công xã hội và giảm suy thoái môi trường. Đồng thời cần phải đảm bảo rằng việc thiết kế, thực hiện các hoạt động phát triển KT-XH sẽ không làm gia tăng các rủi ro thảm họa.

**6) QLRRTH-DVCD là phương pháp tiếp cận linh hoạt và thường xuyên cập nhật**

- Cộng đồng và các cán bộ chia sẻ các kinh nghiệm, phương pháp và công cụ để liên tục cập nhật dựa trên tình hình thực tế và làm phong phú thêm quá trình thực hiện QLRRTH-DVCD;
- Thực hiện QLRRTH-DVCD cần có sự linh hoạt tùy thuộc vào loại hiểm họa và cộng đồng cụ thể.
- Việc đánh giá các RRTH cần được thực hiện theo chu kỳ (ví dụ: 6 tháng hay hàng năm) hoặc theo yêu cầu phát sinh (ví dụ: khi bắt đầu bất kỳ một chương trình/dự án phát triển KT-XH)

**7) Giảm thiểu rủi ro thảm họa là mục đích cao nhất của QLRRTH-DVCD**

- Chiến lược chính trong QLRRTH-DVCD là tăng cường khả năng, nguồn lực của những nhóm dễ bị tổn thương nhất trong xã hội và giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương nhằm mục đích tránh xảy ra các thảm họa trong tương lai.

**8) Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng là cách tiếp cận hiệu quả và trực tiếp nhất để giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu.**

- QLRRTH-DVCD là cách tiếp cận liên tục hoàn thiện và hướng tới cả những vấn đề có thể xảy ra trong tương lai (ví dụ biến đổi khí hậu, bệnh dịch...)
- Ở Việt Nam, trong khoảng 50 năm qua, nhiệt độ trung bình năm đã tăng khoảng 0,5-0,7<sup>0</sup>C, mực nước biển đã dâng khoảng 20cm. Biến đổi khí hậu đã làm cho các thiên tai, đặc biệt là bão, lũ, hạn hán ngày càng ác liệt. Theo kịch bản về BĐKH, đến năm 2100, nhiệt độ trung bình có thể tăng 3<sup>0</sup>C, mực nước biển trung bình trên toàn dải bờ biển Việt Nam có thể dâng lên 1 mét, lượng mưa có xu thế biến đổi không đồng đều giữa các vùng tác động ở Việt Nam, lượng mưa có xu thế biến đổi không đồng đều giữa các vùng, có thể tăng (từ 0% đến 10%) và mùa mưa và giảm (từ 0% đến 5%) vào mùa khô. Tính biến động của mùa tăng lên.

### **III. Các bước thực hiện chương trình QLRRTH-DVCD**

Để thực hiện chương trình QLRRTH-DVCD tại địa phương, cần tiến hành lựa chọn xã được tham gia vào Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dự vào cộng đồng (Đề án 1002) dựa trên cơ sở các tiêu chuẩn đã được thống nhất từ cấp trung ương.

6.000 xã sẽ là mục tiêu đến năm 2020 trong Đề án 1002 của Chính phủ. Để xác định các xã tham gia, bộ các tiêu chí lựa chọn quốc gia được xây dựng đây ở cấp trung ương như một phần trong đánh giá rủi ro trên toàn quốc. Do đó, chính quyền tỉnh và huyện sẽ chọn các xã dễ bị tổn thương nhất để đưa vào chương trình Chính phủ, dựa trên bộ tiêu chí, theo hướng dẫn của Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ Thiên tai, Tổng cục Thủy lợi, Bộ NN & PTNT, cùng với tham vấn của Văn phòng thường trực Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn các cấp.

Tùy thuộc vào đặc điểm và tình hình cụ thể, các tiêu chí xác định cộng đồng có thể dựa trên các tiêu chí cơ bản sau:

- Tần suất xuất hiện, cường độ của hiểm họa và tác động của thảm họa tới cộng đồng/xã/phường. Số liệu thống kê có sẵn của Ban chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương theo báo cáo hàng năm.
- Tỷ lệ nghèo của địa phương theo số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê.
- Dân số và số người bị ảnh hưởng bởi thảm họa tại xã/huyện.
- Cam kết của chính quyền địa phương (UBND xã/huyện/tỉnh) mong muốn thực hiện chương trình.

Chính quyền và các bên liên quan có vai trò trong việc hỗ trợ các cộng đồng thường bị ảnh hưởng bởi rủi ro thảm họa để thực hiện chương trình QLRRTH-DVCD và nâng cao năng lực ứng phó, phục hồi và thích nghi của người dân.

Để thực hiện QLRRTH-DVCD tại địa phương, cần thực hiện các bước sau. Các bước cần được thực hiện theo thứ tự, tuy nhiên, một số hoạt động cụ thể của bước này có thể được thực hiện cùng thời điểm với các hoạt động của bước khác.

|                      |  |
|----------------------|--|
| <b><u>Bước 1</u></b> | <b>Giới thiệu về QLRRTH-DVCD cho nhóm thực hiện và các bên liên quan ở địa phương.</b>                             |
| <b><u>Bước 2</u></b> | <b>Chuẩn bị thực hiện QLRRTH-DVCD tại địa phương.</b>  |
| <b><u>Bước 3</u></b> | <b>Đánh giá rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng và xác định biện pháp giảm nhẹ rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng</b> |
| <b><u>Bước 4</u></b> | <b>Lập kế hoạch quản lý rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng</b>  |
| <b><u>Bước 5</u></b> | <b>Thực hiện kế hoạch QLRRTH-DVCD</b>  |
| <b><u>Bước 6</u></b> | <b>Theo dõi và đánh giá có sự tham gia</b>   |

**Bước 1:** *Giới thiệu về QLRRTH-DVCD cho nhóm thực hiện và các bên liên quan ở địa phương.*

**Mục đích:**

- Giới thiệu chương trình và nội dung thực hiện QLRRTH-DVCD tại địa phương cho chính quyền, các tổ chức kinh tế xã hội và cộng đồng;
- Định hướng các nội dung thực hiện chương trình tại địa phương.

**Kết quả mong đợi:**

- Chính quyền, các bên liên quan và cộng đồng hiểu và triển khai thực hiện các hoạt động về QLRRTH-DVCD tại địa phương;
- Các bên liên quan được tiếp cận thông tin đầy đủ và bắt đầu xây dựng các mối quan hệ để thực hiện chương trình.

**Nguyên tắc thực hiện:**

- Có sự tham gia tích cực của cộng đồng bao gồm cả nam giới và phụ nữ và các bên liên quan thông qua quá trình tham vấn, thực hiện và ra quyết định dựa trên nhu cầu và tình hình thực tế của địa phương.



- Thông tin được chia sẻ kịp thời, đầy đủ cho các bên liên quan và người dân trong cộng đồng.
- Ưu tiên truyền tải, chia sẻ thông tin cho nhóm đối tượng dễ bị tổn thương trong cộng đồng.

### **Một số bên liên quan cấp tỉnh, huyện và xã gồm:**

- Thành viên của BCH PCLB&TKCN
- Chủ tịch/Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, xã
- Hội đồng nhân dân tỉnh, huyện, xã
- Cán bộ của Trung tâm phòng tránh và GNTT của tỉnh
- Sở/Ban/Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn
- Văn phòng UBND các cấp
- Sở /Ban/Phòng Xây dựng
- Sở/Ban/Phòng giao thông vận tải
- Sở /Ban/Phòng Thủy lợi
- Sở /Ban/Phòng Lao động thương binh và xã hội
- Sở Giáo dục và Đào tạo
- Cty cấp thoát nước
- Cơ quan Điện lực
- Sở/phòng/ban Văn hóa, thông tin và thể thao
- Cơ quan Bưu chính và viễn thông
- Sở /Ban/Phòng Giáo dục và Đào tạo
- Công an, phòng cháy và cấp cứu
- Tổ chức đoàn thể: Hội chữ thập đỏ, Hội phụ nữ, Đoàn TN, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Mặt trận Tổ quốc.
- Các tổ chức phi chính phủ
- Người đứng đầu tôn giáo
- Doanh nghiệp tư nhân

### **Nội dung thực hiện:**

Các cuộc họp định hướng sẽ được tổ chức theo cấp khu vực với đại diện các ban ngành liên quan của các tỉnh, huyện và xã tham gia thực hiện Đề án 1002. Chủ trì cho các cuộc họp này sẽ là Trung tâm phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai. UBND cấp tỉnh, Ban Chỉ huy PCLB&TKCN là cơ quan chủ trì tổ chức triển khai kế hoạch của tỉnh thực hiện Đề án của Chính phủ. UBND cấp huyện/xã, Ban Chỉ huy PCLB&TKCN huyện/xã là cơ quan chủ trì tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án trong phạm vi địa bàn quản lý. Tại các cấp tương ứng, cơ quan chuyên trách tiếp tục tổ chức các cuộc họp định hướng cho địa phương mình về các nội dung sau:

### ***Các thông tin cần làm rõ cho đối tác trong phiên họp định hướng:***

- Chi tiết về Đề án 1002 ;
- Phạm vi chương trình (xã/phường/thôn bản trong huyện/tỉnh sẽ tham gia chương trình);
- Kết quả mong muốn đạt được và các hoạt động của chương trình;

- Giới thiệu Hướng dẫn thực hiện đề án và các văn bản hướng dẫn liên quan khác;
- Kế hoạch thực hiện và phương pháp luận (phương pháp tiếp cận và triển khai);
- Cơ hội hợp tác và phối hợp giữa cơ quan nhà nước, các tổ chức đoàn thể, các tổ chức phi chính phủ và người dân địa phương.

## **Bước 2 Chuẩn bị thực hiện QLRRTH-DVCD**

### **Mục đích:**

- Chuẩn bị và lên kế hoạch để huy động nguồn lực bao gồm nhân sự và tài chính nhằm triển khai thực hiện các hoạt động tại địa phương;
- Thống nhất cách thức và cơ chế thực hiện chương trình tại địa phương;
- Thông qua nhóm thực hiện bao gồm Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm triển khai kế hoạch (Nhóm cộng đồng) triển khai các hoạt động được hiệu quả và phát huy các nguồn lực sẵn có cũng như huy động nguồn lực cần thiết nhằm triển khai chương trình;

### **Kết quả cần đạt được:**

- Kế hoạch chuẩn bị thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Nhóm thực hiện chương trình được thành lập tại các cấp tương ứng.
- Các nguồn lực được huy động đầy đủ nhằm triển khai chương trình.

### **Nguyên tắc**

- Cộng đồng bao gồm nam giới và phụ nữ cùng các bên liên quan được tham gia đầy đủ trong quá trình lập kế hoạch thực hiện;
- Thành viên trong nhóm thực hiện tại địa phương cần có đại diện của cả nam giới và phụ nữ, tỉ lệ tối ưu là 50% nam và 50% nữ;
- Ưu tiên tới nhu cầu và vai trò của nhóm đối tượng dễ bị tổn thương trong cộng đồng;
- Có thể lồng ghép việc chuẩn bị kế hoạch thực hiện này với các hoạt động sẵn có và phù hợp khác tại địa phương;
- Nhóm thực hiện và tình nguyện viên trong cộng đồng cần có kiến thức cơ bản về QLRRTH-DVCD và thích ứng với BĐKH; có kỹ năng về tuyên truyền và tập huấn các nội dung liên quan;
- Kế hoạch đã phê duyệt phải được chia sẻ với cộng đồng và các bên liên quan

### **Nội dung thực hiện**

- UBND cấp xã/huyện ra quyết định thành lập nhóm thực hiện tại các cấp tương ứng bao gồm Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng.
- Nhóm thực hiện tổ chức tập huấn về QLRRTH-DVCD bao gồm tập huấn về hiểm họa, thảm họa, đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng cùng với

các kiến thức và kỹ năng liên quan khác cho nhóm thực hiện và nhóm cộng đồng trong đó có tình nguyện viên tại địa phương.

- Đào tạo nâng cao năng lực và kỹ năng cho nhóm thực hiện về QLRRTHĐVCD và thích ứng với BĐKH.
- Thu thập các thông tin cơ bản về cộng đồng bao gồm thông tin kinh tế xã hội, các hoạt động sinh kế, đặc điểm vị trí địa lý và các hiểm họa tại địa phương. Các thông tin có thể được thu thập từ cơ quan nhà nước, trường học, trung tâm nghiên cứu và dữ liệu thứ cấp trong các báo cáo ...
- Nhóm thực hiện lên kế hoạch thực hiện chi tiết cho chương trình bao gồm cả nhân sự và nguồn lực tài chính.

***Lưu ý:** Các khoá đào tạo có thể được tổ chức trong quá trình thực hiện. Ví dụ: đào tạo về đánh giá rủi ro có thể tổ chức trước khi các cán bộ và tình nguyện viên thực hiện đánh giá trong cộng đồng, nhưng đào tạo nâng cao nhận thức cho các nhóm đối tượng khác nhau có thể được thực hiện sau.*

### **Bước 3: Đánh giá rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng và xác định các biện pháp giảm nhẹ rủi ro thảm họa**

Nội dung chi tiết của bước này được giới thiệu cụ thể trong Bài 3 và Bài 4 của Tài liệu tập huấn. Tuy nhiên, nội dung cơ bản cần có như sau:

#### **Mục đích:**

- Xác định, đánh giá và xếp hạng các rủi ro thảm họa, các hiểm họa, tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng của cộng đồng.

#### **Kết quả mong đợi:**

- Thu thập được thông tin về cộng đồng, các loại hiểm họa, rủi ro thảm họa tại địa phương và tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng của cộng đồng;
- Cộng đồng hiểu rõ hơn về tình hình địa phương liên quan đến rủi ro thảm họa;
- Cộng đồng hiểu về khả năng của chính mình trong công tác QLRRTH;
- Cộng đồng và các tổ chức đoàn thể, xã hội, doanh nghiệp và các bên liên quan khác tăng cường quan hệ hợp tác.

#### **Nguyên tắc**

- Thông tin được thu thập và phân tích có sự tham gia tích cực của cộng đồng bao gồm cả nam giới và phụ nữ, trong đó ưu tiên sự tham gia của các đối tượng dễ bị tổn thương;
- Nâng cao năng lực cho cộng đồng ngay trong quá trình đánh giá rủi ro;
- Đánh giá rủi ro thảm họa trong bối cảnh thích ứng với biến đổi khí hậu.

#### **Nội dung thực hiện**

Đánh giá rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng bao gồm các nội dung: đánh giá hiểm họa, tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng và nhận thức về rủi ro của cộng đồng.

#### **Các bước thực hiện:**

Quá trình đánh giá rủi ro thảm họa cần được một nhóm đánh giá đã được tập huấn về phương pháp đánh giá có sự tham gia tổ chức và hướng dẫn.

- Xác định các thông tin cần thu thập trong quá trình đánh giá hiểm họa, tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng và nhận thức của cộng đồng về rủi ro thảm họa.
- Thu thập thông tin: Thông qua các buổi họp dân, phỏng vấn, thảo luận nhóm có trọng tâm. Tham khảo cụ thể các công cụ và nội dung thực hiện tại Bài 3.
- Tổng hợp kết quả đánh giá, chia sẻ và xác minh thông tin với cộng đồng.
  - Sau khi phân tích, tổng hợp sơ bộ kết quả đánh giá, nhóm đánh giá cần tổ chức cuộc họp với toàn thể cộng đồng để thông báo kết quả đánh giá, ghi nhận các ý kiến phản hồi của người dân, hướng dẫn xếp hạng cho các rủi ro đã được xác định, và thảo luận các biện pháp giảm nhẹ và thích cho từng rủi ro ưu tiên.
  - Kết quả của đánh giá rủi ro là cơ sở của lập kế hoạch và cũng đưa ra các chỉ số để đánh giá sự thay đổi về tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng của cộng đồng.
  - Trong quá trình tổng hợp kết quả đánh giá, chia sẻ kết quả này cho cộng đồng, các bên liên quan và chính quyền địa phương.

#### **Bước 4: Lập kế hoạch Quản lý rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng**

Nội dung chi tiết của bước này được giới thiệu cụ thể trong Bài 5 của Tài liệu tập huấn. Tuy nhiên, nội dung cơ bản cần có như sau:

##### **Mục đích:**

- Xây dựng một kế hoạch giảm thiểu rủi ro thảm họa và thích ứng với BĐKH thông qua một quy trình có sự tham gia của cộng đồng;
- Lồng ghép kế hoạch giảm thiểu rủi ro thảm họa vào kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương

##### **Kết quả mong đợi**

- Cộng đồng sẽ xây dựng các kế hoạch nhằm giảm tình trạng dễ bị tổn thương và tăng khả năng của cá nhân, hộ gia đình, thôn và xã trước, trong và sau thảm họa.
- Huy động sự tham gia hiệu quả của các nguồn lực tại địa phương (con người và vật chất)
- Cộng đồng, chính quyền và các bên liên quan thống nhất các biện pháp giảm thiểu rủi ro thảm họa thích hợp với cộng đồng và gắn với định hướng phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

##### **Nguyên tắc:**

- Đảm bảo kế hoạch phải được lập dựa trên kết quả đánh giá rủi ro đã có tính đến các yếu tố giới, thực tế và phù hợp với bối cảnh của địa phương.

- Bảo đảm phát huy dân chủ cấp cơ sở với sự tham gia ở diện rộng của cộng đồng, ưu tiên các nhóm dễ bị tổn thương.
- Kế hoạch phải cụ thể và thường xuyên được rà soát và cập nhật.
- Lòng ghép kế hoạch giảm thiểu rủi ro thảm họa vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đầu tư của địa phương, nâng cao tính trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội liên quan và đối tượng hưởng lợi.

### **Nội dung thực hiện:**

Kế hoạch này gồm 2 khía cạnh:

- Ứng phó khẩn cấp, và
- Giảm nhẹ rủi ro thảm họa dài hạn

Chuẩn bị ứng phó khẩn cấp bao gồm: cảnh báo sớm, sơ tán (bao gồm cả đường đi sơ tán, vị trí người dân đến sơ tán ...), tìm kiếm cứu nạn và cứu trợ. Các thông tin này cần phải có trong kế hoạch phòng chống lụt bão của xã và cần được trình nộp cho Ban chỉ huy phòng chống lụt bão cấp huyện và cấp tỉnh và cần được đưa vào trong kế hoạch phòng chống lụt bão của tỉnh.

Kế hoạch giảm nhẹ rủi ro thảm họa cần bao gồm các hoạt động nhằm giảm bớt tác động có thể có của thảm họa, kết nối với công tác ứng phó khẩn cấp và các nỗ lực giảm nhẹ và phục hồi với những sáng kiến phát triển cộng đồng ngắn hạn và dài hạn. Thông tin này cần phải đưa vào trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Kế hoạch này sẽ trình nộp lên cơ quan cấp huyện và tỉnh để đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

### **Nội dung chính của kế hoạch bao gồm các thông tin sau:**

**Thông tin tổng quan:** Đặc điểm tình hình kinh tế xã hội, sinh kế, cơ sở hạ tầng, vệ sinh môi trường, giáo dục, y tế và nước sạch của thôn, xã.

**Phân tích mức độ rủi ro thảm họa của địa phương:** Tổng hợp các kết quả đánh giá rủi ro thảm họa, tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng của cộng đồng.

**Mục tiêu cụ thể:** các kết quả mong muốn đạt được sau khi thực hiện kế hoạch này. Mục tiêu cụ thể cần có tính khả thi và có giới hạn thời gian thực hiện.

**Các chỉ số/chỉ báo:** (*cụ thể, có tính khả thi, phù hợp và có giới hạn thời gian thực hiện*). Mỗi một mục tiêu cụ thể cần có các chỉ số/chỉ báo rõ ràng và khả thi nhằm đo lường kết quả thực hiện các hoạt động có liên quan đạt được đến mức độ nào đối với mục tiêu đề ra

**Các biện pháp giảm nhẹ rủi ro thảm họa:** các hoạt động cụ thể bao gồm các biện pháp phi công trình và công trình tại các thời điểm trước, trong và sau thảm họa.

**Tổ chức thực hiện:** các yêu cầu và điều kiện cần thiết để việc thực hiện kế hoạch đạt được mục tiêu đề ra.

**Giám sát và đánh giá:** cần có kế hoạch giám sát và đánh giá quá trình và kết quả thực hiện các hoạt động trong kế hoạch.

## **Các bước thực hiện:**

- *Xây dựng hình ảnh cộng đồng mơ ước và xác định mục tiêu cụ thể*

Tiến hành thảo luận về hình ảnh “một cộng đồng an toàn” theo mong muốn của cộng đồng. Tại bước này, người dân, chính quyền địa phương và các bên liên quan cùng trao đổi và nhất trí về những gì họ muốn đạt được trong quá trình quản lý thảm họa.

- *Xác định các biện pháp giảm nhẹ rủi ro thảm họa và huy động nguồn lực*

- Sau khi có mục tiêu, nhóm đánh giá cùng người dân sẽ xác định và lựa chọn ưu tiên các biện pháp giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương và nâng cao khả năng nhằm đạt được những mục tiêu đã đề ra. Đồng thời xác định nguồn lực trong và ngoài cộng đồng cần huy động cho từng giải pháp đó.
- Mỗi hoạt động có thể xác định theo: các hoạt động thực hiện trước – trong – sau thảm họa, hoặc biện pháp phi công trình và công trình. Chi tiết cụ thể xem tại Bài 4.

- *Xây dựng kế hoạch hành động*

Tại bước này cộng đồng và nhóm thực hiện cùng chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch hành động bao gồm các nội dung chính trên. Chi tiết cụ thể xem tại Bài 5.

## **Bước 5: Thực hiện kế hoạch QLRRTH-DVCD**

Nội dung chi tiết của bước này được giới thiệu cụ thể trong Bài 5 của Tài liệu tập huấn. Tuy nhiên, nội dung cơ bản cần có như sau:

### **Mục đích:**

- Mục đích của bước này là tạo cơ hội cho cộng đồng quản lý việc thực hiện các hoạt động giảm nhẹ rủi ro thảm họa. Cộng đồng tham gia thực hiện và theo dõi các hoạt động với sự ủng hộ và hỗ trợ hiệu quả của nhóm thực hiện và chính quyền địa phương cũng như các bên liên quan khác.

### **Kết quả mong đợi:**

- Các kế hoạch được thực hiện một cách hiệu quả, có chất lượng và kịp thời;
- Đảm bảo sự tham gia của cộng đồng trong quá trình thực hiện;
- Các nguồn lực trong và ngoài cộng đồng được sử dụng hiệu quả;
- Thực hiện và theo dõi các hoạt động cùng với sự hỗ trợ hiệu quả của các bên liên quan;
- Đóng góp vào giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương do thảm họa gây ra, góp phần giảm nghèo và cải thiện điều kiện kinh tế xã hội và sự phát triển của địa phương.

### **Nguyên tắc:**

- Đảm bảo sự phối hợp và tham gia của cộng đồng và các bên liên quan thông qua chia sẻ thông tin và thực hiện kế hoạch.

- Đảm bảo các thủ tục và quy trình thực hiện công khai, minh bạch đối với cộng đồng và các bên liên quan;
- Kế hoạch này được xem xét và điều chỉnh thường xuyên để phù hợp với tình hình thực tế và giúp cộng đồng đạt được mục tiêu quản lý rủi ro thảm họa của mình;
- Phù hợp về mặt văn hóa và truyền thống. Tùy thuộc vào từng bối cảnh cụ thể mà sử dụng các phương pháp và công cụ thích hợp với văn hóa và truyền thống của cộng đồng và ưu tiên nhóm đối tượng dễ bị tổn thương.

### **Nội dung thực hiện:**

- Dựa trên Kế hoạch giảm nhẹ rủi ro thảm họa đã được lập với sự phân công cụ thể cho từng đối tượng, cộng đồng và các nguồn lực bao gồm nhân sự (nhóm thực hiện và các bên liên quan), tài chính, kỹ thuật sẽ được huy động và phối hợp để triển khai kế hoạch một cách hiệu quả và kịp thời. Cộng đồng và nhóm thực hiện có thể hàng năm diễn tập ứng phó khẩn cấp theo kế hoạch đã được lập.

### **Bước 6: Theo dõi và đánh giá có sự tham gia**

#### **Mục đích:**

- Để biết rằng các hoạt động trong kế hoạch có đạt được các mục tiêu đề ra hay không. Làm thế nào để đạt được mục tiêu của chương trình một cách tốt nhất?
- Để đánh giá một quá trình hoàn thành các mục tiêu, tính hiệu quả, tác động và tính bền vững.
- Để tạo ra một hệ thống thông tin phản hồi thường xuyên, khuyến khích sự học hỏi và chia sẻ. Giúp người dân và các bên liên quan học hỏi từ những kinh nghiệm thành công và thất bại, nhằm mục đích làm tốt hơn trong tương lai.

#### **Kết quả mong đợi**

- Các biện pháp và hoạt động giảm nhẹ rủi ro thảm họa được thực hiện hiệu quả, chất lượng và đúng tiến độ.
- Đảm bảo trách nhiệm giải trình và hoành thiện công tác quản lý và đưa ra quyết định.
- Người dân sẽ nâng cao kỹ năng, tăng cường năng lực lập kế hoạch, giải quyết vấn đề và ra quyết định. Thông qua các thông tin định tính và hệ thống phản hồi, chính quyền và các bên liên quan sẽ nắm được tiến độ và kết quả hoạt động. Việc theo dõi và đánh giá giúp xác định được các vấn đề tồn tại và một số hoạt động nào đó đã không được thực hiện như kế hoạch đã vạch ra. Họ cũng hiểu biết tốt hơn về các yếu tố có thể gây ảnh hưởng đến dự án của họ, các nguyên nhân dẫn đến thành công hay thất bại và tại sao điều đó xảy ra.

#### **Nguyên tắc**

- Có sự tham gia của cộng đồng, chính quyền và các bên liên quan, ngay từ khi xây dựng các chỉ số theo dõi và đánh giá.

- Theo dõi và đánh giá cần nhấn mạnh vào quá trình trải nghiệm và học hỏi. Khuyến khích sự chia sẻ cởi mở giữa các bên liên quan, liên tục phản hồi về kết quả của việc ra quyết định và cách sử dụng các phương pháp và các hướng dẫn.
- Cần bảo đảm việc nâng cao năng lực và tính làm chủ của cộng đồng địa phương.
- Theo dõi và đánh giá cần có sự linh hoạt và vận dụng thích hợp tùy theo đặc thù của từng dự án và nhu cầu cụ thể.

## **Nội dung thực hiện**

### **Theo dõi:**

- Theo dõi là việc thu thập và phân tích thông tin một cách có hệ thống về tiến độ thực hiện dự án, chương trình. Theo dõi là một quá trình liên tục nhằm kiểm tra các hoạt động có thực hiện theo đúng tiến độ không, dự án có tiến hành phù hợp với kế hoạch không, người chịu trách nhiệm có làm tốt nhiệm vụ không.
- Thông qua việc thường xuyên thu thập thông tin, theo dõi hỗ trợ các tổ chức nắm bắt vấn đề cần quan tâm, kịp thời ra quyết định, đảm bảo trách nhiệm giải trình và tạo nền tảng cho việc đánh giá và rút kinh nghiệm.

### **Đánh giá:**

- Đánh giá là việc đối chiếu kết quả thực tế với mục tiêu và đầu ra đã được lập ra từ ban đầu để các xác định các mục tiêu của kế hoạch có đạt được hay không, dự án có thành công hay không.
- Nội dung đánh giá bao gồm: tác động của dự án đối với đối tượng hưởng lợi, hiệu quả hoạt động, tính phù hợp, tính bền vững và khả năng nhân rộng hoạt động.
- Việc đánh giá có thể được thực hiện theo giai đoạn trước, trong (giữa giai đoạn thực hiện và sau khi dự án, chương trình kết thúc).
- Đánh giá có nhiều phương pháp khác nhau, có thể dùng định lượng (con số và bảng biểu) và/hoặc định tính (nhận thức, kiến thức và thay đổi hành vi của đối tượng).
- Quá trình đánh giá cần cung cấp thông tin đáng tin cậy và hữu ích, cho phép lồng ghép những bài học kinh nghiệm vào quá trình ra quyết định của cộng đồng và các bên có liên quan.

## **IV. Ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam**

### **1. Một số biện pháp để ứng phó với biến đổi khí hậu tại Việt Nam**

#### **a) Các văn bản chính sách về ứng phó BĐKH**

Là quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề do BĐKH và nước biển dâng, Việt Nam đã đóng góp vào nỗ lực chung của thế giới bằng các chính sách nhằm giảm nhẹ và thích ứng với BĐKH:

- Ký và phê chuẩn Công ước khung của Liên Hợp Quốc về BĐKH (UNFCCC) và Nghị Định Thư Kyoto (KP);



- Chỉ định Bộ Tài nguyên và Môi trường là Cơ quan đầu mối Quốc gia về các hoạt động có liên quan đến việc thực hiện UNFCCC và KP;
- Triển khai các hoạt động liên quan đến BĐKH: Thành lập đội công tác và chuyên gia gồm các cán bộ, nhà khoa học, chuyên gia từ nhiều Bộ, Ngành thực hiện các nghiên cứu, dự án về BĐKH;
- Xây dựng các kịch bản BĐKH tại Việt Nam giai đoạn 2010 - 2070;
- Xây dựng các danh mục các dự án thuộc lĩnh vực BĐKH để kêu gọi tài trợ và tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ các nước công nghiệp hoá, các nước phát triển;
- Hình thành Cơ quan đầu mối về Cơ chế phát triển sạch (CDM) là một trong 3 cơ chế của KP phục vụ phát triển bền vững tại Việt Nam thông qua các dự án CDM;
- Xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia đối phó việc biến đổi khí hậu toàn cầu, kêu gọi các tổ chức quốc tế và các nước cùng tham gia

### **b) Các biện pháp ứng phó BĐKH**

Việt Nam đã ưu tiên ứng phó với BĐKH song song với các nỗ lực giảm nguyên nhân gây hiện tượng BĐKH như:

- Giảm phát thải gây hiệu ứng nhà kính:
- Áp dụng công nghệ, sử dụng năng lượng hiệu quả, tiết kiệm năng lượng.
- Tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo: điện mặt trời, điện gió.
- Trồng rừng và bảo vệ rừng
- Cải tiến kỹ thuật tưới tiêu trong nông nghiệp

Cũng như việc giảm thiểu rủi ro thảm họa, kế hoạch ứng phó với BĐKH cần phải kết hợp hài hòa cả giải pháp công trình và phi công trình. Một số giải pháp công trình và phi công trình có thể áp dụng nhằm ứng phó với tác động do BĐKH như:

- Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển, chú ý đến loại rừng thích hợp với điều kiện BĐKH trong tương lai để giảm thiểu tác động của BĐKH và bảo vệ môi trường sinh thái.
- Đa dạng hóa phát triển nông nghiệp và thủy sản, thay đổi lịch thời vụ để thích ứng với BĐKH.
- Xây dựng chương trình, kế hoạch thích ứng với BĐKH trong lĩnh vực quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước tại các ngành, các cấp. Đồng thời, nâng cao nhận thức của cộng đồng về sử dụng bền vững tài nguyên nước thích ứng với BĐKH.
- Giáo dục, nâng cao nhận thức cộng đồng về BĐKH.
- Xây dựng chiến lược và chương trình hành động ứng phó với BĐKH cả giai đoạn ngắn hạn và dài hạn, trên cơ sở chương trình mục tiêu quốc gia.

- Lòng ghép kế hoạch thích ứng biến đổi khí hậu vào chiến lược, chương trình, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành và địa phương.

Cần chất lọc thông tin về BĐKH và chỉ giới thiệu những nội dung chính mà chương trình QLRRTH dựa vào cộng đồng có liên quan.

## **V. Giới thiệu Đề án “Nâng cao năng lực cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” (Quyết định số 1002/QĐ-TTg)**

Nhận thấy tầm quan trọng của sự huy động toàn dân đảm bảo sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ vào công tác phòng tránh và giảm nhẹ rủi ro thảm họa, với phương châm “lấy phòng ngừa là chính”, ngày 13 tháng 7 năm 2009, Chính phủ phê duyệt đề án “*Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng*” theo quyết định số 1002/QĐ-TTg với mục tiêu “Nâng cao nhận thức cộng đồng và tổ chức có hiệu quả mô hình quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cho các cấp, các ngành, đặc biệt là chính quyền và người dân ở các làng, xã nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản, hạn chế sự phá hoại tài nguyên thiên nhiên, môi trường và di sản văn hóa do thiên tai gây ra, góp phần bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh”.

### **Mục tiêu cụ thể của Đề án nhằm:**

- Hoàn chỉnh cơ chế, chính sách về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương.
  - Nâng cao năng lực cho cán bộ chính quyền các cấp trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai: đảm bảo đến năm 2020 có 100% cán bộ được tập huấn, nâng cao năng lực và trình độ về công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.
  - Tất cả các làng, xã ở những vùng có nguy cơ cao xảy ra thiên tai xây dựng được kế hoạch phòng tránh thiên tai, có hệ thống thông tin liên lạc và xây dựng được lực lượng nòng cốt có chuyên môn, nghiệp vụ về giảm nhẹ thiên tai, lực lượng tình nguyện viên để hướng dẫn và hỗ trợ nhân dân trong công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.
- + 70% số dân các xã thuộc vùng thường xuyên bị thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai.
- + Đưa kiến thức phòng tránh giảm nhẹ thiên tai vào chương trình đào tạo của trường học phổ thông.

### **Đề án sẽ tập trung vào hai hợp phần, trong đó:**

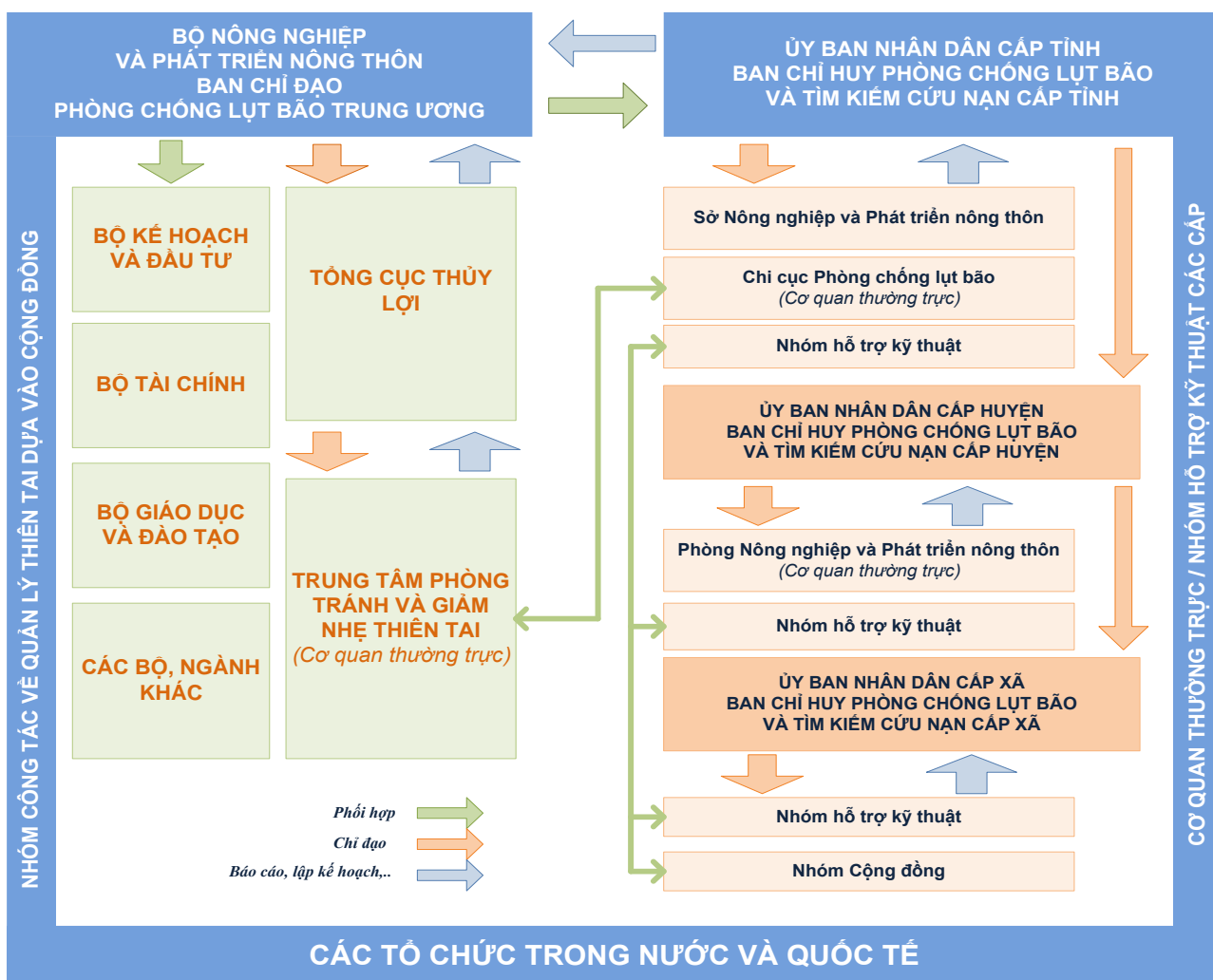
Hợp phần 1: Chú trọng việc nâng cao năng lực về quản lý, triển khai thực hiện các hoạt động quản lý rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng cho cán bộ chính quyền các cấp với mục tiêu đảm bảo 100% cán bộ các cấp trực tiếp làm công tác quản lý rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng được tập huấn, nâng cao năng lực và trình độ về quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng.

Hợp phần 2: Tăng cường truyền thông giáo dục, nâng cao năng lực cho cộng đồng về quản lý rủi ro thiên tai nhằm đạt được mục tiêu, tăng cường năng lực cho

cộng đồng về giảm nhẹ thiên tai; trên 70% số dân các xã thuộc vùng thường xuyên bị thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai.

### Tổ chức thực hiện:

Tóm tắt về công tác tổ chức thực hiện, cần xem bảng sau. Thông tin chi tiết cần tham khảo thêm Hướng dẫn thực hiện Đề án được ban hành bởi Bộ NN&PTNT.



### Tổng kết bài học:

Trong bài học này người học sẽ ghi nhớ về:

- Tầm quan trọng của sự tham gia của cộng đồng trong toàn bộ quy trình thực hiện QLRRTH-DVCD nhằm đạt được các mục tiêu đề ra của chương trình.
- Có 6 bước cơ bản để thực hiện QLRRTH-DVCD tại địa phương. 6 bước này cần được thực hiện theo thứ tự, mặc dù đôi khi, các hoạt động cụ thể của một bước có thể được thực hiện cùng với các hoạt động khác.
- Đề án 1002 được Chính phủ phê duyệt vào ngày 13/7/2009 và được thực hiện đến năm 2020 với mục tiêu chung nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng và tổ chức có hiệu quả mô hình quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cho các cấp, các ngành, đặc biệt là chính quyền và người dân ở các làng, xã nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản. Đề án có 2 hợp phần chính,

trong đó hợp phần 1 tập trung vào nâng cao năng lực về quản lý, triển khai thực hiện các hoạt động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng cho cán bộ chính quyền các cấp. Hợp phần 2 tập trung vào tăng cường truyền thông giáo dục, nâng cao năng lực cho cộng đồng về quản lý rủi ro thiên tai.

### **Tài liệu tham khảo**

- Hướng dẫn thực hiện Đề án 1002, Bộ NN&PTNT;
- Tài liệu kỹ thuật “Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và thích ứng với biến đổi khí hậu”, Dự án “Nâng cao năng lực thể chế về Quản lý rủi ro thiên tai tại Việt Nam, đặc biệt các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu”, Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc UNDP và Trung tâm phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai (DMC);
- Khung chương trình Quản lý rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng, Sáng kiến vận động chính sách tại Việt Nam (JANI), Trung tâm Nghiên cứu và Hợp tác quốc tế (CECI).

### **- Bài 3: ĐÁNH GIÁ RỦI RO THẢM HỌA**

Đánh giá Rủi ro Thảm họa (RRTH) là hoạt động quan trọng nhất trong phương pháp quản lý rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng.

**Mục đích:** Bài học này nhằm giúp cho người học:

- Hiểu được tầm quan trọng của việc đánh giá rủi ro thảm họa có sự tham gia của cộng đồng
- Phân tích được đặc điểm của hiểm họa, biến đổi khí hậu, mối liên hệ của chúng với tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng của các nhóm đối tượng trong cộng đồng trong công tác giảm nhẹ RRTH
- Xác định được các công cụ đánh giá có sự tham gia để sử dụng trong thu thập và phân tích thông tin về RRTH

**Nội dung bài học:**

#### **I. Rủi ro thảm họa**

#### **II. Đánh giá RRTH dựa vào cộng đồng**

#### **III. Nội dung đánh giá**

#### **IV. Các bước tiến hành và công cụ đánh giá rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng**

##### **I. Rủi ro thảm họa**

##### **1. Rủi ro thảm họa:**

Là những tổn thất tiềm ẩn về tính mạng, tình trạng sức khỏe, các hoạt động sinh kế, tài sản và các dịch vụ do thảm họa gây ra cho một cộng đồng hoặc một xã hội cụ thể trong một khoảng thời gian nhất định.

##### **2. Công thức rủi ro thảm họa:**

Công thức đơn giản sau được giới thiệu để minh họa cho mối liên hệ giữa ba yếu tố chính trong rủi ro thảm họa:

**Rủi ro trong thảm họa <-> Hiểm họa x Tình trạng dễ bị tổn thương  
Khả năng**

Như vậy, nếu cường độ hiểm họa rất lớn, tình trạng dễ bị tổn thương cao và khả năng yếu thì rủi ro thảm họa là rất cao. Nếu chính quyền địa phương và người dân trong cộng đồng không thể tự chống chịu được tình trạng khẩn cấp khi hiểm họa xảy ra thì THẢM HỌA sẽ xảy ra.

- Tình trạng dễ bị tổn thương của con người tăng lên theo sự tác động các hiểm họa - điều này không mang tính kỹ thuật mà là vấn đề xã hội. Mỗi người đều có những khả năng khác nhau để dự đoán, lập kế hoạch, tồn tại và phục hồi từ những tác động có hại của hiểm họa hoặc thảm họa. Tuy nhiên, khả năng đối phó với hiểm họa lại do các điều kiện kinh tế, chính trị và xã hội hình thành trong một bối cảnh môi trường cụ thể.
- Rủi ro thảm họa trong cộng đồng sẽ giảm đi nếu tình trạng dễ bị tổn thương của cộng đồng được giảm thiểu và khả năng của họ được tăng cường.
- Rủi ro thảm họa trong cộng đồng cũng sẽ giảm đi nếu hiểm họa trong cộng đồng được xác định và có các biện pháp phòng ngừa, giảm nhẹ.
- Do đó, khi đánh giá rủi ro thảm họa để lập kế hoạch thì cần căn cứ vào thực tế của địa phương để xác định những yếu tố phải tác động trong phương trình trên nhằm giảm nhẹ rủi ro thảm họa có hiệu quả nhất tại cộng đồng.

## II. Đánh giá Rủi ro thảm họa (RRTH) dựa vào cộng đồng

### 1. Đánh giá:

Là một qui trình thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin một cách có hệ thống để đưa ra quyết định cho một điều kiện hoặc tình huống cụ thể.

### 2. Đánh giá Rủi ro thảm họa (RRTH):

Là một phương pháp xác định bản chất và mức độ rủi ro bằng cách phân tích các hiểm họa có thể xảy ra và đánh giá các điều kiện hiện tại của tình trạng dễ bị tổn thương mà nếu phối hợp lại có thể gây hại cho con người, tài sản, các dịch vụ xã hội, các hoạt động sinh kế và môi trường mà chúng phụ thuộc trong khu vực hiểm họa.

### 3. Đánh giá RRTH dựa vào cộng đồng:

Là quá trình thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin có sự tham gia của người dân tại cộng đồng đó về: các hình thái hiểm họa đã xảy ra trong quá khứ, các mối đe dọa hiện tại và tương lai, ví dụ như tác động của biến đổi khí hậu – có nghĩa là *đánh giá hiểm họa*; gắn liền với việc tìm hiểu các nguyên nhân biến hiểm họa thành thảm họa – có nghĩa là *đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương*; cũng như tìm hiểu các nguồn lực sẵn có mà một cộng đồng bị ảnh hưởng có thể sử dụng để giảm thiểu rủi ro – có nghĩa là *đánh giá khả năng*; và tìm hiểu cách nhìn nhận rủi ro khác nhau của người dân – có nghĩa là *đánh giá nhận thức về rủi ro*.

#### **4. Tầm quan trọng của việc đánh giá RRTH dựa vào cộng đồng:**

Người dân trong cộng đồng và chính quyền địa phương là những người đã sinh sống và làm việc trên địa bàn của họ từ lâu do vậy họ là những người hiểu rõ hơn ai hết những đặc điểm về thời tiết, khí hậu, các loại hiểm họa, các điều kiện tự nhiên và xã hội tác động trực tiếp đến họ. Từ thực tế đó họ đã tích lũy và đúc rút được nhiều kinh nghiệm phong phú trong việc dự báo, phòng ngừa và ứng phó với các loại thảm họa thường xảy ra trong vùng của họ. Tuy nhiên, với sự biến đổi của khí hậu, những kiến thức bản địa và kinh nghiệm truyền thống này không còn hoàn toàn chính xác nữa, do vậy cộng đồng cũng cần được tiếp xúc với các kiến thức khoa học mới để có thể hiểu rõ hơn những rủi ro mà họ đang phải đối mặt để xác định được các biện pháp giảm nhẹ rủi ro thảm họa phù hợp.

Chính vì vậy, sự tham gia của các thành viên trong cộng đồng vào việc đánh giá RRTH là rất quan trọng vì thông qua quá trình này, cộng đồng sẽ có nhận thức rõ hơn về các hiểm họa cũng như có khả năng xác định được TTDBTT, chủ động trong việc sử dụng nguồn lực và tận dụng các khả năng và kinh nghiệm sẵn có trong cộng đồng. Nếu có cơ hội tham gia, người dân sẽ có trách nhiệm hơn đối với các hoạt động giảm nhẹ rủi ro thảm họa tại cộng đồng và kể cả trong trường hợp nguồn lực hạn chế thì công tác này vẫn có thể được thực hiện một cách có hiệu quả.

#### **5. Đối tượng tham gia quá trình đánh giá:**

Về nguyên tắc tất cả người dân, các cán bộ chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể và các đối tác khác trong cộng đồng đều cần tham gia quá trình đánh giá và cung cấp thông tin. Các thành viên trong nhóm đánh giá (bao gồm hướng dẫn viên và tình nguyện viên) có vai trò hướng dẫn, hỗ trợ toàn bộ quá trình. Thành viên nhóm đánh giá có thể huy động những cán bộ đầu mối địa phương, những người quan trọng trong cộng đồng để làm việc với cộng đồng và bố trí cho việc thực hiện đánh giá.

Để có thể hiểu rõ được mức độ rủi ro của cộng đồng, nhóm đánh giá cần lưu ý đến sự tham gia đồng đều của các thành viên nam, nữ từ nhóm cán bộ đến các nhóm dễ bị tổn thương nhất khi thảm họa xảy ra, như: trẻ em, người già cô đơn, người khuyết tật, phụ nữ đơn thân, người có HIV, người dân tộc thiểu số, người nghèo, người mới nhập cư...

**Lưu ý:** Nhằm đảm bảo chất lượng và tính khách quan của các thông tin thu thập được, chỉ nên sử dụng những người đã được tập huấn về phương pháp đánh giá rủi ro thảm họa có sự tham gia của người dân để hướng dẫn quá trình đánh giá này tại cộng đồng.

#### **6. Mục đích đánh giá rủi ro thảm họa**

Hiểu rõ những rủi ro thảm họa mà cộng đồng phải đối mặt và nguyên nhân của chúng sẽ giúp cho người dân và chính quyền địa phương xác định được những hoạt động cần tiến hành trong công tác phòng ngừa thảm họa, giảm nhẹ rủi ro cũng như để cải thiện các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Trong quá trình đánh giá rủi ro thảm họa, các thành viên cộng đồng tham gia:

- Tìm hiểu môi trường sống của mình, bao gồm các hiểm họa và xu hướng biến đổi về thời tiết, khí hậu tại địa phương cũng như tác động của con người lên các xu hướng đó;
- Xác định, ước tính và xếp hạng ưu tiên giải quyết các rủi ro của địa phương trên cơ sở các vấn đề khó khăn, mối quan tâm và các nguồn lực của mình có tính đến các yếu tố văn hóa, kinh tế-xã hội, mối quan hệ giới, độ tuổi, v.v...
- Tìm hiểu các tác động, nguyên nhân và mức độ phức tạp của các vấn đề mà cộng đồng gặp phải, đặc biệt là đối với các nhóm dễ bị tổn thương trong cộng đồng;
- Tìm hiểu và xác định vai trò, trách nhiệm của các ban, ngành, đoàn thể, các đối tác trong và ngoài cộng đồng trong công tác giảm nhẹ rủi ro thảm họa;
- Xác định nhu cầu, khả năng và các nguồn lực của người dân và chính quyền địa phương trong việc đối phó với rủi ro thảm họa;
- Phân tích và đúc kết các biện pháp giảm nhẹ rủi ro thảm họa có tính đến các yếu tố biến đổi khí hậu hiệu quả và phù hợp với địa phương;
- Thu thập thông tin điều tra cơ bản ban đầu để sử dụng làm mốc tham chiếu sau này khi đánh giá các nhu cầu ứng phó trong các trường hợp khẩn cấp và phục hồi sau thảm họa; cũng như sử dụng làm dữ liệu nền hay các chỉ số để đánh giá các thay đổi về tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng của người dân theo thời gian;
- Cung cấp thông tin thu thập được và kết quả đánh giá cho các bên có liên quan và quan tâm sử dụng để phân tích tình hình cho các chương trình phát triển cộng đồng và chia sẻ rộng rãi hơn ở cấp quốc gia và quốc tế. Ví dụ cộng đồng sẽ có tiếng nói trong việc xây dựng một số chính sách nhất định (như các chiến lược ứng phó với biến đổi khí hậu).

Ủy ban nhân dân xã có thể sử dụng báo cáo đánh giá rủi ro để xin ngân sách từ chính quyền địa phương cấp trên và xin tài trợ nhằm triển khai các hoạt động giảm nhẹ rủi ro thảm họa tại địa phương mình.

### **III. Nội dung đánh giá RRTH**

#### **1. Đánh giá hiểm họa**

- *Đánh giá hiểm họa* là quá trình các thành viên trong cộng đồng tiến hành xác định và phân tích những hiểm họa cũng như những xu hướng thay đổi về khí hậu và môi trường có nguy cơ đe dọa đến cuộc sống của họ.
- *Nội dung đánh giá hiểm họa:*
  - Xác định các loại hiểm họa, thảm họa thường xảy ra trong cộng đồng, khuynh hướng của hiểm họa, bản chất, nguyên nhân và diễn biến của từng hiểm họa, bao gồm tần suất, cường độ, địa điểm, tính mùa vụ, các dấu hiệu hoặc tín hiệu cảnh báo, thời gian có thể cảnh báo trước tính từ khi có dấu hiệu cảnh báo tới khi hiểm họa xảy ra; các biểu hiện/hiện tượng của quá trình biến đổi khí hậu và tác động của chúng lên các hiểm họa liên quan;

- Tìm hiểu và giới thiệu cho cộng đồng các thông tin hoặc kết quả nghiên cứu khoa học về loại hiểm họa và tác động của biến đổi khí hậu đối với địa phương;
- Tìm hiểu nhận thức của cộng đồng về các hiểm họa, thảm họa mà họ đã từng trải qua, những kinh nghiệm thực tiễn của người dân ứng phó và xử lý các vấn đề trong thảm họa.

### **Bảng tổng hợp thông tin đánh giá hiểm họa**

| Hiểm họa (HH) | Nhân tố gây HH | Dấu hiệu cảnh báo | Thời gian báo trước | Cường độ HH | Tần suất HH | Thời điểm HH thường xảy ra | Thời gian kéo dài của HH |
|---------------|----------------|-------------------|---------------------|-------------|-------------|----------------------------|--------------------------|
| Lũ lụt        |                |                   |                     |             |             |                            |                          |
| Bão           |                |                   |                     |             |             |                            |                          |
| Hạn hán       |                |                   |                     |             |             |                            |                          |
| ...           |                |                   |                     |             |             |                            |                          |

## **2. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương**

- *Đánh giá TTDBTH* là quá trình các thành viên trong cộng đồng tham gia xác định các yếu tố dẫn đến tình trạng dễ bị tổn thương của họ và phân tích nguyên nhân sâu xa của tình trạng dễ bị tổn thương đó.
- *Nội dung đánh giá TTDBTT*
  - Trong quá trình đánh giá, nhóm đánh giá cần lưu ý rằng tình trạng dễ bị tổn thương của các đối tượng trong cộng đồng bắt nguồn từ quá trình vận động về kinh tế, chính trị, xã hội và các nguyên nhân của các TTDBTT đó có thể rất xa so với những biểu hiện bên ngoài. Sự khác nhau về TTDBTT của phụ nữ và nam giới do những yếu tố về đặc điểm thể chất, quan hệ xã hội..., tương tự như vậy đối với các nhóm như khuyết tật, trẻ em, người già cô đơn, người bị HIV... cần được xem xét, phân tích cụ thể.
  - Tình trạng dễ bị tổn thương cần được đánh giá theo ba mặt vật chất/thể chất, xã hội/tổ chức, thái độ/động cơ của các nhóm khác nhau:

### *Đễ bị tổn thương về mặt vật chất/thể chất*

- Xác định các yếu tố dễ bị tổn thương trước từng hiểm họa, BDKH hoặc mối nguy hiểm đã xác định ở trên, như: các nhóm đối tượng khác nhau, nhà cửa, công trình công cộng, đất canh tác, cơ sở hạ tầng, các dịch vụ xã hội cơ bản (giáo dục, y tế, nước sinh hoạt, điện, thông tin liên lạc), hoạt động sản xuất, kinh doanh, công cụ, vật tư sản xuất, vật nuôi, cây trồng, an ninh lương thực, các nguồn tài nguyên thiên nhiên, v.v...



- Tìm hiểu các tác động của hiểm họa, BDKH hoặc mối nguy hiểm lên các yếu tố DBTT, sự khác nhau trong các tác động đó đối với phụ nữ và nam giới (về thể lực, về vai trò, vị trí trong gia đình và xã hội, về các qui định xã hội, về quyền lực kiểm soát, quản lý các nguồn lực, cơ hội và quyền tham gia và ra quyết định của phụ nữ và nam giới).
- Tìm hiểu nguyên nhân gây ra các tác động có hại đối với các yếu tố DBTT, đồng thời nguyên nhân của sự khác biệt trong tác động đối với phụ nữ và nam giới.

#### *Để bị tổn thương về xã hội/tổ chức*

- Tìm hiểu các mối quan hệ trong gia đình, họ hàng cộng đồng, sự hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau khi gặp khó khăn, hoạn nạn xem các mối quan hệ đó có lỏng lẻo, có vấn đề như kỳ thị, chia rẽ hay xung đột do sắc tộc, địa vị xã hội, tôn giáo, hệ tư tưởng không?
- Tìm hiểu cơ hội tham gia của phụ nữ và nam giới của các nhóm đối tượng khác nhau vào các hoạt động của cộng đồng có bình đẳng không? Nếu không thì vì lý do gì?
- Tìm hiểu xem có những tổ chức hay đoàn thể nào chịu trách nhiệm về các hoạt động cộng đồng, hiệu quả hoạt động của họ

#### *Để bị tổn thương về thái độ/động cơ*

- Tìm hiểu về tư tưởng của phụ nữ và nam giới của các nhóm đối tượng khác nhau xem họ có bị quan, thụ động, chấp nhận số phận hay phụ thuộc vào sự giúp đỡ của người khác khi gặp phải khó khăn không? Nguyên nhân của các vấn đề này là gì?
- Tìm hiểu xem các nhóm đối tượng trong cộng đồng có đoàn kết, hợp tác, thống nhất với nhau không? Hệ tư tưởng hay tín ngưỡng của họ có mang tính tiêu cực không? Nguyên nhân của các vấn đề này là gì?

### **3. Đánh giá khả năng**

- *Đánh giá khả năng* là quá trình người dân trong cộng đồng phân tích khả năng họ có thể làm được gì trước, trong và sau thảm họa nhằm giảm tác động tiêu cực của thảm họa đến đời sống của họ
- *Nội dung đánh giá khả năng* cũng cần được đánh giá theo ba mặt vật chất/thể chất, xã hội/tổ chức, thái độ/động cơ của các nhóm khác nhau. Việc đánh giá khả năng có liên quan đến đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương vì hai yếu tố này có liên hệ với nhau.

#### *Khả năng về vật chất/thể chất*

- Xác định các nguồn lực, phương tiện, các điểm mạnh tồn tại trong các hộ gia đình, các nhóm đối tượng trong cộng đồng trong nhằm giảm nhẹ TTDBTT, giảm nhẹ rủi ro và nhanh chóng khắc phục thiệt hại do hiểm họa hoặc thảm họa gây ra; phụ nữ và nam giới tham gia như thế nào vào việc tiếp cận và quản lý các nguồn lực đó

- Tìm hiểu những kinh nghiệm và những biện pháp phòng ngừa thảm họa có hiệu quả mà cộng đồng đã áp dụng đối với những thảm họa trước đây

#### *Khả năng về xã hội/tổ chức*

- Tìm hiểu kỹ năng và kiến thức của phụ nữ và nam giới của các nhóm đối tượng trong cộng đồng; những kỹ năng và kiến thức này được sử dụng như thế nào vào việc giảm nhẹ rủi ro thảm họa
- Tìm hiểu hiệu quả từ cách tổ chức của các hộ gia đình, cộng đồng và cơ chế đưa ra các quyết định ứng phó cũng như giảm nhẹ rủi ro thảm họa

#### *Khả năng về thái độ/động cơ*

- Tìm hiểu những thái độ, động cơ tích cực, chủ động, long dũng cảm, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình và cộng đồng.

Bảng ví dụ về các loại tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng khác nhau

| <b>Loại</b>                 | <b>Tình trạng dễ bị tổn thương</b>  | <b>Năng lực</b>   |
|-----------------------------|---|---|
| <b>Vật chất/<br/>Vật lý</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Nơi sinh sống của cộng đồng, nhà cửa, trang trại, cơ sở hạ tầng, các dịch vụ thiết yếu, vv nằm tại vị trí dễ bị hiểm họa thiên tai.</li> <li>▪ Thiếu sự tiếp cận trực tiếp và kiểm soát được các công cụ sản xuất (ví dụ như đất canh tác, các sản phẩm nông nghiệp, động vật, vốn, vv)</li> <li>▪ Xuất hiện tình trạng thiếu lương thực đột biến (tạm thời) hoặc lâu dài</li> <li>▪ Thiếu các dịch vụ thiết yếu như : giáo dục, sức khỏe, nước uống an toàn, nơi ở, vệ sinh, đường giao thông, điện, liên lạc, vv</li> <li>▪ Tỷ lệ chết cao, suy dinh dưỡng, xuất hiện bệnh tật, năng lực chăm sóc không đủ</li> <li>▪ Khai thác quá mức các nguồn tài nguyên tự nhiên</li> <li>▪ Sử dụng đất không đúng</li> <li>▪ Thiếu các cơ hội việc làm và phân biệt đối xử trong tuyển dụng</li> <li>▪ Nguồn sinh kế không an toàn hoặc rủi ro</li> <li>▪ Thiếu cơ chế kinh tế dự phòng</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Các nguồn lực như công cụ sản xuất, hạt giống, cây giống, gia súc, súc vật kéo, tiền, trang sức và các tài sản khác có thể được bán</li> <li>▪ Lương thực dự trữ</li> <li>▪ Tiếp cận và kiểm soát được các nguồn lực (lương thực và nước sạch), các dịch vụ xã hội (sức khỏe, giáo dục) và cơ sở xã hội khác (thể thao, vv)</li> </ul> |

- Mất các cơ hội kinh doanh
- Thiếu cơ hội tiếp cận các thị trường, khai thác bởi môi giới hoặc phụ thuộc vào người cho vay
- Nhà ở chuột, lều tạm ở các vùng đất trũng
- Đường xá chất lượng kém
- Nhà ở gần biển, sông, làm bằng các vật liệu tạm
- Thiếu trường học, cơ sở hạ tầng và các dịch vụ

**Xã hội/  
Tổ chức/  
đoàn thể**

- Các kỹ năng và nền tảng giáo dục không đầy đủ
- Thiếu nhận thức về các hiểm họa và các nguyên nhân gây nên tình trạng dễ bị tổn thương
- Cấu trúc gia đình/họ hàng yếu
- Thiếu lãnh đạo, sáng kiến, cơ cấu tổ chức để giải quyết các vấn đề hoặc các mâu thuẫn
- Ra quyết định kém hiệu quả khi cá nhân, các nhóm người bị bỏ qua
- Thiếu sự bình đẳng khi tham gia các công việc của cộng đồng
- Sắc tộc, tôn giáo, đẳng cấp, tầng lớp, ý thức hệ, xung đột, phân hoá, chia rẽ, vv
- Bất công trong quá trình thực thi, thiếu khả năng tiếp cận các quá trình chính trị
- Các tổ chức cộng đồng thiếu và yếu (chính thức hoặc không chính thức, chính quyền trung ương, hoặc địa phương)
- Hạn chế hoặc bỏ qua mối quan hệ với chính quyền địa phương và các cơ cấu hành chính
- Cảm thấy bị cô lập với thế giới bên ngoài
- Kỹ năng và khả năng
- Sự gắn bó của các cộng đồng có sự lãnh đạo tốt và các mạng lưới hỗ trợ xã hội
- Cộng đồng có các cơ quan chăm sóc con người ở cấp địa phương và cấp trung ương
- Người dân chia sẻ những nguồn lực vật chất họ có khi cần thiết.
- Các công trình hỗ trợ gia đình
- Các phương tiện thông tin liên lạc giữa các thành viên trong gia đình dù họ không ở gần nhau
- Tổ chức chính trị và quyền hạn, quyền bầu cử
- , Cách thức bày tỏ ý kiến, ví dụ thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua tuyên truyền, vận động đối với những

|                                |   |   |
|--------------------------------|---|---|
|                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Sử dụng quá mức chất chứa cồn (rượu, bia)</li> <li>▪ Bị nguy hiểm do xung đột (xung đột trong nước, giữa các cộng đồng)</li> <li>▪ (không có trong tiếng Anh)</li> <li>▪ Quản lý nhà nước không đúng</li> <li>▪ Thiếu nhận thức và kinh nghiệm thực tế về các biện pháp an toàn nói chung</li> <li>▪ Điều kiện vệ sinh yếu kém</li> <li>▪ Thiếu sự gắn kết trong các tiêu chuẩn xây dựng</li> <li>▪ Hệ thống quản lý giao thông yếu kém</li> </ul> | <p>người trong các cơ quan chức năng</p>  |
| <p><b>Thái độ/ động cơ</b></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Thái độ tiêu cực đối với thay đổi</li> <li>▪ Bị động, quá tin vào định mệnh, thiếu hy vọng, phụ thuộc</li> <li>▪ Thiếu sáng kiến, không có “ tư tưởng đấu tranh”</li> <li>▪ Thiếu tinh thần đoàn kết, cộng tác, liên kết</li> <li>▪ Không có niềm tin/quá mơ mộng</li> <li>▪ Quá phụ thuộc vào sự hỗ trợ bên ngoài – trạng thái tâm lý “nạn nhân” bất lực</li> <li>▪ Thiếu nhận thức về các hiểm họa và các hậu quả của chúng.</li> </ul>          | <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Đối mặt trong các tình huống khó khăn</li> <li>▪ Chủ động giải quyết vấn đề, các phương pháp giải tỏa căng thẳng và các cơ chế tự vệ</li> <li>▪ Thái độ tích cực</li> <li>▪ Thái độ lạc quan thậm chí trong cơn khủng hoảng</li> <li>▪ Thái độ chủ động</li> <li>▪ Kiến thức và nhận thức</li> </ul> |

#### 4. Đánh giá mức độ rủi ro của cộng đồng

- *Đánh giá mức độ rủi ro của cộng đồng* là việc phân tích nhận thức khác nhau của người dân và cán bộ địa phương về rủi ro họ phải đối mặt trong mối liên quan với với các yếu tố kinh tế, văn hóa, xã hội, độ tuổi, tôn giáo, mối quan hệ giới, v.v...
- *Nội dung đánh giá*
  - Sau khi xác định các rủi ro thảm họa tại địa phương, những người tham gia đánh giá cân nhắc các tác động tiêu cực có thể xảy ra của chúng với những mối quan tâm và lợi ích trước mắt tùy thuộc vào kinh nghiệm, kiến thức, điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của họ (ví dụ: một cộng đồng đang gặp nhiều khó khăn trong việc đáp ứng nhu cầu lương thực trước mắt thì những rủi ro mà BĐKH có thể gây ra trong vòng 50 tới khó được họ quan tâm)

- Xác định các rủi ro có thể chấp nhận được và xếp hạng ưu tiên những rủi ro cần được giải quyết bằng các biện pháp giảm nhẹ rủi ro

**Bảng tổng hợp thông tin đánh giá Tình trạng DTBTT và Khả năng**

| Các yếu tố và nội dung | Tình trạng DTBTT |          | Khả năng |          |
|------------------------|------------------|----------|----------|----------|
|                        | Phụ nữ           | Nam giới | Phụ nữ   | Nam giới |
| Vật chất/ thể chất     |                  |          |          |          |
| Tổ chức/ xã hội        |                  |          |          |          |
| Thái độ/ động cơ       |                  |          |          |          |
| Chính trị/ thể chế     |                  |          |          |          |

**IV. Các bước tiến hành và công cụ đánh giá rủi ro thảm họa**

**1. Các bước đánh giá:**

Các bước sau được khuyến nghị trước khi thực hiện đánh giá rủi ro

**a) Lựa chọn địa điểm:** xác định các xóm, thôn hay cộng đồng nơi tiến hành đánh giá rủi ro

**b) Tổ chức/ thực hiện các hoạt động sau:**

*Tổ chức nhóm đánh giá:*

- Thành lập nhóm đánh giá (bao gồm cán bộ nhà nước ở các phòng ban liên quan, hướng dẫn viên đánh giá và tình nguyện viên);
- Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm;
- Đảm bảo rằng tất cả thành viên của nhóm đánh giá nắm vững nội dung, phương pháp thực hiện và được tập huấn sử dụng các phương pháp đó;
- Xác định thời điểm thích hợp để tiến hành đánh giá rủi ro cùng với chính quyền địa phương, tổ chức quần chúng và mời người dân địa phương tham gia vào việc đánh giá;

*Tổ chức cộng đồng:*

- Bảo đảm rằng mỗi cộng đồng có một người được giao làm đầu mối (có thể là cán bộ Hội Chữ Thập Đỏ, Hội Phụ nữ, trưởng thôn)
- Liên lạc với chính quyền địa phương (UBND huyện, xã) về mục đích và nhiệm vụ của nhóm đánh giá trong đó xác định các nhóm dễ bị tổn thương trong cộng đồng; thống nhất về kế hoạch đánh giá với chính quyền địa phương và cộng đồng;

*Chuẩn bị điều kiện làm việc thuận lợi, trang thiết bị, tài chính, đồ dùng, thực phẩm và nơi lưu trú cần thiết cho đợt công tác hiện trường và gặp gỡ với người dân địa phương.*

*Thu thập các thông tin cơ bản và các số liệu thứ cấp* trong các cộng đồng: từ các nguồn thông tin đã có và xác định các thông tin cần thiết phải thu thập từ cộng đồng để phân tích về tình hình hiểm họa, tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng và mức độ rủi ro của cộng đồng. Tiêu chuẩn SPHERE nên được cân nhắc sử dụng để so sánh trong phân tích tình hình.

**c) Người cung cấp thông tin chính trong cộng đồng**

- Thông thường, những người cung cấp thông tin then chốt (những nguồn thông tin quan trọng) trong cộng đồng là chủ tịch hội đồng nhân dân xã, chủ tịch ủy ban nhân dân xã, trưởng thôn, trưởng xóm, già làng, chủ tịch Hội Chữ Thập Đỏ và chủ tịch Hội Phụ nữ địa phương, các tổ chức thành lập tại địa phương, lãnh đạo các tôn giáo, những người có uy tín và người dân...

**d) Lựa chọn công cụ đánh giá**

- Chuẩn bị một bảng danh mục các câu hỏi dạng cấu trúc mở để phỏng vấn;
- Chuẩn bị các câu hỏi phỏng vấn ở hộ gia đình (có thể chuẩn bị dưới dạng phiếu điều tra);
- Chuẩn bị các công cụ đánh giá có sự tham gia (cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với mỗi cộng đồng cụ thể);

**e) Nhóm đánh giá nên có một kế hoạch làm việc tại hiện trường cụ thể**

Bảng kế hoạch mô tả yêu cầu, công cụ, nguồn thông tin, lịch làm việc và các trách nhiệm với các thành viên trong nhóm đánh giá:

| Các nhu cầu thông tin   | Công cụ  | Nguồn tin/ nguồn cung cấp thông tin  | Lịch làm việc   | Nhóm thực hiện                          | Nhiệm vụ cụ thể cho thành viên   |
|---|--|--|---|---|--|
| Số liệu nào cần thu thập để xác định các vấn đề hiện có của cộng đồng, hiểm họa, tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng và nhận thức của cộng đồng về các rủi ro | Công cụ được sử dụng để thu thập các thông tin cần thiết | Thông tin được thu thập từ ai hoặc từ đâu?<br>Lập danh sách tên, chức danh của những người hoặc nhóm mà đội sẽ gặp | Khi nào tổ chức thực hiện, các hoạt động/ công cụ nào cần dùng (khi bắt đầu, giữa hoặc cuối đợt công tác) | Đội nào, thành viên nào sẽ làm việc gì? | Ai trong mỗi đội sẽ làm việc gì? (chuẩn bị, ghi chép, xử lý số liệu ...) |

**Ghi chú:** Thời gian cần cho việc thu thập, phân tích và kiểm chứng thông tin với cộng đồng phụ thuộc vào thời gian thống nhất với cộng đồng tham gia vào quá trình đánh giá. Thông thường, quá trình này sẽ kéo dài từ 3 đến 5 ngày.

**f) Thu thập thông tin về hiểm họa, tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng và mức độ rủi ro của cộng đồng (Có sử dụng các công cụ đánh giá có sự tham gia)**

Nhóm đánh giá cần thực hiện các công việc như sau:

- Khi gặp gỡ cộng đồng, nhóm giới thiệu **mục đích** chung, yêu cầu và phương pháp của việc đánh giá cho **người đại diện** của cộng đồng (ví dụ trưởng thôn, trưởng xóm, hiệu trưởng trường học, người đứng đầu về mặt tôn giáo, lãnh đạo các tổ chức cộng đồng) và thảo luận với họ về:
  - Các thành viên của nhóm đánh giá
  - Đơn vị công tác của các thành viên tham gia nhóm đánh giá
  - Những kỹ năng/chuyên môn của các cán bộ, tình nguyện viên trong nhóm
  - Các mục tiêu của việc đánh giá
  - Các hoạt động thực hiện cho đợt đánh giá
  - Các nguyên tắc và trách nhiệm của đội đánh giá
  - Việc đánh giá được tiến hành như nào
  - Các kết quả của việc đánh giá
  - Việc đánh giá giúp ích như nào cho cộng đồng
  - Thời gian biểu đánh giá như nào
- Chia các thành viên cộng đồng thành các nhóm: **thu thập thông tin** bằng các công cụ đánh giá có sự tham gia theo các nhiệm vụ được giao (thảo luận về tình hình chung của cộng đồng, các thảm họa và các hoạt động ứng phó, các biện pháp phòng tránh, thảo luận các câu hỏi khác đã được thiết kế trong phần chuẩn bị).
- Tiến hành **tham vấn** và **quan sát** chi tiết tại các hộ gia đình (các câu hỏi dùng để tham vấn tại các hộ gia đình sẽ phải chuẩn bị từ trước đó)
- Đối chiếu, so sánh, phân tích thông tin, sử dụng khung tiến triển của tình trạng dễ bị tổn thương.

**g) Phân tích thông tin và kiến nghị các giải pháp**

- Phân tích thông tin, sử dụng bảng ma trận đánh giá rủi ro dưới đây, đặc biệt quan tâm tới nhận thức về rủi ro của cộng đồng.
- Sử dụng công cụ cây vấn đề để phân tích sâu các nguyên nhân của vấn đề bằng cách xác định các vấn đề liên quan và các vấn đề được đưa ra bởi cộng đồng.

- Xếp hạng các rủi ro theo thứ tự trong khi phân tích thông tin: cộng đồng cùng tham gia xác định các rủi ro hiện có và xếp hạng các rủi ro dựa trên cường độ và nhận thức của cộng đồng về rủi ro đó.
- Làm việc với cộng đồng để giúp họ nhận biết cách phòng tránh phù hợp trong trường hợp khẩn cấp và các biện pháp giảm thiểu rủi ro thảm họa ở cấp huyện, cấp xã và cấp thôn.
- Cùng cộng đồng xác định các hoạt động cần ưu tiên trước mắt và lâu dài.

Bảng Tổng hợp đánh giá hiểm họa, tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng

| Hiểm họa<br>(xảy ra đe dọa tới cộng đồng)  | Tình trạng dễ bị tổn thương<br>(Vật chất/phương tiện, tổ chức/xã hội, thái độ/động cơ) |                         |                          |                     | Khả năng<br>(Vật chất/phương tiện, tổ chức/xã hội, thái độ/động cơ)<br>Các chiến lược ứng phó/ các nguồn lực sẵn có) |                            |                                       |
|--|--|-------------------------|--------------------------|---------------------|--|----------------------------|---------------------------------------|
|  | Tình hình thiên tai, các thành phần chịu rủi ro  | Các điều kiện nguy hiểm | Các yếu tố luôn thay đổi | Nguyên nhân căn bản | Các khả năng của cá nhân, hộ gia đình (bao gồm nam giới và phụ nữ)   | Các khả năng của cộng đồng | Khả năng tiếp cận nguồn lực/ năng lực |
| Các báo hiệu, cảnh báo, thời gian cảnh báo trước, tàn suất, thời gian xảy ra hiểm họa... |  |                         |                          |                     |  |                            |                                       |
|  |  |                         |                          |                     |  |                            |                                       |
|  |  |                         |                          |                     |  |                            |                                       |
|  |  |                         |                          |                     |  |                            |                                       |
|  |  |                         |                          |                     |  |                            |                                       |

Đối với mỗi hiểm họa, rủi ro và tình trạng dễ bị tổn thương có liên quan đến hiểm họa đó phải được phân tích cùng với các thành viên cộng đồng để họ hiểu rõ được tình hình và chuẩn bị cho các bước tiếp theo trong việc xác định các biện pháp giảm thiểu rủi ro thảm họa.

Bảng: Xác định hiểm họa, rủi ro, tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng



| <b>Hiểm họa</b>                 | <b>Rủi ro</b><br>(thiệt hại có thể xảy ra)                         | <b>Tình trạng dễ bị tổn thương</b>   | <b>Khả năng đối phó của cộng đồng</b>  |
|---------------------------------|--|--|--|
| Hiểm họa 1<br>VD: <i>Lũ lụt</i> | Rủi ro thứ nhất<br><i>Chết đuối</i>                                | TTDBTT 1<br>TTDBTT 2<br><i>Do không biết bơi</i><br><i>Do phải sinh sống trên sông nước</i>  | Khả năng 1<br>Khả năng 2<br><i>Cộng đồng biết bơi</i><br><i>Trang bị áo phao trên tàu, thuyền</i>  |
|                                 | Rủi ro thứ 2<br><i>Đồ đạc trong gia đình bị hư hỏng, cuốn trôi</i> | TTDBTT 1<br>TTDBTT 2<br><i>Do thiếu nhận thức về mức độ quan trọng của việc cất giữ đồ đạc, vật dụng quan trọng trong nhà ở những nơi an toàn, hoặc phải bảo quản cẩn thận</i> | Khả năng 1<br>Khả năng 2<br><i>Nâng cao nhận thức của cộng đồng về việc kê, gác đồ đạc vào nơi an toàn, bảo quản cẩn thận các giấy tờ, đồ đạc quan trọng ...</i> |
|                                 | ...  | ...  |  |
| HH 2                            | RR1  | TTDBTT 1<br>TTDBTT 2   | Khả năng 1<br>Khả năng 2<br>...  |
|                                 | RR 2   | TTDBTT 1<br>TTDBTT 2   | Khả năng 1<br>Khả năng 2<br>...  |
|                                 | ...  | ...  |  |

Các câu hỏi để phân tích nhận thức rủi ro của cộng đồng

- Những hiểm họa nào có thể gây nên tổn thất nhiều về người hoặc làm hư hỏng nhà cửa và ảnh hưởng đến thu nhập?
- Người dân đánh giá và xếp hạng các rủi ro thảm họa;
- Theo người dân, rủi ro hiểm họa nào cần được giảm thiểu trước tiên?
- Những thành phần (yếu tố) bị rủi ro nào cần được bảo vệ?

## 2. Các công cụ đánh giá:

### a) Nguyên tắc đánh giá

#### - Chuẩn bị:

- GIGO: Số liệu đầu vào tốt = Kết quả đầu ra tốt (Good Input = Good Output);
- Chính xác, có kiểm chứng và đa chiều;
- Dự tính các khó khăn, trở ngại mà có thể cản trở công việc trong quá trình làm việc;
- Hiểu biết về bối cảnh văn hóa;
- Cần thận trọng với các quan điểm khác nhau và các nhu cầu của nam giới và nữ giới;
- Có sự thống nhất về thời gian, bàn bạc với mọi người trong cộng đồng xem thời gian thích hợp để gặp mặt;
- Hợp tác với người khác (chính quyền, các đoàn đánh giá khác, các tổ chức phi chính phủ, ...).

#### - Thu thập và phân tích thông tin

- Đảm bảo sự tham gia của cộng đồng;
- Sử dụng các công cụ theo thứ tự từ đơn giản đến phức tạp;
- Luôn hỏi các câu hỏi rõ ràng và cố tránh sử dụng nhiều câu hỏi Có/Không;
- Sử dụng các từ ngữ đơn giản, dễ hiểu tránh sử dụng các thuật ngữ kỹ thuật;
- Bảo đảm rằng các quan điểm và thông tin đưa ra hoàn toàn có thể hiểu được để tránh hiểu lầm giữa các nhóm và các bên trong cộng đồng;
- Kiểm chứng và đối chiếu để đảm bảo độ chính xác;
- Cần thận trọng tránh làm tăng sự kỳ vọng của cộng đồng;
- Thận trọng tránh thiên viên hay sai lệch;
- Ghi chép và chia sẻ các kết quả với người dân địa phương;
- Cung cấp các thông tin phản hồi thường xuyên.

### b) Các công cụ đánh giá có sự tham gia thường được sử dụng

| STT | Công cụ/phương pháp | Hiểm họa | Tình trạng dễ bị tổn thương | Khả năng |
|-----|---------------------|----------|-----------------------------|----------|
| 1   | Quan sát trực tiếp  | √        | √                           | √        |

|    |  |   |   |   |
|----|--|---|---|---|
| 2  | Tham khảo các dữ liệu sẵn có                       | √ | √ | √ |
| 3  | Thảo luận nhóm                                     | √ | √ | √ |
| 4  | Phỏng vấn bán cấu trúc                             | √ | √ | √ |
| 5  | Bản đồ hiểm họa                                    | √ | √ |   |
| 6  | Khảo sát theo lát cắt                              | √ | √ | √ |
| 8  | Thông tin lịch sử                                  | √ | √ | √ |
| 9  | Xếp hạng   | √ | √ |   |
| 10 | Lịch thiên tai/thảm họa và lịch mùa                | √ | √ | √ |
| 11 | Sơ đồ Venn (Phân tích mạng lưới tổ chức và xã hội) |   |   | √ |
| 12 | Đánh giá sức khỏe và dinh dưỡng                    |   | √ | √ |
| 13 | Phân tích cách kiếm sống                           |   | √ | √ |
| 14 | Cây vấn đề   |   | √ |   |
| 15 | Phân tích nguồn lực theo giới                      |   |   | √ |
| 16 | Phân tích kinh tế hộ                               |   | √ |   |

Lưu ý khi sử dụng tiến hành đánh giá thường RRTH, nên bắt đầu bằng các công cụ thu thập thông tin chung, tiếp đó là các công cụ thu thập thông tin cụ thể và cuối cùng là các công cụ dùng để phân tích thông tin.

**c) Các nguyên tắc khi hỗ trợ các công cụ đánh giá có sự tham gia:**

- Khuyến khích các thành viên trong cộng đồng tham gia đầy đủ
- Lắng nghe và học hỏi từ người dân. Có niềm tin vào khả năng của người dân trong phân tích, giảng dạy và lập kế hoạch;
- Mềm dẻo, linh hoạt khi áp dụng, thử nghiệm, kết hợp các phương pháp khác nhau, chú trọng cho phép những người dân dễ bị tổn thương bày tỏ quan điểm;
- Cởi mở khi có sai sót và thừa nhận rằng có mắc sai sót;
- Cố gắng làm tốt hơn nữa;
- Mềm dẻo, linh hoạt với các ưu tiên trong cộng đồng và tiến độ thực hiện của họ. Cần điều chỉnh ưu tiên của họ, không bắt họ theo tiến độ thực hiện của mình;
- Dành thời gian với mọi người.

**d) Phễu minh họa thứ tự sử dụng các công cụ**

## Thứ tự sử dụng các công cụ đánh giá có sự tham gia



*Chỉ nên yêu cầu những người được tập huấn về đánh giá RRTH, TTDBTH, Khả năng và mức độ rủi ro của cộng đồng hướng dẫn quá trình đánh giá để bảo đảm chất lượng thông tin và báo cáo kết quả đánh giá.*

Hội Chữ thập đỏ Việt Nam có một bộ tài liệu hướng dẫn đánh giá TTDBTH và Khả năng với một đội ngũ tập huấn viên đã được tập huấn. Nguồn lực này cần được huy động cho việc tập huấn các nhóm đánh giá RRTH của chương trình QLRTH-DVCD của Chính phủ.

### Tổng kết bài học:

Trong bài học này học viên sẽ ghi nhớ về:

- Mọi quan hệ giữa ba yếu tố trong công thức RRTH: hiểm họa, tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng,
- Đánh giá rủi ro thảm họa bao gồm: đánh giá hiểm họa, đánh giá TTDBTT và đánh giá khả năng.
- Người học cần xác định được nguyên nhân của TTDBTT đối với từng nhóm người dân trong cộng đồng, đặc biệt là nhóm phụ nữ, người già, trẻ em, người khuyết tật, cũng như khả năng của họ để làm tiền đề cho bài tiếp theo về xác định các biện pháp giảm nhẹ TTDBTT và tăng cường khả năng cho các nhóm này.

### Tài liệu tham khảo:

- Sổ tay dành cho Hướng dẫn viên đánh giá VCA Hội Chữ thập đỏ Việt Nam
- Biến đổi khí hậu, sự thích ứng và người nghèo, Oxfam Quốc tế, 2008

- “Làm việc với phụ nữ - hướng dẫn thực hành đánh giá giảm thiểu rủi ro và năng lực ở cấp địa phương”. Phòng nghiên cứu về xã hội và khoa học hành vi. Trung tâm Thảm họa quốc tế, Trường đại học quốc tế Florida, Miami, Florida, 33199, [www.flo.edu/~lsbr/women](http://www.flo.edu/~lsbr/women)
- Quản lý rủi ro thảm họa tại cộng đồng của Hội CTĐVN
- QLRRTH-DVCD – Sổ tay cho cán bộ thực hiện – Hội Chữ thập đỏ Sri Lanka, 2008
- Sổ tay đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng, Oxfam Anh

### Phụ Lục

Các câu hỏi hướng dẫn sau có thể giúp cộng đồng hoàn thành biểu đánh giá tình trạng DBTT và Khả năng.

|                               | <b>Tình trạng DBTT</b>   | <b>Khả năng</b>   |
|-------------------------------|--|---|
| <b>Vật chất/hạ tầng cơ sở</b> | <p>Cộng đồng dễ bị tổn thương với loại hiểm họa nào (sạt lở đất, khí hậu, môi trường, dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, lũ lụt, triều cường, bão, lốc xoáy...)</p> <p>Các công trình cơ sở hạ tầng có được gia cố/nâng cấp để ứng phó không?</p> <p>Quy chuẩn xây dựng có phù hợp không? Các quy chuẩn này có được thực thi không?</p>   | <p>Cơ sở vật chất, hạ tầng hiện có trong cộng đồng?</p> <p>Có lớp tập huấn cho các cán bộ làm công tác xây dựng các công trình phòng chống thảm họa không?</p>  |
| <b>Văn hóa, xã hội</b>        | <p>Có biện pháp nào được áp dụng để nâng cao năng lực và nhận thức cộng đồng nhằm giảm tác động của thảm họa không?</p> <p>Có những phong tục, tập quán và thói quen nào trong cộng đồng khiến cho một/vài nhóm đối tượng có thể sẽ dễ bị tổn thương hơn các nhóm khác? Hoặc gây nên sự phân biệt đối xử nam nữ?</p> <p>Các hoạt động xã hội được cải thiện như thế nào?</p> <p>Các xung đột/sự phân chia trong cộng đồng (ví dụ: về lợi ích, dân tộc, tôn giáo,) được giải quyết như thế nào?</p> | <p>Cộng đồng tham gia vào quá trình lập kế hoạch và chuẩn bị ứng phó với thảm họa như thế nào?</p> <p>Cộng đồng có được tập huấn nâng cao năng lực và kiến thức liên quan đến thiên tai không?</p> <p>Các hoạt động cộng đồng được tổ chức như thế nào?</p> |

|                               |  |   |
|-------------------------------|--|---|
| <p><b>Tổ chức/thể chế</b></p> | <p>Vai trò của chính quyền, các đoàn thể, các tổ chức xã hội khác trong công tác quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu?</p> <p>Quá trình ra quyết định được cải thiện như thế nào?</p> <p>Kỹ năng lãnh đạo có được cải thiện không?</p> | <p>Hiện cộng đồng đã có những cơ chế và chính sách gì để đảm bảo hoạt động giảm thiểu rủi ro lâu dài?</p> <p>Hiện cộng đồng đã có các chương trình/dự án tuyên truyền và đào tạo về công tác phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro thiên tai?</p> <p>Vai trò của cộng đồng trong quá trình lập kế hoạch như thế nào?</p> <p>Mô tả hệ thống lãnh đạo hiện nay giữa cấp trung ương và địa phương</p> <p>Cán bộ làm công tác quản lý thảm họa có được tập huấn thường xuyên không?</p> |
| <p><b>Kinh tế</b></p>         | <p>Các hoạt động kinh tế có thể được cải thiện như thế nào?</p> <p>Các cách kiếm sống dễ bị tổn thương trong cộng đồng là gì?</p>  | <p>Các hoạt động kinh tế được tổ chức như thế nào?</p> <p>Các giải pháp nào đang được thực hiện để đa dạng hóa các hoạt động kinh tế nhằm giảm thiểu tính dễ bị tổn thương?</p> <p>Các giải pháp nào đang được thực hiện để đảm bảo lưu thông hàng hóa dễ dàng?</p> <p>Biện pháp nào đang được thực hiện nhằm đảm bảo thị trường lao động được ổn định.</p>   |
| <p><b>Thái độ/động cơ</b></p> | <p>Nhận thức của cộng đồng và khả năng ứng phó của họ với môi trường chính trị, xã hội như thế nào?</p> <p>Cộng đồng có cho rằng họ đủ khả năng để quyết định cuộc sống của họ không?</p> <p>Người dân có cảm giác là nạn nhân không?</p>                | <p>Cộng đồng có chia sẻ mục đích, cảm giác được trao quyền, nhận thức mà họ là tác nhân thay đổi làm cho cộng đồng họ tốt hơn không?</p> <p>Cộng đồng có sẵn sàng muốn học hỏi cái mới và thay đổi hay không?</p>   |

## Lưu ý của cán bộ sử dụng công cụ

- Khi tiến hành đánh giá tại cộng đồng, cần chia người dân theo nhóm, tùy theo chủ đề và sử dụng loại công cụ/phương pháp nào để hướng dẫn nhóm thảo luận và khai thác thông tin. Mỗi nhóm ít nhất là 1 người hướng dẫn và 1 người ghi chép .

## NGƯỜI HƯỚNG DẪN CHÍNH

**Vai trò:** Hướng dẫn sử dụng các công cụ đánh giá và thảo luận theo nội dung mục đích công cụ

- Hoạt động:**
- giới thiệu các công cụ đánh giá cho nhóm đối tượng tham gia đánh giá
  - hướng dẫn và đưa ra các câu hỏi thảo luận
  - tìm cách cân bằng giữa “người nói nhiều” và “người nói ít”, đảm bảo tất cả mọi thành viên đều có cơ hội nói lên ý kiến của mình, nhất là trẻ em, phụ nữ và các nhóm yếu thế khác.
  - đảm bảo nhóm tập trung thảo luận đúng chủ đề nhưng cũng linh hoạt để các thông tin quan trọng được bổ sung.
  - Chốt lại những gì mọi người phát biểu để thống nhất nội dung thảo luận.
  - Kiểm soát về thời gian

- Thái độ:**
- linh hoạt, kiên nhẫn, và có óc hài hước
  - tránh sử dụng thuật ngữ phức tạp
  - nói tiếng địa phương (nếu có thể)
  - khuyến khích và động viên mọi người
  - Giành nhiều thời gian thảo luận cho cộng đồng.
  - Biết lắng nghe, tránh áp đặt và khuyến khích sự tham gia tích cực của các thành viên không mạnh dạn.

## NGƯỜI GHI CHÉP

**Vai trò:** Ghi chép đầy đủ các thông tin quan trọng trong khi sử dụng các công cụ đánh giá

- 
- Hoạt động:**
- đem theo giấy A4 hoặc sổ để ghi chép lại những gì vẽ trên nền hoặc trên giấy A0
  - đem theo tất cả vật liệu cần thiết
  - quan sát sự việc từ “hậu trường”
  - ghi chép lại tất cả những thông tin quan trọng
  - phụ giúp người hướng dẫn chính bằng cách ra hiệu
  - hỗ trợ người hướng dẫn chính bằng cách trực tiếp đưa ra câu hỏi nếu cần thiết
  - giúp mọi người ghi chép lại những vấn đề đã được trực quan hóa (sơ đồ, biểu đồ... ) vào giấy A4 ngay sau thảo luận
  - quan sát và thúc đẩy ghi chép nhưng phải đảm bảo việc ghi chép phải đúng như bản gốc, có trình tự, ngày tháng và địa điểm
  - cùng ngồi lại bàn với người hướng dẫn chính về phần ghi chép vào cuối mỗi công cụ đánh giá
- 

- Thái độ:**
- là người quan sát tốt
  - mặc dù vai trò của người ghi chép là thụ động trong suốt đợt đánh giá, song người ghi chép lại giữ trách nhiệm chính trong việc chuyển phần chi chép thành kết quả hữu dụng và trực quan lại cho cả nhóm
  - quen thuộc với ngôn ngữ sử dụng
  - có khả năng trực quan và trình bày vắn tắt, cô đọng kết quả cho nhóm đánh giá
- 

#### **Bài 4: CÁC HOẠT ĐỘNG GIẢM NHẸ RỦI RO THẢM HỌA VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

**Mục đích:** Bài học này nhằm giúp người học

- Giới thiệu khái niệm giảm nhẹ rủi ro thảm họa đối với từng hiểm họa cụ thể.
- củng cố kiến thức về các biện pháp giảm nhẹ rủi ro thảm họa khác nhau
- Hướng dẫn xác định các hoạt động giảm nhẹ và phòng ngừa thảm họa có thể thực hiện ở địa phương mình

**Nội dung chính của bài này gồm các phần sau đây:**

- I. Giới thiệu khái niệm về giảm nhẹ rủi ro thảm họa (GNRRTH)
- II. Các biện pháp giảm nhẹ rủi ro
- III. Xác định các hoạt động GNRR và thích ứng với BĐKH phù hợp
- IV. Truyền thông nâng cao nhận thức cho cộng đồng về các biện pháp GNRRTT



## **I. Khái niệm về giảm nhẹ rủi ro (GNRR):**

**Giảm nhẹ rủi ro thảm họa:** Quan điểm và biện pháp giảm thiểu các rủi ro thảm họa thông qua những nỗ lực mang tính hệ thống để phân tích và quản lý các nguyên nhân của thảm họa bao gồm việc giảm mức độ nguy hiểm trước hiểm họa, giảm tình trạng dễ bị tổn thương của con người và tài sản, quản lý hiệu quả đất và môi trường, và cải thiện khả năng phòng ngừa các sự kiện bất lợi (UNISDR 2009)

Mục đích của GNRR thảm họa là: *Giảm nhẹ tác động của hiểm họa, giảm bớt tình trạng dễ bị tổn thương và tăng khả năng phòng ngừa, ứng phó, phục hồi và thích nghi của cộng đồng.*

## **II. Các biện pháp GNRR thảm họa**

Các biện pháp GNRR thảm họa được thực hiện nhằm giảm bớt những mất mát có thể xảy ra (ví dụ: thiệt mạng, thương tích, thiệt hại về vật chất, các hoạt động kinh tế bị phá vỡ) do các hiểm họa cụ thể gây ra trong bối cảnh BĐKH.

### **1. Ba nhóm biện pháp GNRRTH**

Có nhiều cách phân loại các biện pháp GNRRTH. Tài liệu này phân loại các biện pháp GNRR theo 3 nhóm, bao gồm các biện pháp:

#### **a) Giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương**

- Tạo các điều kiện an toàn hơn (hoặc có khả năng chống chịu và thích nghi cao hơn)
  - Các vị trí, công trình hạ tầng, nhà cửa an toàn hơn
  - Các quy định luật pháp và kỹ năng xây dựng an toàn hơn
- Giảm nhẹ “các áp lực”
  - Giáo dục và đào tạo tốt hơn
  - Phát triển thị trường và đầu tư tại địa phương
  - Phát triển các tổ chức địa phương
  - Quản lý tình hình tăng dân số và đô thị hóa
- Giải quyết các nguyên nhân gốc rễ của tình trạng dễ bị tổn thương
  - Tiếp cận các nguồn lực, đặc biệt là đối với những người dễ bị tổn thương
  - Các chế độ chính trị và kinh tế ổn định
  - Cơ cấu quyền lực trao quyền

#### **b) Nâng cao khả năng**

- Tăng cường các chiến lược đối phó
  - Phòng ngừa tốt hơn để ứng phó với thảm họa, bao gồm công tác cảnh báo sớm, phối hợp giữa khoa học và kiến thức dân gian
  - Xây dựng năng lực cho người dân, chính quyền và các tổ chức địa phương thông qua công tác tập huấn và giáo dục

- Dự trữ các mặt hàng cứu trợ, chuẩn bị và duy trì các dụng cụ, thiết bị và các nguồn lực tài chính dành cho ứng phó khẩn cấp
- Nâng cao công tác phòng ngừa thảm họa theo mùa
  - Lập kế hoạch tốt hơn cho các hoạt động của địa phương theo các thời điểm thường xảy ra hiểm họa hàng năm
  - Lập kế hoạch dự phòng với sự tham gia của các bên có liên quan và cộng đồng
- Đẩy mạnh các hoạt động sinh kế
  - Các nguồn thu nhập ổn định và các hoạt động sinh kế đa dạng hơn
  - Hỗ trợ các hoạt động sinh kế thích nghi với các tác động của BĐKH

### c) Giảm nhẹ hiểm họa

- Các biện pháp giảm nhẹ mang tính công trình
  - Các can thiệp cứng
  - Vị trí an toàn hơn cho các công trình mới, đặc biệt là các trường học và bệnh viện
- Các biện pháp giảm nhẹ phi công trình
  - Các can thiệp “mềm” như trồng cây hoặc trồng rừng
  - Các luật hành vi bảo vệ trước thảm họa
  - Tập huấn cho các nhà xây dựng/thợ xây địa phương về mẫu thiết kế và kỹ thuật xây dựng an toàn hơn

## 2. Các biện pháp công trình và phi công trình

Mỗi biện pháp xác định ở trên đều có thể được quy thành biện pháp công trình hoặc phi công trình.

**Biện pháp công trình:** Bất kỳ một công trình xây dựng nào để giảm thiểu hoặc tránh các tác động do hiểm họa có thể gây ra, hoặc việc ứng dụng các phương pháp kỹ thuật nhằm thu được khả năng chống chịu và độ đàn hồi của các công trình hoặc các hệ thống đó.

**Biện pháp phi công trình:** Bất kỳ biện pháp nào không liên quan đến xây dựng mà chỉ sử dụng kiến thức, cách thực hành hoặc thỏa thuận nhằm giảm thiểu rủi ro và tác động, cụ thể bằng các chính sách, luật pháp, nâng cao nhận thức cộng đồng, tập huấn và giáo dục.

Đối với phương pháp QLRRTH DVCD, các biện pháp phi công trình cần được chú trọng vì chúng đòi hỏi đầu tư ít, phù hợp với khả năng của cộng đồng nhưng lại đem lại hiệu quả rất lớn

***Danh mục gợi ý một số biện pháp QLRRTH-DVCD theo giải pháp công trình và phi công trình***

| Công trình   | Phi công trình  |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trồng rừng, phục hồi rừng:</li> <li>- Xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng: Công trình nước sạch, vệ sinh môi trường; Nâng cao đường, cầu liên thôn/ấp; Xây dựng điểm giữ trẻ, mẫu giáo; Các trung tâm y tế;</li> <li>- Công trình lánh nạn: Trụ sở thôn kết hợp điểm sơ tán; gia cố nhà tạm, làm mới nhà chống bão; Các khu neo đậu tàu thuyền;</li> <li>- Nâng cấp, gia cố hệ thống thủy lợi góp phần phục vụ công tác phòng tránh thiên tai: Công trình chống lũ/hạn hán: Công trình nhỏ gia cố bờ sông, thoát nước, thủy lợi nhỏ;...</li> <li>- Hệ thống thông tin: Cải thiện, trang bị hệ thống thông tin (đài phát thanh xã, radio, loa),...</li> <li>- Các biện pháp quy hoạch:</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự trữ cho địa phương: Thực phẩm và nước sạch; thuốc men; quỹ dự phòng,...</li> <li>- Y tế - vệ sinh môi trường: Các khóa tập huấn về sức khỏe thường mắc phải trong thảm họa; lọc nước, viên thuốc xử lý nước uống, cách xử lý chất thải,...</li> <li>- Sinh kế: Tư vấn và tập huấn kiến thức và kỹ năng nhằm đa dạng hóa vụ mùa, khuyến nông; đa dạng sinh kế; hỗ trợ tín dụng,...</li> <li>- Hệ thống thông tin và lập kế hoạch thảm họa: Lập bản đồ vùng ngập lũ và hiểm họa; hệ thống cảnh báo sớm cho cộng đồng;...</li> <li>- Chuẩn bị các trang thiết bị: Điện thoại (gồm cả điện thoại di động); ghe, phao cứu sinh, máy radio;...</li> <li>- Nâng cao năng lực cho cộng đồng: Xây dựng kế hoạch sơ tán, di dời; tập huấn cho cán bộ xã thôn, đội cứu hộ; xây dựng các kế hoạch và chương trình truyền thông; các chương trình giáo dục lồng ghép và ngoại khóa cho học sinh; tập huấn, nâng cao nhận thức cộng đồng, trong nhà trường;...</li> </ul> |

Các biện pháp GNRRT thảm họa sẽ được lập kế hoạch để thực hiện ở các giai đoạn trước, trong và sau thảm họa.

***Danh mục gợi ý một số biện pháp QLRRTH-DVCD trước – trong và sau thảm họa***

| Trước thảm họa   | Trong thảm họa   | Sau thảm họa   |
|--|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kỹ thuật công trình:</i> Xây dựng công trình phòng tránh, gia cố và sửa chữa nhà cửa và các nơi xung yếu; ...</li> <li>- <i>Hệ thống thông tin:</i> Phát triển hệ thống cảnh báo sớm, thông tin liên lạc, cứu hộ và kế hoạch di dời; ...</li> <li>- <i>Cơ chế chính sách và chiến lược:</i> Xây dựng chính sách liên quan, Xây dựng</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Ứng phó khẩn cấp:</i> Phát động kế hoạch cứu trợ khẩn cấp; Tìm kiếm và cứu hộ;</li> <li>- <i>Sơ tán:</i> Tiến hành sơ tán cộng đồng đến nơi an toàn;...</li> <li>- <i>Chăm sóc sức khỏe:</i> Y tế; Hỗ trợ lương thực, thực phẩm cứu trợ;...</li> <li>- <i>Vệ sinh môi trường:</i></li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Hỗ trợ phục hồi sau thảm họa để đảm bảo các dịch vụ cơ bản cho cộng đồng:</i> Nơi ở tạm, y tế, nước sạch- vệ sinh môi trường, giao thông, sản xuất, ...</li> <li>- <i>Phục hồi cơ sở hạ tầng:</i> Sửa chữa, gia cố đê đập, cầu đường, ...</li> <li>- <i>Truyền thông:</i> Nâng cao nhận thức, đề phòng dịch</li> </ul> |

|  |   |                                       |
|--|---|---------------------------------------|
| <p>phương án phòng chống giảm nhẹ thảm họa hàng năm...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Các hoạt động hỗ trợ phát triển sinh kế bền vững:</i> Xây dựng lịch gieo trồng và thu hoạch tránh ảnh hưởng thảm họa; thay đổi cơ cấu mùa vụ và giống vật nuôi, cây trồng phù hợp, ...</li> <li>- <i>Tập huấn, nâng cao nhận thức cộng đồng:</i> Thành lập các nhóm cứu hộ và tổ chức diễn tập; trang bị kiến thức về thiên tai và tăng cường năng lực ứng phó thảm họa cho cộng đồng, ...</li> <li>- <i>Các hoạt động phòng ngừa thảm họa khác:</i> dự trữ lương thực, thực phẩm, nước sạch và thuốc men, dự trữ cây giống, ...</li> </ul> | <p>Đảm bảo nước sạch và vệ sinh;...</p> | <p>bệnh và vệ sinh môi trường;...</p> |
|--|---|---------------------------------------|

### III. Xác định các biện pháp GNRR

Thông qua các bước đánh giá rủi ro thảm họa đã được giới thiệu trong Bài 3, những hiểm họa có thể tác động đến cộng đồng, tính dễ bị tổn thương và khả năng của cộng đồng đó sẽ được nhận diện. Dựa trên kết quả đánh giá rủi ro thảm họa có sự tham gia của cộng đồng, các biện pháp GNRR thảm họa sẽ được xác định thông qua các bước sau:

- Thảo luận các kinh nghiệm giải quyết rủi ro mà trước nay cộng đồng vẫn thường áp dụng;
- Xếp hạng các rủi ro cần ưu tiên giải quyết dựa trên mức độ tác động có thể xảy ra, khả năng và mối quan tâm của cộng đồng
- Lập danh sách các biện pháp GNRR có thể thực hiện được cho từng rủi ro ưu tiên;
- Phân tích các tiêu chí người dân sử dụng để lựa chọn các biện pháp GNRR: Căn cứ vào đối tượng được ưu tiên và số lượng người được hưởng lợi...
- Xếp hạng các biện pháp GNRR theo thứ tự ưu tiên;
- Thảo luận các biện pháp GNRR có cân nhắc đến các vấn đề về giới, môi trường, các nhóm dễ bị tổn thương trong cộng đồng...;
- Thống nhất trong cộng đồng về các biện pháp GNRR được ưu tiên;

#### **IV. Truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về GNRRTH:**

Truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng về GNRRTH là một trong hai hợp phần của đề án 1002. Công tác truyền thông thuộc giải pháp phi công trình, đóng vai trò quan trọng trong việc QLRRTT-DVCD.

*Truyền thông là một quá trình sử dụng các kênh truyền thông nhằm thúc đẩy và hỗ trợ cho cá nhân, cộng đồng thay đổi hành vi và duy trì hành vi mới.* Nâng cao kiến thức, kỹ năng là điều kiện cần thiết cho quá trình thay đổi hành vi.

#### **Ghi nhớ:**

- Truyền thông thay đổi hành vi phải là một quá trình tiếp diễn và liên tục, nó bao gồm các hoạt động có tính liên kết và tương hỗ lẫn nhau.
- Truyền thông thay đổi hành vi nên là một tập hợp các hoạt động truyền thông khác nhau, nhưng không được tách rời riêng biệt.

#### **1. Các kênh truyền thông thường sử dụng**

##### **Truyền thông trực tiếp**

- Giáo dục đồng đẳng
- Tư vấn
- Thảo luận nhóm, diễn đàn
- Tập huấn
- Làm mẫu thực hành

##### **Truyền thông gián tiếp thông qua**

- Biểu diễn văn nghệ, đóng kịch, múa, ...
- Kể chuyện
- Tranh vẽ, tượng
- Phim, ảnh
- Tài liệu, tờ rơi, panô, áp phích
- Phương tiện thông tin đại chúng

##### **Lưu ý về nội dung của sản phẩm truyền thông**

- Nội dung phù hợp với đối tượng chính.
- Thông điệp rõ ràng, dễ hiểu và dễ nhớ
- Thông điệp được truyền tải thông qua hình ảnh minh họa
- Thông tin bằng ngôn ngữ, chữ viết phải chính xác và đáng tin cậy

#### **2. Các bước thiết kế một chương trình truyền thông**

##### **Xác định các yếu tố nguy cơ**

- Các hành vi nguy cơ đang được cộng đồng quan tâm;

- Sự việc thực tế, sự kiện nổi bật xảy ra tại cộng đồng có liên quan đến các hành vi nguy cơ;
- Mối liên quan của các vấn đề tại cộng đồng;
- Xác định các hành vi nguy cơ cần ưu tiên thay đổi;

### **Xác định nhóm đối tượng**

Xác định đối tượng tham gia truyền thông dựa vào các yếu tố nguy cơ tại cộng đồng (ví dụ chặt phá rừng, làm nhà ở nơi có nguy cơ thảm họa cao, không chịu tham gia sơ tán...)

- Tìm kiếm các thông tin về nhóm đối tượng nhằm xác định đúng nhu cầu, từ đó xác định được các hành vi nguy cơ mà họ đang có và những hành vi mong muốn nhằm làm giảm hoặc xóa bỏ nguy cơ.
- Xác định và tìm hiểu nhóm đối tượng để trả lời cho các câu hỏi: Họ là ai? Họ có cuộc sống như thế nào? Họ đang có những hành vi nào? Họ đang có những mong muốn gì? Họ thích điều gì? Họ không thích điều gì? Họ sử dụng thời gian của họ như thế nào?

### **Xây dựng mục tiêu của truyền thông thay đổi thành vi**

- Mục tiêu của truyền thông thay đổi hành vi được xác định căn cứ vào hành vi hiện tại và hành vi mong muốn
- Để xây dựng mục tiêu của truyền thông thay đổi hành vi cần hiểu biết đầy đủ về mục tiêu của chương trình, việc thay đổi hành vi của nhóm đối tượng và định hướng truyền thông

### **Lập kế hoạch truyền thông**

- Xây dựng mục tiêu truyền thông
- Xây dựng các chỉ số đánh giá hiệu quả
- Xác định nguồn lực
- Lập kế hoạch chi tiết: xác định nguồn nhân lực, vật lực, kinh phí, thời gian thực hiện
- Phương pháp đánh giá hoạt động truyền thông

### **Xây dựng các thông điệp**

#### **Thông điệp truyền thông hiệu quả**

- Gây chú ý và đáng tin cậy
- Phù hợp và dễ nhớ
- Có động cơ thúc đẩy
- Bao gồm cả lời kêu gọi hành động
- Truyền truyền về lợi ích

- Tác động đến tình cảm và suy nghĩ
- Gắn kết với các dịch vụ và sản phẩm
- Cung cấp nhiều sự lựa chọn
- Có tính tích cực

### **Lựa chọn các phương pháp truyền thông**

- Căn cứ vào thông điệp truyền thông để đưa ra phương pháp truyền thông phù hợp và hiệu quả
- Một phương pháp truyền thông có thể phù hợp với nhiều thông điệp khác nhau
- Một thông điệp có thể sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để chuyển tải
- Sự tham gia của nhóm đích sẽ giúp lựa chọn được phương pháp truyền thông phù hợp hơn với nhóm đích

### **Thử nghiệm sản phẩm truyền thông**

#### *Cần đánh giá và rút kinh nghiệm về*

- Tính toàn diện
- Tính hấp dẫn
- Tính thuyết phục
- Tính tích cực, thúc đẩy hành động
- Chấp nhận được
- Đúng đối tượng đích

### **3. Thực hiện hoạt động truyền thông**

#### *Khi thực hiện truyền thông cần lưu ý*

- Linh hoạt
- Hỗ trợ lẫn nhau
- Luôn theo dõi sự liên kết của các nội dung truyền thông
- Kiểm soát thời gian

#### **Đánh giá hiệu quả của hoạt động truyền thông**

- Xây dựng các chỉ số đánh giá (định lượng, định tính)
- Lựa chọn phương pháp đánh giá (Bảng hỏi KAP, phiếu tự điền, phỏng vấn sâu cá nhân, thảo luận tập trung,...)
- Xây dựng công cụ đánh giá (dựa vào các chỉ số cần thu thập)
- Tổng hợp đánh giá, nhận xét, rút bài học kinh nghiệm)

#### **Tổng kết bài học:**

- Trong công tác giảm nhẹ RRTH-DVCD, các biện pháp phi công trình thường được áp dụng nhiều hơn do ít tốn kém hơn nhưng có thể đem lại hiệu quả cao
- Khi xác định các biện pháp giảm nhẹ RRTH trong bối cảnh BĐKH, ngoài việc huy động tối đa các kiến thức và kinh nghiệm bản địa, các hướng dẫn viên cũng cần giới thiệu các kiến thức khoa học và phương tiện hiện đại để cộng đồng áp dụng phù hợp với điều kiện của địa phương

Tài liệu tham khảo

## **Bài 5: LẬP KẾ HOẠCH GIẢM NHẸ RỦI RO THÂM HỌA VÀ THÍCH ỨNG VỚI BĐKH**

**Mục đích:** bài này nhằm giới thiệu:

- Khái niệm và mục đích của lập kế hoạch GNRRTH và TUBĐKH có sự tham gia của cộng đồng
- Tầm quan trọng của việc lập kế hoạch có sự tham gia
- Quy trình lập kế hoạch
- Nội dung chính của kế hoạch

**Nội dung chính của bài này gồm các phần sau đây:**

### **1. Lập kế hoạch giảm nhẹ RRTH và thích ứng với BĐKH**

- Khái niệm
- Mục đích, tầm quan trọng
- Nội dung chính của kế hoạch QLRRTH-DVCD
- Quy trình lập kế hoạch
- Các bảng biểu sử dụng để lập kế hoạch có sự tham gia

### **2. Lồng ghép kế hoạch giảm thiểu rủi ro và thích ứng trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội địa phương**

- Môi liên hệ giữa thiên tai và phát triển
- Quy trình xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội
- Phương pháp lồng ghép kế hoạch giảm thiểu RRTH vào kế hoạch phát triển

#### **I. Giải thích khái niệm lập kế hoạch GNRRTH và TUBĐKH có sự tham gia**

*Lập kế hoạch GNRRTH và thích ứng với BĐKH dựa vào cộng đồng* là quá trình lập kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng trong việc xác định các giải pháp cụ thể và nguồn lực có thể huy động đồng thời phân công trách nhiệm rõ ràng để giảm nhẹ rủi ro thảm họa và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Việc lập kế hoạch ở đây thực chất là đưa các hoạt động giảm nhẹ RRTH và thích ứng với BĐKH được xác định ưu tiên với sự tham gia của các thành phần trong cộng đồng (đặc biệt là các nhóm dễ bị tổn thương) vào các kế hoạch tương



ứng của địa phương, ví dụ như: kế hoạch phòng tránh lụt bão hàng năm, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm và 5 năm.

### **1. Mục đích của công tác lập kế hoạch**

- Xác định các mục tiêu tổng thể và các hoạt động cần thiết để thực hiện các biện pháp giảm nhẹ rủi ro thảm họa và thích ứng với BĐKH ngắn hạn, trung hạn và dài hạn dựa trên kết quả của đánh giá rủi ro có sự tham gia của các thành viên nam, nữ từ các nhóm đối tượng trong cộng đồng.
- Xác định phương pháp, thời gian, nguồn lực cần huy động trong và ngoài cộng đồng để thực hiện kế hoạch. Lồng ghép GNRRTT và TUBĐKH vào quá trình lập kế hoạch phát triển KT-XH sẽ giúp đảm bảo:
  - Thực hiện các mục tiêu phát triển theo hướng bền vững;
  - Giảm thiểu tình trạng dễ bị tổn thương do thiên tai và tác động của BĐKH
  - Sử dụng hiệu quả các nguồn đầu tư nhân, vật lực
  - Tăng cường sự phối hợp giữa liên ngành, đa ngành

### **2. Tầm quan trọng của việc lập kế hoạch có sự tham gia**

- Vai trò của các thành viên nam, nữ trong cộng đồng trong công tác giảm nhẹ rủi ro thảm họa được nâng cao
- Đảm bảo tích hiệu quả, khả thi của kế hoạch vì gắn với nhu cầu thực tế của cộng đồng
- Có thể huy động các nguồn lực trong cộng đồng
- Tăng lợi ích cho cộng đồng, giảm các chi phí, tăng hiệu quả kinh tế và hiệu quả chính trị cho công tác quản lý nhà nước.

### **3. Sự cần thiết của việc lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thảm họa và thích ứng với biến đổi khí hậu vào kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội**

Trong các năm gần đây, tác động của BĐKH trên phạm vi toàn cầu làm cho thiên tai ở Việt Nam ngày càng gia tăng về số lượng, cường độ và mức độ ảnh hưởng, gây tác động tiêu cực quá trình phát triển kinh tế- xã hội, ảnh hưởng đến thành quả của các mục tiêu thiên niên kỷ và các chỉ số phát triển của đất nước. Do đó, GNRRTT và TUBĐKH phải gắn liền với các mục tiêu phát triển. Sự gắn kết chặt chẽ giữa GNRRTT và TUBĐKH với các nội dung phát triển sẽ hỗ trợ sinh kế cho cộng đồng dễ bị tổn thương bởi thiên tai và BĐKH, giúp quản lý tài nguyên và môi trường bền vững.

### **4. Quy trình lập kế hoạch:**

#### **a. Lập kế hoạch của thôn**

- *Những người chịu trách nhiệm lập kế hoạch của thôn:* Ban quản lý thôn (trưởng, phó thôn) và đại diện các tổ chức cộng đồng (chi hội Phụ nữ, nông dân, thanh niên, HCTD, đại diện của các đội sản xuất hoặc tổ dân cư, tùy theo tình hình thực tế của địa phương....)

▪ *Nhiệm vụ:*

- Rà soát lại kết quả đánh giá rủi ro dựa vào cộng đồng và các biện pháp đã đề xuất để xác định các biện pháp ưu tiên theo các tiêu chí (phù hợp với: mức độ rủi ro và nhu cầu cấp thiết của cộng đồng, thúc đẩy bình đẳng giới, nguồn lực tài chính, con người, kỹ thuật....).
- Xác định các hoạt động sẽ được đưa vào Kế hoạch phòng chống lụt bão hàng năm của địa phương
- Xác định các hoạt động sẽ được đưa vào Kế hoạch PTKTXH của địa phương
- Xác định các nguồn lực cho từng hoạt động: thôn có thể tự tổ chức thực hiện những hoạt động nào bằng nguồn lực tại chỗ, các yêu cầu hỗ trợ từ xã
- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên nam, nữ, các hộ gia đình, các tổ nhóm dân cư tham gia thực hiện kế hoạch
- Xác định các chỉ báo để theo dõi và đánh giá mức độ thành công của việc thực hiện kế hoạch
- Thông báo Kế hoạch của thôn đến với các hộ gia đình thông qua việc tổ chức họp dân để xác định lại tính phù hợp của KH thôn.
- Hoàn thiện Lập kế hoạch của thôn đưa lên cho xã

**b. Kế hoạch của xã:**

- *Những người chịu trách nhiệm lập kế hoạch của xã:* Ban PCLB xã, cán bộ chịu trách nhiệm lập KH phát triển KTXH của xã, Hội nông dân,

▪ *Nhiệm vụ:*

- Cung cấp thông tin về khí tượng thủy văn, định hướng về giảm rủi ro thiên tai và phát triển kinh tế xã hội của xã
- Tổng hợp kế hoạch của các thôn để xem xét trên tổng thể phát triển của xã gắn với giảm rủi ro thảm họa và nhu cầu cần của các thôn để lập kế hoạch của xã. Cân đối các hoạt động ưu tiên với chỉ tiêu phát triển KTXH của xã và nguồn lực.
- Lựa chọn các giải pháp ưu tiên phải theo các tiêu chí phù hợp với: quy hoạch phát triển của xã, nguồn lực tài chính (chỉ tiêu của xã có được do huyện, khả năng tài chính của xã có và nguồn tài chính huy động tại địa phương...), con người, kỹ thuật....
- Tham vấn ý kiến của các bên có liên quan
- Xác định các nguồn lực cho từng hoạt động: xã có thể tự tổ chức thực hiện những hoạt động nào bằng nguồn lực tại chỗ, các yêu cầu hỗ trợ từ huyện và cấp trên
- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên nam, nữ, các hộ gia đình, các tổ nhóm dân cư, cán bộ chuyên môn có trách nhiệm tham gia thực hiện kế hoạch

- Xác định các chỉ báo để theo dõi và đánh giá mức độ thành công của việc thực hiện kế hoạch
- Xã thông báo cho các thôn về kế hoạch sau khi đã được chỉnh sửa. Ví dụ: Thôn A đề xuất nâng cấp đoạn đường liên thôn 350m ở vùng thấp trũng để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân di chuyển trong trường hợp khẩn cấp, tuy nhiên Xã đã có quy hoạch sẽ làm một con đường khác và tận dụng địa hình thấp trũng của thôn để xây dựng hồ chứa tại khu vực đó đảm bảo nước tưới và giảm nguy cơ ngập lụt cho toàn xã. Việc quy hoạch này vừa đáp ứng được nhu cầu di chuyển trong mùa lũ của thôn A và đảm bảo cho việc sản xuất của địa phương.

**Mối liên hệ giữa lập kế hoạch GNRRTH/TU'ĐDKH với lập kế hoạch phát triển KT-XH**

|   | <b>Qui trình lập kế hoạch phát triển KT-XH cấp xã</b> | <b>Qui trình lập kế hoạch GNRRTH và TU'ĐDKH cấp thôn và xã</b>                        |
|---|---|---|
| 1 | Lập nhóm công tác                                     | Lập nhóm  |
| 2 | Thu thập thông tin từ huyện                           | Đánh giá rủi ro có sự tham gia  |
| 3 | Lấy ý kiến cấp thôn                                   | Xác định các giải pháp GNRRTH và TU'ĐDKH  |
| 4 | Kế hoạch phát triển của các ban ngành                 | Lập kế hoạch  |
| 5 | Tổng hợp rà soát lập KH phát triển Xã                 | Tham khảo ý kiến của cộng đồng  |
| 6 | Hội nghị lập KH xã                                    | Hoàn thiện kế hoạch cấp thôn nộp lên xã   |
| 7 | Lấy ý kiến đóng góp rộng rãi                          | Xã tổng hợp kế hoạch của các thôn thành kế hoạch của xã và thông báo lại cho các thôn |
| 8 | Trình KH lên Huyện phê duyệt                          | Trình KH lên huyện  |

**Lưu ý khi lập kế hoạch:**

- Không có một kế hoạch nào có thể áp dụng được cho tất cả các loại thảm họa và cho mọi địa phương khác nhau vì vậy nội dung của kế hoạch phòng ngừa thảm họa cần phải cụ thể và điều chỉnh phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của từng địa phương và bản chất, đặc điểm của từng loại hiểm họa và mức độ tác động của BĐKH;

- Kế hoạch phòng ngừa thảm họa cần phải được lập dựa trên kết quả của việc đánh giá rủi ro tại cộng đồng;
- Cần đưa ra nhiều giải pháp giảm rủi ro thảm họa và thích ứng với BĐKH cho một vấn đề và cần chú trọng đến mối liên quan của các giải pháp ứng phó trước mắt và thích ứng lâu dài. Giải pháp ưu tiên cần đáp ứng được tác dụng về giảm nhẹ rủi ro thiên tai và tác dụng cho việc phát triển kinh tế xã hội và phù hợp với khả năng thực hiện của địa phương;
- Tác động tiêu cực của các giải pháp đối với môi trường và khí hậu cần được xem xét. Nếu một giải pháp có thể giải quyết được những rủi ro trước mắt nhưng lại gây hại đến môi trường thì không nên thực hiện.
- Kế hoạch cần được thường xuyên cập nhật, sửa đổi điều chỉnh cho phù hợp. Kết hợp được các kiến thức bản địa và kiến thức khoa học để lập kế hoạch phù hợp hơn;
- Việc thực hiện kế hoạch cần có sự giám sát và kiểm tra thường xuyên;
- Những bài học kinh nghiệm rút ra cần được ghi lại thành tài liệu để áp dụng cho kế hoạch mới;
- Hiện nay, các tổ chức phi chính phủ cùng cán bộ của một số cơ quan của chính phủ đang hợp tác xây dựng sổ tay Hướng dẫn lồng ghép GNRRTH và TUBĐKH trong lập kế hoạch kinh tế xã hội cấp xã. Các xã có thể tham khảo thêm sổ tay này trong quá trình lập kế hoạch.

## 5. Nội dung chính của kế hoạch

- **Thông tin tổng quan:** Đặc điểm tình hình kinh tế xã hội, sinh kế, cơ sở hạ tầng, vệ sinh môi trường, y tế của thôn, xã
- **Phân tích mức độ rủi ro thảm họa của địa phương:**
  - kết quả đánh giá rủi ro thảm họa: các hiểm họa thường xảy ra và xu hướng ảnh hưởng của BĐKH ở địa phương,
  - tình trạng dễ bị tổn thương (*vật chất, tổ chức/xã hội, thái độ/động cơ*): khu vực chịu nhiều ảnh hưởng, nhóm người dễ bị ảnh hưởng (theo nhóm đối tượng như nam, nữ, trẻ em, người già, người tàn tật, người dân tộc thiểu số...)
  - khả năng (*vật chất/, tổ chức/xã hội, thái độ/động cơ*): phòng ngừa, ứng phó, phục hồi, thích nghi của các nhóm đối tượng và tổ chức chính quyền
- **Mục tiêu cụ thể:** các kết quả mong muốn đạt được sau khi thực hiện kế hoạch này (*tác động của hiểm họa sẽ được giảm đến mức nào, TTDBTT sẽ được giảm cụ thể đến mức nào, khả năng của các nhóm DBTT cũng như của các tổ chức chính quyền sẽ được tăng đến mức nào*)
- **Các chỉ số/chỉ báo:** (*cụ thể, có tính khả thi, phù hợp và có giới hạn thời gian thực hiện*). Mỗi một mục tiêu cụ thể cần có các chỉ số/chỉ báo rõ ràng và khả thi nhằm đo lường kết quả thực hiện các hoạt động có liên quan đạt được đến mức độ nào đối với mục tiêu đề ra
- **Các biện pháp giảm nhẹ rủi ro thảm họa:** các hoạt động cụ thể để đạt được từng mục tiêu cụ thể của kế hoạch *bao gồm:*
  - Các biện pháp phi công trình, công trình sẽ được thực hiện tại các thời điểm trước, trong và sau thảm họa nhằm giảm tác động của hiểm họa và thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm TTDBTT, tăng khả năng)
  - Các hoạt động cần được phân công cụ thể cho những người chịu trách nhiệm chính và phối hợp, số thành viên nam và nữ tham gia và hưởng lợi, các nguồn lực trong và ngoài cộng đồng (*vật chất, tài chính, kỹ thuật, con người*), thời gian thực hiện (*bắt đầu và kết thúc*), ...
  - Các biện pháp GNRRTH dài hạn cần được đưa vào Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm hoặc 05 năm.
- **Tổ chức thực hiện:** các yêu cầu và điều kiện cần thiết để việc thực hiện kế hoạch đạt được mục tiêu đề ra, bao gồm:
  - Thông báo kế hoạch cho các đơn vị và cá nhân chịu trách nhiệm thực hiện
  - Cách huy động các nguồn lực
  - Cách tổ chức, huy động sự tham gia của cộng đồng (*cụ thể theo tổ, nhóm dân cư, theo đoàn thể, theo các cá nhân nam, nữ, v.v...*) bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ

- **Giám sát và đánh giá:** cần có kế hoạch giám sát và đánh giá quá trình và kết quả thực hiện các hoạt động trong kế hoạch, bao gồm:
  - Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cá nhân chịu trách nhiệm giám sát và đánh giá
  - Phân bổ kinh phí cho các hoạt động giám sát, đánh giá
  - Thống nhất và chuẩn bị biểu mẫu sẽ được sử dụng cho việc giám sát đánh giá
  - Báo cáo tiến độ và kết quả

## 6. Các biểu mẫu sử dụng cho lập kế hoạch

**Bảng 1: Bảng tổng hợp các biện pháp GNRRTH và TUBĐKH của kế hoạch**

| Mục tiêu                                | Loại biện pháp |            |
|---|----------------|------------|
|   | Phi công trình | Công trình |
| <b>Giảm tác hại của hiểm họa</b>        | 1              | 1          |
|   | 2              | 2          |
|   | ...            | ...        |
| <b>Giảm tình trạng dễ bị tổn thương</b> | 1              | 1          |
|   | 2              | 2          |
|   | ...            | ...        |
| <b>Tăng khả năng</b>                    | 1              | 1          |
|   | 2              | 2          |
|   | ...            | ...        |

**Bảng 2: Bảng phân bổ nguồn lực để thực hiện các biện pháp**

| Biện pháp | Nguồn lực tại địa phương |          |           | Yêu cầu hỗ trợ |          |           |
|-----------|--------------------------|----------|-----------|----------------|----------|-----------|
|           | Tài chính                | Kỹ thuật | Con người | Tài chính      | Kỹ thuật | Con người |
| 1         |                          |          |           |                |          |           |
| 2         |                          |          |           |                |          |           |
| ...       |                          |          |           |                |          |           |

**Bảng 3: Bảng phân công trách nhiệm**

| Số TT | Hoạt động | Người<br>trách<br>chính | chịu<br>nhiệm | Người hỗ trợ và<br>người cần tham<br>gia |
|-------|-----------|-------------------------|---------------|--|
|       |           |                         |               |  |
|       |           |                         |               |  |

**Bảng 4: Kế hoạch hành động**

| Số TT | Hoạt động | Thời gian<br>bắt đầu | Thời gian<br>kết thúc | Ghi chú |
|-------|-----------|----------------------|-----------------------|---------|
|       |           |                      |                       |         |
|       |           |                      |                       |         |

**Mẫu 2: Dùng cho kế hoạch phát triển kinh tế xã hội**

---

| KẾ HOẠCH Phòng chống lụt<br>bão   | Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội<br>Năm ...   |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Thông tin tổng quan:</b> Đặc điểm tình hình kinh tế xã hội, sinh kế, cơ sở hạ tầng, vệ sinh môi trường, y tế,...</li> <li>- <b>Hiện trạng và tổng hợp các kết quả đánh giá rủi ro thiên tai,</b> tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng ứng phó.</li> <li>- <b>Mục tiêu</b></li> <li>- <b>Các chỉ tiêu:</b> <i>(cụ thể, có tính khả thi, phù hợp và có giới hạn thời gian thực hiện).</i></li> <li>- <b>Kế hoạch quản lý rủi ro:</b> Các biện pháp giảm thiểu rủi ro <i>(bao gồm các biện pháp phi công trình, công trình tại các thời điểm trước, trong và sau thiên tai và các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu.)</i>, khung thời gian thực hiện, các nguồn lực trong và ngoài cộng đồng, người chịu trách nhiệm thực hiện hoạt động, số người hưởng lợi từ các hoạt động,...</li> <li>- <b>Khả năng tích hợp</b> vào Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm, 05 năm.</li> <li>- <b>Tổ chức thực hiện</b></li> <li>- <b>Giám sát và đánh giá</b></li> </ul> | <p>I. TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI</p> <p>1.1 Đặc điểm chung</p> <p>1.2 Thực trạng phát triển của các lĩnh vực kinh tế xã hội</p> <p>1.3 Cơ hội và thách thức với xã/phường <u>năm kế hoạch</u></p> <p>1.4 Nguồn lực dự kiến và những khó khăn và nhu cầu cần giải quyết trong <u>năm kế hoạch</u></p> <p>II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA XÃ/PHƯỜNG TRONG <u>NĂM KẾ HOẠCH</u></p> <p>2.1 Mục tiêu chung</p> <p>2.2 Mục tiêu cụ kế hoạch của từng lĩnh vực kinh tế xã hội</p> <p>III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG <u>NĂM KẾ HOẠCH</u></p> <p>IV. CÁC KẾT QUẢ DỰ KIẾN ĐẠT ĐƯỢC TRONG <u>NĂM KẾ HOẠCH</u></p> <p>V. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ PHÂN BỐ KINH PHÍ</p> <p>VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH</p> <p>6.1 Lịch trình thực hiện và phân cấp trong thực hiện kế hoạch</p> <p>6.2 Tổ chức thực hiện</p> <p>VII. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾ HOẠCH</p> <p>7.1 Các chỉ tiêu giám sát, đánh giá kế hoạch</p> <p>7.2 Tổ chức giám sát, đánh giá kế hoạch</p> |



## Tổng kết bài học

- Các biện pháp giảm nhẹ RRTH và thích ứng biến đổi khí hậu sau khi được xác định ưu tiên cần được đưa vào các kế hoạch của địa phương, chủ yếu là Kế hoạch Phòng chống lụt bão và Kế hoạch Phát triển Kinh tế Xã hội. Tuy nhiên, tùy tình hình thực tế địa phương, các biện pháp GNRRTH có thể được đưa vào các kế hoạch khác nữa
- Sự khác biệt giữa cách lập kế hoạch theo phương pháp QLRRTH-DVCD với cách lập kế hoạch truyền thống là sự tham gia của cả nam và nữ từ các nhóm đối tượng trong cộng đồng và các bên có liên quan từ khi đánh giá rủi ro, đến xác định các biện pháp, lập kế hoạch và thực hiện

## Tài liệu tham khảo

### BẢNG CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ<sup>7</sup>

| Stt | Thuật ngữ  | Tiếng Việt  | Tiếng Anh  |
|-----|--|---|--|
| 1   | <b>Adaptation – Thích ứng</b>                    | Sự điều chỉnh hệ thống tự nhiên, cấu trúc xã hội, thể chế và các hoạt động của con người nhằm ứng phó với các điều kiện khí hậu hiện tại hoặc tiềm tàng để hạn chế tác hại và tận dụng các cơ hội của nó. | The adjustment in natural or human systems in response to actual or expected climatic stimuli or their effects, which moderates harm or exploits beneficial opportunities. |
| 2   | <b>Capacity – Khả năng</b>                       | Tổng hợp các nguồn lực, điểm mạnh và đặc tính sẵn có trong cộng đồng, tổ chức, xã hội có thể được sử dụng nhằm đạt được các mục tiêu chung.   | The combination of all the strengths, attributes and resources available within a community, society or organization that can be used to achieve agreed goals.             |
| 3   | <b>Capacity Development: Phát triển năng lực</b> | Quá trình trong đó cá nhân, tổ chức và xã hội thúc đẩy và phát triển năng lực của mình một cách có hệ thống theo thời gian nhằm đạt được  | The process by which people, organizations and society systematically stimulate and develop their capacities over time to  |

<sup>7</sup> Các thuật ngữ được sử dụng trong tài liệu này được dịch và hiệu chỉnh theo các khái niệm của tổ chức UNISDR (United Nations International Strategy for Disaster Reduction)

|   |                            |   |  |
|---|----------------------------|---|--|
|   |                            | các mục tiêu kinh tế và xã hội, bao gồm việc củng cố kiến thức, kỹ năng, hệ thống và thể chế  | achieve social and economic goals, including through improvement of knowledge, skills, systems, and institutions   |
| 4 | <b>Climate change</b>      | <p>Biến đổi khí hậu là sự biến đổi trạng thái của khí hậu so với trung bình và/hoặc dao động của khí hậu duy trì trong một khoảng thời gian dài, thường là vài thập kỷ hoặc dài hơn. Biến đổi khí hậu có thể là do các quá trình tự nhiên bên trong hoặc các tác động bên ngoài, hoặc do hoạt động của con người làm thay đổi thành phần của khí quyển hay trong khai thác sử dụng đất.<sup>1</sup></p> <p>Nói một cách ngắn gọn, “<i>Biến đổi khí hậu là sự thay đổi của khí hậu diễn ra trong một khoảng thời gian dài, do nguyên nhân tự nhiên hoặc hoạt động của con người gây ra</i>”.</p> | <p>A change in the state of the climate that can be identified (e.g., by using statistical tests) by changes in the mean and/or the variability of its properties, and that persists for an extended period, typically decades or longer. Climate change may be due to natural internal processes or external forcings, or to persistent anthropogenic changes in the composition of the atmosphere or in land use.<sup>2</sup></p> <p>In short, climate change is “<i>A change in the climate that persists for decades or longer, arising from either natural causes or human activity.</i>”</p> |
| 5 | <b>Disaster – Thảm họa</b> | Sự gián đoạn nghiêm trọng các hoạt động của cộng đồng dân cư hoặc xã hội, gây ra những tổn thất và mất mát về tính mạng, tài sản, kinh tế và môi trường mà cộng đồng và xã hội đó không có đủ khả năng chống đỡ.  | A serious disruption of the functioning of a community or a society involving widespread human, material, economic or environmental losses and impacts, which exceeds the ability of the affected community or society to cope using its own resources.  |

|   |   |   |  |
|---|---|---|--|
| 6 | <b>Disaster risk – Rủi ro thảm họa</b>                      | Những tổn thất tiềm ẩn về tính mạng, tình trạng sức khỏe, các hoạt động sinh kế, tài sản và các dịch vụ <sup>8</sup> do thảm họa gây ra cho một cộng đồng hoặc một xã hội cụ thể trong một khoảng thời gian nhất định   | The potential disaster losses, in lives, health status, livelihoods, assets and services, which could occur to a particular community or a society over some specified future time period.   |
| 7 | <b>Disaster risk management – Quản lý rủi ro thảm họa</b>   | Quá trình mang tính hệ thống trong việc sử dụng các hướng dẫn hành chính, các tổ chức, năng lực và các kỹ năng điều hành nhằm thực hiện các chiến lược, chính sách và khả năng đối phó đã được nâng cao để giảm thiểu các tác động bất lợi của hiểm họa và khả năng xảy ra thảm họa   | The systematic process of using administrative directives, organizations, and operational skills and capacities to implement strategies, policies and improved coping capacities in order to lessen the adverse impacts of hazards and the possibility of disaster.  |
| 8 | <b>Disaster risk reduction – Giảm thiểu rủi ro thảm họa</b> | Quan điểm và biện pháp giảm thiểu các rủi ro thảm họa thông qua những nỗ lực mang tính hệ thống để phân tích và quản lý các nguyên nhân của thảm họa bao gồm việc giảm mức độ nguy hiểm trước hiểm họa, giảm tình trạng dễ bị tổn thương của con người và tài sản, quản lý hiệu quả đất và môi trường, và cải thiện khả năng phòng ngừa các sự kiện bất lợi | The concept and practice of reducing disaster risks through systematic efforts to analyse and manage the causal factors of disasters, including through reduced exposure to hazards, lessened vulnerability of people and property, wise management of land and the environment, and improved preparedness for adverse events. |
| 9 | <b>El Nino</b>  | Một loạt các tương tác qua lại tại vùng biển nhiệt đới Thái Bình Dương và khí quyển toàn cầu dẫn đến các  | A complex interaction of the tropical Pacific Ocean and the global atmosphere that results in irregularly occurring  |

<sup>8</sup> Dịch vụ nghĩa là các hoạt động phục vụ cho con người

|    |   |   |  |
|----|---|---|--|
|    |   | hình thái thay đổi bất thường của đại dương và diễn biến thời tiết tại nhiều khu vực trên thế giới, thường dẫn đến những tác động đáng kể và lâu dài trong nhiều tháng, ví dụ như thay đổi quần thể sinh vật biển, thay đổi về lượng mưa, lũ lụt, hạn hán, và những thay đổi về hình thái bão | episodes of changed ocean and weather patterns in many parts of the world, often with significant impacts over many months, such as altered marine habitats, rainfall changes, floods, droughts, and changes in storm patterns |
| 10 | <b>Emergency management –<br/>Quản lý tình trạng khẩn cấp</b>             | Việc tổ chức và quản lý các nguồn lực và trách nhiệm để giải quyết tất cả các mặt liên quan tới tình trạng khẩn cấp, đặc biệt là các bước phòng ngừa, ứng phó và phục hồi ban đầu   | The organization and management of resources and responsibilities for addressing all aspects of emergencies, in particular preparedness, response and initial recovery steps.  |
| 11 | <b>Emergency Services –<br/>Các cơ quan ứng phó khẩn cấp</b>              | Tập hợp các cơ quan chuyên môn có trách nhiệm và mục đích cụ thể đối với việc phục vụ và bảo vệ người dân và tài sản trong trường hợp khẩn cấp.   | The set of specialized agencies that have specific responsibilities and objectives in serving and protecting people and property in emergency situations.  |
| 12 | <b>Environmental degradation –<br/>Thoái hóa môi trường</b>               | Sự suy giảm chất lượng môi trường trong việc đáp ứng các mục tiêu, nhu cầu xã hội và sinh thái.   | The reduction of the capacity of the environment to meet social and ecological objectives and needs.   |
| 13 | <b>Environmental Impact Assessment –<br/>Đánh giá tác động môi trường</b> | Quá trình đánh giá những hậu quả của một đề xuất dự án hoặc chương trình đến môi trường, là một phần của qui trình lập kế hoạch và đưa ra quyết định nhằm hạn chế hay giảm bớt  | Process by which the environmental consequences of a proposed project or programme are evaluated, undertaken as an integral part of planning and decision-   |

|    |   |   |   |
|----|---|---|---|
|    |   | những ảnh hưởng bất lợi của dự án hoặc chương trình đó.   | making processes with a view to limiting or reducing the adverse impacts of the project or programme  |
| 14 | <b>Exposure –<br/>Mức độ nguy hiểm<br/>(trước hiểm họa)</b> | Con người, tài sản, các hệ thống hoặc các yếu tố khác có mặt tại các khu vực hiểm họa do đó dễ chịu những thiệt hại có thể xảy ra   | People, property, systems, or other elements present in hazard zones that are thereby subject to potential losses.  |
| 15 | <b>Forecast –<br/>Dự báo</b>                                | Nhận định chắc chắn hoặc ước tính thống kê về khả năng xảy ra của một sự kiện hoặc các trạng thái trong tương lai cho một khu vực cụ thể  | Definite statement or statistical estimate of the likely occurrence of a future event or conditions for a specific area   |
| 16 | <b>Geological hazard –<br/>Hiểm họa địa chất</b>            | Quá trình hoặc hiện tượng địa chất có thể gây chết người, thương tích hoặc những tác động khác tới sức khỏe, gây thiệt hại về tài sản, sinh kế, các dịch vụ, làm gián đoạn các hoạt động kinh tế - xã hội, hoặc gây thiệt hại về môi trường | Geological process or phenomenon that may cause loss of life, injury or other health impacts, property damage, loss of livelihoods and services, social and economic disruption, or environmental damage  |
| 17 | <b>Greenhouse gases –<br/>Khí nhà kính</b>                  | Các loại khí trong khí quyển, cả tự nhiên và nhân tạo, hấp thụ và tỏa ra bức xạ nhiệt hồng ngoại do bề mặt trái đất, bản thân khí quyển và các đám mây phát ra.   | Gaseous constituents of the atmosphere, both natural and anthropogenic, that absorb and emit radiation of thermal infrared radiation emitted by the Earth's surface, the atmosphere itself, and by clouds |
| 18 | <b>Hazard – Hiểm họa</b>                                    | Sự kiện, vật chất, hoạt động của con người hay  | A dangerous phenomenon, substance,  |

|    |   |  |  |
|----|---|--|--|
|    |   | điều kiện nguy hiểm có thể gây các tổn thất về tính mạng, thương tích, ảnh hưởng khác đến sức khỏe, thiệt hại tài sản, sinh kế và dịch vụ, gây gián đoạn các hoạt động kinh tế - xã hội hoặc tàn phá môi trường  | human activity or condition that may cause loss of life, injury or other health impacts, property damage, loss of livelihoods and services, social and economic disruption, or environmental damage.   |
| 19 | <b>Hydrometeorological hazard –<br/>Hiểm họa khí tượng thủy văn</b> | Quá trình hoặc hiện tượng liên quan tới trạng thái tự nhiên của khí quyển, thủy văn hoặc hải dương có thể gây chết người, thương tích hoặc các tác động khác tới sức khỏe, gây thiệt hại về tài sản, sinh kế và các dịch vụ, làm gián đoạn các hoạt động kinh tế - xã hội, hoặc gây thiệt hại về môi trường.   | Process or phenomenon of atmospheric, hydrological or oceanographic nature that may cause loss of life, injury or other health impacts, property damage, loss of livelihoods and services, social and economic disruption, or environmental damage.  |
| 20 | <b>Land-use planning<br/>Quy hoạch sử dụng đất</b>                  | Quá trình cán bộ chính quyền địa phương xác định, đánh giá và quyết định các phương án sử dụng đất đai, có cân nhắc đến các mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường dài hạn, cũng như tính đến các tác động của những phương án này đến cộng đồng các nhóm lợi ích khác nhau; và đến các kế hoạch sẽ được xây dựng và triển khai sau đó đối với từng phương án sử dụng đất được cấp phép hoặc được chấp nhận áp dụng. | The process undertaken by public authorities to identify, evaluate and decide on different options for the use of land, including consideration of long term economic, social and environmental objectives and the implications for different communities and interest groups, and the subsequent formulation and promulgation of plans that describe the permitted or acceptable uses |
| 21 | <b>Mitigation – Giảm nhẹ</b>  | Giảm thiểu hoặc hạn chế các tác động có hại của hiểm họa và thảm họa   | The lessening or limitation of the adverse impacts of hazards and  |

|    |  |   |   |
|----|--|---|---|
|    |  | liên quan   | related disasters.  |
| 22 | <b>National platform for disaster risk reduction –<br/>Diễn đàn quốc gia về giảm thiểu rủi ro thảm họa</b> | Một cụm từ chung chỉ các cơ chế quốc gia dành cho việc điều phối và hướng dẫn chính sách giảm thiểu rủi ro thảm họa mang tính đa ngành và liên ngành với sự tham gia của công chúng, khối tư nhân và tổ chức xã hội dân sự kéo theo sự tham gia của tất cả các chủ thể có liên quan trong một quốc gia. | A generic term for national mechanisms for coordination and policy guidance on disaster risk reduction that are multi-sectoral and interdisciplinary in nature, with public, private and civil society participation involving all concerned entities within a country. |
| 23 | <b>Natural hazard:<br/>Hiểm họa tự nhiên</b>   | Quá trình hay hiện tượng tự nhiên có thể gây chết người, thương tích hoặc các tác động khác tới sức khỏe, gây thiệt hại về tài sản, sinh kế và các dịch vụ, làm gián đoạn các hoạt động kinh tế - xã hội, hoặc gây thiệt hại về môi trường  | Natural process or phenomenon that may cause loss of life, injury or other health impacts, property damage, loss of livelihoods and services, social and economic disruption, or environmental damage   |
| 24 | <b>Non-structural measures:<br/>Biện pháp phi công trình</b>   | Bất kỳ biện pháp nào không liên quan đến xây dựng mà chỉ sử dụng kiến thức, cách thực hành hoặc thỏa thuận nhằm giảm thiểu rủi ro và tác động, cụ thể bằng các chính sách, luật pháp, nâng cao nhận thức cộng đồng, tập huấn và giáo dục  | Any measure not involving physical construction that uses knowledge, practice or agreement to reduce risks and impacts, in particular through policies and laws, public awareness raising, training and education   |
| 25 | <b>Preparedness<br/>Phòng ngừa</b> –   | Kiến thức và khả năng được chính phủ, các tổ chức ứng phó và phục hồi chuyên nghiệp, các cộng đồng và cá nhân xây dựng nhằm dự báo, ứng phó và phục hồi một cách hiệu quả với các tác   | The knowledge and capacities developed by governments, professional response and recovery organizations, communities and individuals to effectively   |

|    |  |  |   |
|----|--|--|---|
|    |  | động của hiểm họa hay tình trạng có thể, sắp hoặc đang xảy ra.   | anticipate, respond to, and recover from, the impacts of likely, imminent or current hazard events or conditions.   |
| 26 | <b>Prevention:<br/>Phòng tránh</b>               | Sự ngăn ngừa triệt để các ảnh hưởng bất lợi của hiểm họa và các thảm họa có liên quan.   | The outright avoidance of adverse impacts of hazards and related disasters  |
| 27 | <b>Public awareness:<br/>Nhận thức cộng đồng</b> | Mức độ hiểu biết chung về rủi ro thảm họa, các yếu tố dẫn đến thảm họa và hành động có thể được cá nhân hay tập thể thực hiện nhằm giảm nhẹ mức độ nguy hiểm và khả năng dễ bị tổn thương trước hiểm họa.                      | The extent of common knowledge about disaster risks, the factors that lead to disasters and the actions that can be taken individually and collectively to reduce exposure and vulnerability to hazards                           |
| 28 | <b>Recovery – Phục hồi</b>                       | Khôi phục và cải thiện cơ sở vật chất, các hoạt động sinh kế, các điều kiện sống của cộng đồng bị ảnh hưởng bởi thảm họa, bao gồm các nỗ lực giảm thiểu các yếu tố rủi ro thảm họa.  | The restoration, and improvement where appropriate, of facilities, livelihoods and living conditions of disaster-affected communities, including efforts to reduce disaster risk factors.   |
| 29 | <b>Response - Ứng phó</b>                        | Việc thực hiện các hoạt động khẩn cấp và hỗ trợ xã hội trong hoặc ngay sau thảm họa nhằm bảo vệ tính mạng, giảm thiểu tác động về sức khỏe, đảm bảo an toàn xã hội và đáp ứng các nhu cầu cơ bản của những người bị ảnh hưởng. | The provision of emergency services and public assistance during or immediately after a disaster in order to save lives, reduce health impacts, ensure public safety and meet the basic subsistence needs of the people affected. |
| 30 | <b>Resilience – Khả</b>                          | Khả năng của một hệ  | The ability of a system,  |



|    |  |  |  |
|----|--|--|--|
|    | <b>năng ứng phó, phục hồi và thích nghi</b>  | thống, cộng đồng, xã hội trong vùng hiểm họa để chống đỡ, chịu đựng, thích nghi và phục hồi các tác động của hiểm họa một cách kịp thời và hiệu quả, bao gồm bảo tồn và khôi phục các công trình và chức năng cơ bản, thiết yếu.   | community or society exposed to hazards to resist, absorb, accommodate to and recover from the effects of a hazard in a timely and efficient manner, including through the preservation and restoration of its essential basic structures and functions.                   |
| 31 | <b>Retrofitting:<br/>Gia cố</b>              | Củng cố hoặc cải thiện cấu trúc hiện tại làm tăng khả năng chống chịu và thích nghi tốt hơn trước các tác động có hại của hiểm họa.  | Reinforcement or upgrading of existing structures to become more resistant and resilient to the damaging effects of hazards  |
| 32 | <b>Risk –<br/>Rủi ro</b>                     | Sự kết hợp giữa khả năng một sự kiện có thể xảy ra với các hậu quả tiêu cực của nó.  | The combination of the probability of an event and its negative consequences.  |
| 33 | <b>Risk assessment –<br/>Đánh giá rủi ro</b> | Một phương pháp xác định bản chất và mức độ rủi ro bằng cách phân tích các hiểm họa có thể xảy ra và đánh giá các điều kiện hiện tại của tình trạng dễ bị tổn thương mà có thể gây hại cho con người, tài sản, các dịch vụ, các hoạt động sinh kế và môi trường trong khu vực nguy hiểm. | A methodology to determine the nature and extent of risk by analysing potential hazards and evaluating existing conditions of vulnerability that together could potentially harm exposed people, property, services, livelihoods and the environment on which they depend. |
| 34 | <b>Risk management –<br/>Quản lý rủi ro</b>  | Cách tiếp cận và thực hành mang tính hệ thống của việc quản lý trong những điều kiện không chắc chắn nhằm giảm thiểu thiệt hại và mất mát.   | The systematic approach and practice of managing uncertainty to minimize potential harm and loss.  |

|    |   |  |   |
|----|---|--|---|
| 35 | <b>Risk transfer:</b><br><b>Chuyển giao rủi ro</b>            | Quá trình chuyển dịch chính thức hoặc không chính thức các hậu quả tài chính của những rủi ro cụ thể từ một bên này tới một bên khác theo đó một hộ gia đình, một cộng đồng, một doanh nghiệp hay một cơ quan nhà nước sẽ nhận được các nguồn lực từ bên khác sau khi một thảm họa xảy ra, để đổi lấy việc duy trì hoặc đền bù cho các lợi ích xã hội hoặc tài chính cho bên đó. | The process of formally or informally shifting the financial consequences of particular risks from one party to another whereby a household, community, enterprise or state authority will obtain resources from the other party after a disaster occurs, in exchange for ongoing or compensatory social or financial benefits provided to that other party |
| 36 | <b>Structural measures:</b><br><b>Biện pháp công trình</b>    | Bất kỳ một công trình xây dựng nào để giảm thiểu hoặc tránh các tác động do hiểm họa có thể gây ra, hoặc việc ứng dụng các phương pháp kỹ thuật nhằm thu được khả năng chống chịu và <b>độ đàn hồi</b> của các công trình hoặc các hệ thống đó   | Any physical construction to reduce or avoid possible impacts of hazards, or application of engineering techniques to achieve hazard-resistance and resilience in structures or systems   |
| 37 | <b>Sustainable development:</b><br><b>Phát triển bền vững</b> | Sự phát triển đáp ứng được các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng của các thế hệ tương lai trong việc đáp ứng các nhu cầu của họ.  | Development that meets the needs of the present without compromising the ability of future generations to meet their own needs  |
| 38 | <b>Technological hazard:</b><br><b>Hiểm họa kỹ thuật</b>      | Một hiểm họa bắt nguồn từ các điều kiện công nghệ hoặc công nghiệp, bao gồm cả các tai nạn, các qui trình nguy hiểm, những sai sót/hư hỏng của cơ sở hạ tầng, hoặc các hoạt động cụ thể của  | A hazard originating from technological or industrial conditions, including accidents, dangerous procedures, infrastructure failures or specific human activities, that may cause   |

|    |  |  |   |
|----|--|--|---|
|    |  | con người, có thể gây thiệt hại về người, thương tích, bệnh tật, hoặc các ảnh hưởng khác liên quan đến sức khỏe, thiệt hại tài sản, tổn thất về sinh kế và các dịch vụ, gián đoạn hoạt động kinh tế - xã hội, hay thiệt hại về môi trường. | loss of life, injury, illness or other health impacts, property damage, loss of livelihoods and services, social and economic disruption, or environmental damage |
| 39 | <b>Vulnerability – Tình trạng dễ bị tổn thương</b> | Những đặc điểm và hoàn cảnh của một cộng đồng, hệ thống hoặc tài sản làm cho nó dễ bị ảnh hưởng của các tác động bất lợi từ hiểm họa   | The characteristics and circumstances of a community, system or asset that make it susceptible to the damaging effects of a hazard.                               |

---

<sup>1</sup> ISDR; IPCC; MONRE

<sup>2</sup> ISDR; IPCC; MONRE75